Số 3

THÁNG 7
1958

# ĐẠI-HỌC

## TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU

KINH-TẾ LUẬT-HỌC

ALAIN BIROU — *TÍNH-CÁCH KHẨN-CẤP VÀ ĐIỀU-KIỆN CÔNG-CUỘC KHOÁCH-TRƯƠNG XỨ V. N.*

NGUYỄN-TOẠI — *HÔN-NHÂN TRONG LUẬT XƯA*

LÊ-TÀI-TRIỀN — *NẠN-NHÂN VÀ TỐ-QUYỀN CỦA NẠN-NHÂN TRONG MỘT TAI-NẠN CÓ BẢO-HIỂM*

VĂN-NGHỆ

HOÀNG-THÁI-LINH — *NHỮNG NÀNG TIÊN CỦA CHÚNG TA*

BỬU-KẾ — *HAI CHỮ TRI-KỶ VÀ BỒ LIỄU-TRAI của BỒ-TÙNG-LINH*

PHÙNG-BÁ-HUY — *VÀI NHẬN-XÉT VỀ PHIM « ĐỒNG RUỘNG MIỀN NAM » (La Mort en Fraude)*

TRIẾT-HỌC

TRẦN-VĂN-TOÀN — *TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ TỰ-DO và HỢP-LÝ TÌNH CẢM CÓ TỘI*

JEAN LACROIX

NGUYỄN-VĂN-TRUNG — *Nhân đọc « ĐI TÌM MỘT CĂN-BẢN TƯ-TƯỞNG » của NGHIÊM-XUÂN-HỒNG, ĐẶT VẤN-ĐỀ GIAI-CẤP LÃNH ĐẠO*

KHOA-HỌC

VÕ-QUANG-YẾN — *BURKHARD HEIM và THUYẾT TRỌNG-LỰC*

**Tài-liệu đời sống Viện Đại-Học Huế**

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ
*Chủ-trương biên-tập :*
NGUYỄN-VĂN-TRUNG
36 Lê-Lợi, Huế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# MỤC-LỤC


| | | Trang |
|---|---|---|
| *LÊ - TÀI - TRIỂN* | Nạn-nhân và Tố-quyền của Nạn-nhân trong một tai-nạn có bảo-hiểm | 3 |
| *ALAIN BIROU* | Tính-cách khẩn-cấp và điều-kiện công cuộc khoách-trương xứ V. N. | 18 |
| *TRẦN - VĂN - TOÀN* | Trở lại vấn-đề Tự-do và Hợp-lý | 33 |
| *HOÀNG - THÁI - LINH* | Những nàng tiên của chúng ta | 44 |
| *JEAN LACROIX* | Tình - cảm có tội . . . | 54 |
| *BỬU - KẾ* | Hai chử Tri-kỷ và bộ Liễu-Trai của Bồ-tùng-Linh. . . . | 60 |
| *NGUYỄN - TOẠI* | Hôn-nhân trong luật xưa. . | 74 |
| *VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ* | Tài liệu đời sống Viện Đại-Học. | 93 |
| *NGUYỄN - VĂN - TRUNG* | Nhân đọc « Đi tìm một Căn bản Tư-tưởng » của Nghiêm - xuân - Hồng, đặt vấn-đề giai-cấp lãnh-đạo. | 100 |
| *VÕ - QUANG - YẾN* | Burkhard Heim và Thuyết Trọng-lực. . . . . | 127 |
| *PHỤNG - BÁ - HUY* | Vài nhận-xét về phim « Đồng ruộng miền Nam . . . . . | 129 |


* * *


*Thư từ bài vở xin gởi về :* Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG
*Giao dịch cùng Tòa báo :* Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gởi về :
**Linh-mục CAO - VĂN - LUẬN**
TẠP CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
*Tòa-soạn và Trị-sự : Số 36, đường Lê-Lợi HUẾ*


Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC
TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

# NẠN-NHÂN VÀ TỐ-QUYỀN CỦA NẠN-NHÂN

## *TRONG MỘT TAI-NẠN CÓ BẢO-HIỂM*

KHI nào ta làm một hành-vi gì gây thiệt-hại cho người khác thì ta có nghĩa-vụ phải bồi-thường cho người này. Đó là nguyên-tắc chính-yếu của luật trách-nhiệm đã được xác-nhận trong điều 1382 Dân-luật Pháp và nhập vào điều 712 Dân-luật Bắc-phần và điều 761 Dân-luật Trung-phần.

Chúng ta cũng biết rằng theo điều 1384 I Dân-luật Pháp đối chiếu với điều 714 Dân-luật Bắc-phần và điều 763 Dân-luật Trung-phần, người canh-thủ một đồ-vật nào có trách-nhiệm phải bồi-thường những sự thiệt-hại do đồ-vật ấy gây ra, không cứ là người canh-thủ có lỗi hay không có lỗi trong sự gây thiệt-hại ấy.

Vấn-đề bồi-thường nêu lên nhiều câu hỏi.

Ở đây chúng ta sẽ chỉ chú trọng đến hai vấn-đề :

— 1o/ *Ai là nạn-nhân có thể đòi bồi-thường trong một tai-nạn ?*

— 2o/ *Nạn-nhân có những tố-quyền gì để đòi bồi-thường ?*

Và chúng ta sẽ thí-dụ rằng người gây ra tai-nạn có bảo-hiểm và tai-nạn đã xảy ra cho một cá-nhân, nghĩa là chúng ta sẽ không đề-cập đến quyền bồi-thường của một pháp-nhân.

*Ai được bồi thường ?* — Tất nhiên là người bị nạn. Nhưng không phải chỉ riêng có người bị nạn. Tất cả những người nào bị thiệt-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hại về tai-nạn đều có quyền đòi bồi-thường. Trong số những người nầy có thân-thuộc bằng-hữu của nạn-nhân nếu người nầy bị chết hay bị tàn-tật vì tai-nạn ; những chủ nợ của nạn-nhân cũng có quyền ấy nếu nạn-nhân vì một lý-do nào đó, không hành-động đòi bồi thường. Số người được quyền đòi bồi-thường, như vậy, rất nhiều, cho nên chúng ta sẽ thấy rằng án-lệ đã phải hạn-chế những việc kiện bồi-thường bằng cách phân-biệt những sự thiệt-hại tinh-thần và thiệt-hại vật-chất.

Thiệt-hại vật-chất, theo nghĩa pháp-lý, là sự thiệt-hại về tài-sản, chứ không phải là sự thiệt-hại hữu-hình, cụ-thể. Như sự đau đớn xác-thịt tuy rằng nhận xét thấy được, tuy rằng sự xâm-phạm vào thể-xác trông thấy được rõ ràng, nhưng không phải là sự thiệt-hại vật-chất mà là một sự thiệt-hại tinh-thần.

Sự đau-đớn của nạn-nhân bị thương-tích như vậy là một sự thiệt-hại tinh-thần ; và cả sự thương-xót của thân-bằng quyến-thuộc cũng vậy. Sự tổn-thương danh-dự cũng là một sự thiệt-hại tinh-thần. Nhưng chúng ta sẽ không cần bàn đến vì đó không phải là một sự thiệt-hại do một tai-nạn gây ra.

Trên căn-bản sự phân-biệt này, nạn-nhân có quyền đòi bồi thường vì sự đau-đớn do tai-nạn đã làm cho phải chịu và những sự thiệt-hại vật-chất do tai-nạn gây ra. Thân-thuộc có thể đòi bồi thường về sự thiệt-hại tinh-thần cũng như vật-chất. Bằng-hữu với tư-cách ấy, có thể đòi bồi-thường về sự thương-xót của mình, nhưng phải là một sự thương-xót sâu-xa, thực-sự mà Tòa-án có toàn-quyền xét-đoán. Sau hết, các chủ nợ, trong mọi trường-hợp chỉ có thể đòi bồi-thường về sự thiệt-hại vật-chất.

— *Ai phải bồi thường ?* — Đó là người gây ra tai-nạn. Nhưng nhiều khi người này có một khế-ước, bảo-hiểm trách-nhiệm cho mình. Khế-ước ấy, đối với người bị nạn là một ngoại-vật, tức là không có hiệu-lực đối với người bị nạn. Nhưng mục-đích khế-ước là bảo-hiểm trách-nhiệm cho người đã gây ra tai-nạn.

Tai-nạn xảy ra sẽ phát-động hiệu-lực của khế-ước, và chính tai-nạn ấy lại là nguyên-nhân cái quyền bồi thường của người bị

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nạn. Do đấy, tai-nạn và khế-ước có liên-quan mật-thiết với nhau, làm cho sự tương-quan của người bị nạn với người gây nạn sẽ kèm theo hai sự tương-quan khác : giữa người gây nạn với người bảo-hiểm một đàng, và giữa người bị nạn với người bảo-hiểm, một đàng khác. Nói khác đi, người ta vào bảo-hiểm là để phòng khi xảy ra tai-nạn, hãng bảo-hiểm sẽ gánh-vác trách-nhiệm bồi-thường ; nay tai nạn xảy ra, người khách của hãng bảo-hiểm có một trái-quyền đối với hãng bảo-hiểm. Nhưng trái-quyền ấy cốt là để bồi-thường cho người bị nạn, vậy người này có những quyền gì trên trái-quyền ấy ? — Đó là những vấn-đề mà chúng ta sẽ lần-lượt cứu-xét trong hai đoạn dưới đây.

## I.— Ai có quyền đòi bồi - thường ?

*A/ Nạn-nhân và thân-quyến.*— Chỉ người nào đã phải chịu thiệt-hại mới có quyền đòi bồi-thường. Ai cũng hiểu như vậy. Nhưng cũng có khi sự thiệt-hại xảy ra cho người nầy mà một người khác cũng có thể đòi bồi-thường. Ví-dụ một người bị thiệt-mạng trong một tai-nạn xe hơi. Sự thiệt-hại chính đã xảy cho người nầy, nhưng mà sự thiệt-hại tinh-thần của thân-quyến, bị đau thương về cái chết ấy, cũng làm cho những thân-quyến có quyền đòi bồi-thường,

Ngoài trường-hợp nạn-nhân bị chết, chỉ bị đau-đớn trong thể-xác về tai-nạn, thân-quyến có được đòi bồi-thường không ? — Trong một thời-gian rất lâu, án-lệ không chuẩn-chấp những đơn bồi-thường ấy. cho rằng chỉ có sự tử-nạn mới làm cho thân-nhân phải đau-thương luyến-tiếc và được bồi-thường (Req. 22.12.1942. S 1943. 1,36). Theo án-lệ ấy ta thấy rằng chỉ có sự thương-xót sâu-xa một người đã chết, không có cách gì đền bù được mới được bồi-thường bằng tiền-bạc. Án-lệ ấy quá chặt-chẽ và khắc-nghiệt. Ví-dụ nạn-nhân bị tàn-tật suốt đời. cảnh-tượng ấy lại chẳng phải là một sự đau-thương, khổ-ải hằng ngày cho những thân-quyến ở xung-quanh hay sao ? Cho nên trong trường-hợp đặc-biệt ấy, án-lệ của Phòng Hộ Tối-cao Pháp-viện Pháp đã chuẩn-chấp đơn xin bồi-thường (Civ. 22.10.46 D 1947. 7.59).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bên cạnh sự thiệt-hại tinh-thần ấy, còn sự thiệt-hại vật-chất. Thiệt-hại vật-chất là thiệt-hại do ảnh-hưởng của tai nạn phát-sinh về phương-diện tiền-tài, đó là sự thiệt-hại có liên-quan đến tài-sản. Trong phạm-vi gia-đình, có khi cái chết của người này sẽ làm lợi cho người khác, ví-dụ số người thừa-kế sẽ ít đi và kỷ-phần của mỗi người sẽ tăng lên. Nhưng nhiều khi, người chết là cột-trụ cho một gia-đình ; mất người ấy, gia-đình mất chỗ nương-tựa sinh nhai, bởi thế thân-quyến nương-tựa vào người ấy có quyền đòi bồi-thường. Cũng vì thế cho nên những người có thể được nạn-nhân chu-cấp điều có thể xin bồi-thường. Luật-pháp không định rõ về điểm này. Xét án-lệ Pháp ta thấy rằng, không cứ thân-quyến xa gần đều có thể được bồi-thường. Nhưng điều-kiện sẽ dễ-dãi hay khắt-khe tùy theo thân-quyến là người có quyền đòi nạn-nhân cấp-dưỡng theo Dân-luật, hay là người không có quyền ấy.

Dân-luật Pháp (điều 205, 206, 207) đặt ra bổn-phận cấp-dưỡng hỗ-tương giữa vợ chồng, giữa tôn-thuộc và ty-thuộc, giữa dâu rể và bố mẹ chồng, bố mẹ vợ. Khi nguyên-đơn là một người có quyền cấp-dưỡng thì chỉ cần chứng tỏ rằng mình ở trong một tình-trạng quẫn-bách có thể đòi nạn-nhân cấp-dưỡng nếu người này không bị chết. Nói như vậy có nghĩa là nguyên-đơn không cần phải đã được nạn-nhân cấp-dưỡng rồi khi còn sinh-thời. Chỉ cần có thể dựa vào quyền của mình đã được công-nhận trong Dân-luật để đòi cấp-dưỡng, là đòi được bồi-thường, vì rằng quyền cấp-dưỡng, dẫu chưa xử-dụng, vẫn còn tồn-tại và sở-dĩ nay bị tiêu-diệt là vì chính tai-nạn xảy ra đã làm tiêu-diệt. Bởi thế cho nên người vợ, không ly-dị, nhưng đã ở riêng mà không đòi cấp-dưỡng, vẫn có quyền đòi bồi-thường nếu người chồng bị chết vì tai-nạn (Soc. 21.11.1940. DA 1941 J. 13). Và cha mẹ, nếu ở trong tình-trạng túng thiếu, có quyền đòi bồi-thường về sự mất chỗ nương-tựa trong tương-lai, nếu người con bị chết vì tai-nạn (Req. 20.11.1939. DH 1940. 77).

Khi nguyên-đơn là một người không có quyền được cấp-dưỡng theo Dân-luật thì điều-kiện khắt-khe hơn. Vì những người này không có một quyền-lợi khả-dĩ lúc nào cũng xử-dụng được để đòi cấp-dưỡng cho nên muốn được bồi-thường phải chứng-tỏ rằng khi còn sinh thời nạn-nhân vẫn chu-cấp cho mình ; có như vậy mới có sự thiệt-hại đích-xác khả-dĩ làm căn-cứ cho đơn xin bồi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thường, ví-dụ như trường-hợp những người em còn vị-thành-niên vẫn được người anh cả nuôi-nấng trước khi ngộ-nạn (Crim. 30.11. 193. GP 1935. 1.103).

Án-lệ Việt-Nam, theo chỗ chúng tôi biết, chưa có dịp bày tỏ đầy đủ quan-điểm về những trường-hợp phức-tạp trên nầy. Nếu ta áp-dụng án-lệ của Pháp, ta nên nhận-xét rằng về vấn-đề cấp-dưỡng Dân-luật Việt-nam quy-định bổn-phận cấp-dưỡng giữa vợ chồng ở điều 92 Dân-luật Bắc-phần và Dân-luật Trung-phần ; giữa bố mẹ và con cái ở điều 91, 207 Dân-luật Bắc-phần, Dân-luật Trung-phần ; giữa con cháu và tôn-thuộc ở điều 720 Dân-luật Bắc-phần, 773 Dân-luật Trung-phần ; giữa anh em ở điều 722 Dân-luật Bắc-phần và điều 775 Dân-luật Trung-phần ; giữa con dâu với bố mẹ chồng ở điều 721 Dân-luật Trung-phần và điều 354, 774 Dân-luật Trung-phần.

Ta nhận thấy rằng những sự thiệt-hại tinh-thần và vật-chất trên nầy đều là những sự thiệt-hại do tai-nạn đã gây ra cho chính những người thân-quyến, những sự thiệt-hại mà chính bản-thân họ phải chịu. Khi họ khởi-tố đòi bồi-thường về những khoản ấy là họ khởi-tố nhân-danh họ, họ xử-hành một tố-quyền riêng của họ.

Nhưng họ còn có thể đòi bồi-thường về những sự thiệt-hại mà tai-nạn đã gây ra cho người bị-nạn. Người bị nạn, như chúng ta đã thấy, có quyền đòi bồi-thường về những sự thiệt-hại ấy ; sau khi chết, tố-quyền ấy di-truyền lại cho những người thừa kế : những người này sẽ nhân-danh là thừa-kế, với tư-cách là thừa-kế, xử-hành tố-quyền của người mệnh-một, để đòi bồi-thường về sự thiệt-hại đã gây ra cho người mệnh-một. Sự thiệt-hại ấy là sự thiệt-hại gì ? — Trước hết là sự đau-đớn mà tai-nạn đã làm cho nạn-nhân phải chịu. Sau nữa, chính cái chết cũng là một sự thiệt-hại quan-trọng, vì đời sống của mỗi người là của báu nhất cho người ấy. Tất có người sẽ nói rằng không có trái-quyền gì có thể phát-sinh cho một người chết : khi sự thiệt-hại xảy ra thì người ngộ-nạn đã chết ; và đã chết rồi thì không còn là chủ-thể cho quyền gì được nữa, do đấy, nạn-nhân không có được quyền

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bồi-thường nào có thể di-truyền lại được cho con cháu. Lý-luận như vậy không đúng. Ta phải nhận xét rằng trong mọi trường-hợp phải đã có bị thương rồi mới chết: trong thời-gian ngắn-ngủi ấy, trái-quyền không phát-sinh cho một người đã chết rồi, mà cho một người còn sống, và phát-sinh ra được chính là vì người sống ấy bị tai-nạn làm chết.

Vả chăng, về thực-tế, nếu tước-bỏ tố-quyền của thừa-kế trong trường-hợp tại-nạn làm chết người thì chẳng khác gì biệt-đãi kẻ gây ra tai-nạn trầm-trọng hơn kẻ gây ra tai-nạn tầm-thường (1).

Trên đây chúng ta chỉ mới nói đến những thân-quyến tức là những người thụ-quyền có sự liên-hệ gia-đình với người bị nạn, Nhưng còn có những người không có sự liên-lạc huyết-mạch gì với nạn-nhân cũng có thể đòi bồi-thường vì cái chết của người này. Đó là những bằng-hữu và những người chủ nợ của nạn-nhân.

*B) Những bằng-hữu.* — Bằng-hữu có thể vì sự thương-xót một người bạn bị tử-nạn mà đòi bồi-thường hay không? — Án-lệ xưa kia về điểm này công-nhận quyền bồi-thường ấy lấy lẽ rằng điều 1382 Dân-luật (đối-chiếu với những điều 711 Dân-luật Trung phần và 712 Dân-luật Bắc-phần) có tính-cách rất rộng-rãi, không hạn-chế, không bó buộc điều-kiện gì khác ngoài điều-kiện là có bị một sự thiệt-hại, do đấy, những người không có sự liên-hệ thân-thuộc hay thích-thuộc gì với nạn-nhân cũng có thể đòi bồi-thường (Req. 10. 4. 1922 S. 1924 1. 153;. Crim. 15. 12. 1923 D. 1924. 1. 69 ; Civ. 13. 2. 1923. S 1926. 1. 325).

Nhưng trước tình-trạng những việc kiện bồi-thường mỗi ngày một nhiều, và chỉ có tính-cách trục-lợi, án-lệ đã chuyển-hướng, và Phòng Đơn-Từ Tòa Phá-án Pháp, ngày 2-2-1931 (S 1931. 1. 123)

(1) H et L. Mazeaud : Traité théorique et pratique de la Responsabilité civile, 4è édition, tome 2, n° 1912.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đã xử rằng sự đau-thương, làm căn-cứ cho đơn bồi-thường, phải phát-sinh ở tình liên-lạc thân-thuộc hay thích-thuộc. Án-lệ này đã ngăn-cản việc buôn bán những hàng nước mắt giả-vờ, nhưng không viện-dẫn được lý-do gì chắc-chắn về pháp-lý.

c) *Những chủ nợ.* — Về phần những người chủ nợ, sự khác-biệt chính-yếu giữa những người này và những thân-thuộc, thích-thuộc của nạn-nhân, là họ chỉ có thể đòi bồi-thường được về sự thiệt-hại vật-chất ; với tư-cách chủ nợ, họ không có quyền đòi bồi-thường về sự đau-đớn mà nạn-nhân phải chịu, vì rằng sự thiệt-hại tinh-thần ấy liên-quan mật-thiết với chủ-thể của nạn-nhân, buộc chặt vào chủ-thể ấy, do đấy chỉ có nạn-nhân xử-hành được tố-quyền đòi bồi-thường về sự thiệt-hại ấy.

Khi nào thì người chủ nợ được coi là có quyền-lợi vật-chất cho phép xử-hành tố-quyền đòi bồi-thường? Ví-dụ như khi nào tai-nạn làm cho nạn-nhân bị giảm năng-lực làm việc. Sự mất năng-lực ấy làm giảm lợi-tức của nạn-nhân và đồng-thời làm cho chủ nợ phải chịu ảnh-hưởng không lấy được nợ, hoặc chỉ lấy được một phần số nợ. Bởi thế cho nên chủ nợ có thể đòi người gây ra tai-nạn bồi-thường, và chủ nợ có quyền ấy dẫu rằng tai-nạn đã do một người thân-thiết gây ra mà nạn-nhân không muốn khởi-tố.

Ta thấy rằng quyền-lợi của những người được đòi bồi-thường trên này đều là những quyền-lợi chính-đáng, phát-sinh ở một khế-ước (trường-hợp những người chủ nợ), hoặc phát-sinh ở một sự liên-lạc huyết-mạch (trường hợp những người thân-quyến).

Quyền-lợi bị xâm-phạm phải là một quyền-lợi chính-đáng mới được bồi-thường. Để chỉ quyền-lợi ấy, án-lệ thường dùng những danh-từ « *quyền-lợi chính-đáng* », hay « *quyền-lợi thủ-đắc* », « *quyền-lợi được pháp-lý che-chở* » : những danh-từ ấy có nghĩa là quyền-lợi của nguyên-đơn nại ra để xin bồi-thường phải là một quyền-lợi không trái với luật-pháp, cũng như không trái với đạo-lý. Chính vì thế mà trong một cặp vợ chồng đã hợp nghĩa là ăn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ở với nhau không có hôn-thú hợp-pháp) không người nào đòi được bồi-thường về sự tử-nạn của người kia.

*D/ Những vợ chồng dã hợp.*— Vợ chồng dã hợp ăn ở với nhau nhiều khi lâu giải bền-chặt cũng như vợ chồng chính-thức, có khi lại thuận-hòa hơn nữa, như vậy, nếu một người bị tử-nạn, chắc chắn là tai-nạn sẽ làm cho người kia bị thiệt-hại về tinh-thần cũng như về vật-chất. Nhưng sự thiệt-hại ấy không thể được bồi-thường (Req. 10.4.1922 D 1923. 1.52 Civ. 23.5.1939 — GP 1939.2.268), vì rằng sự dã hợp là một tình-trạng không được luật-pháp che-chở, trái với tổ-chức gia-đình trong dân-luật và không tạo ra sự tương-quan pháp-lý gì giữa các đương-sự. Sự dã hợp chỉ tạo ra một hiện-trạng bề ngoài, làm cho người ngoài tưởng lầm rằng cặp trai gái ăn ở với nhau là vợ chồng chính-thức, bởi thế cặp trai gái chỉ có thể phải chịu trách-nhiệm với người đệ-tam về hiện-trạng ấy, mà không đòi hỏi được quyền-lợi gì ở người đệ-tam cả. Vấn-đề bồi-thường đối với cặp vợ chồng dã hợp, ở Việt-Nam, trở nên phức-tạp hơn vì tình-trạng hỗn-tạp của hộ-tịch. Không kể sự-kiện sổ-sách hộ-tịch nhiều nơi không được giữ-gìn hợp-pháp, hoặc đã bị chiến-tranh hủy-hoại ở nhiều nơi, làm cho đương-sự không chứng tỏ được sự liên-lạc phu-phụ, người Việt-Nam lại còn rất lơ-đễnh cẩu-thả đối với vấn-đề hộ-tịch : sinh, tử, giá-thú rất nhiều khi không khai báo ; Tòa-án đứng trước nhiều hoàn-cảnh đáng thương, con côi, mẹ góa đã chấp-thuận cho bồi-thường mặc dầu đương-sự không xuất-trình được giá-thú khai-sinh hợp-lệ. Có lẽ đó là một giải-pháp nhân-đạo nhưng chắc-chắn là trái với những phép-tắc của Dân-luật về hộ-tịch và còn làm cho việc kiến-tạo sổ-sách hộ-tịch không bao giờ hoàn-bị được. Ta cần phải phổ-biến rộng rãi trong quần chúng sự ích-lợi cần-thiết của hộ-tịch ; ta cần phải làm thế nào cho mọi người hiểu rằng sinh, tử, giá-thú nếu được khai báo hợp-pháp ngay thì mỗi người sẽ có bằng-chứng chắc-chắn về thân-trạng của mình, sẽ tránh được những sự phiền-phức xin chứng-chỉ hay án-văn thay-thế cho chứng-thư hộ-tịch. Hơn nữa, ta phải biết rằng, việc hôn-thú nếu không khai trình với hộ-lại thì coi như không có ; không có án-văn nào có thể xác-nhận được một hôn-thú không ghi vào sổ hộ-tịch : chỉ trong những trường-hợp đặc-biệt hôn-thú đã thành-lập trước khi có sổ hộ-tịch,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hay là sổ-sách bị thất-lạc thì sự liên-lạc phụ-phụ mới có thể chứng tỏ được bằng giấy chứng-chỉ làm sau.

**2.— Nạn-nhân có những tố-quyền gì để đòi bồi-thường ?**

Người phải bồi-thường là người đã gây ra tai-nạn, hoặc người canh-thủ cái đồ vật đã gây ra tai-nạn. Người gây ra tai-nạn phải bồi-thường vì cái lỗi của mình ; người canh-thủ phải bồi-thường vì người ấy bị ức-đoán là có trách-nhiệm nếu để cho đồ vật mình canh-thủ gây ra tai-nạn. Ở đây không phải chỗ chúng ta giải-thích thế nào là ức-đoán trách-nhiệm, thế nào là người canh-thủ. Nói một cách vắn-tắt, người canh-thủ là người xử-dụng một đồ-vật gì một cách tự-chủ, tùy theo ý muốn của mình, không chịu sự kiểm-soát của người khác ; nếu người ấy để đồ-vật ấy gây ra tai-nạn, sẽ đương-nhiên phải chịu trách-nhiệm không cứ là có lỗi hay không có lỗi, và muốn được miễn-trách, người ấy phải đem lại bằng-chứng là tai-nạn đã xảy ra vì một duyên-cớ ngẫu-nhiên, hay một trường-hợp bất-khả-kháng.

Chúng ta cũng sẽ không nói đến trường-hợp người gây ra tai-nạn bị chết làm cho nghĩa-vụ bồi-thường truyền sang những người thừa-kế.

Nay chúng ta hãy ví-dụ rằng người gây ra tai-nạn có bảo-hiểm.

A)— *Tố-quyền chéo cạnh.*— Chúng ta biết rằng theo luật lập-ước, khế-ước không có hiệu-lực gì đối với người đệ-tam. Theo nguyên-tắc ấy, hãng bảo-hiểm chỉ có nghĩa-vụ phải thi-hành khế-ước với khách hàng của mình, với người đã ký khế-ước bảo-hiểm: khi người nầy đã bồi thường cho nạn-nhân, hãng sẽ phải hoàn lại số tiền bồi thường cho người ấy.

Dưới chế-độ phổ-thông luật-pháp này, người bị nạn, với tư-cách là chủ nợ của người gây nạn, muốn đòi tiền bồi thường ở hãng bảo hiểm, chỉ có thể xử-hành được « *tố-quyền chéo cạnh* » theo điều 1166 Dân-luật Pháp đối-chiếu với điều 740 Dân-luật Trung-phần và 699 Dân-luật Bắc-phần. Sở dĩ gọi là tố-quyền chéo

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cạnh là vì nạn-nhân, khi kiện hãng bảo-hiểm như vậy, không nhân-danh chính mình đứng kiện ; người ấy đã xử hành tố-quyền của người gây nạn, tố-quyền phát-sinh ở khế-ước bảo-hiểm như chúng ta đã thấy. Người bị nạn không có phương-pháp gì để đòi hỏi trực tiếp hãng bảo-hiểm vì khế-ước bảo-hiểm chỉ có hiệu-lực giữa hãng bảo-hiểm và người gây nạn. Khế-ước ấy đối với người bị nạn là một ngoại-vật. Bởi thế, người bị nạn đã phải đi qua người gây ra tai-nạn, lấy cái tố-quyền của người này, dùng tố-quyền ấy mà kiện hãng bảo-hiểm.

Kiện được hãng bảo-hiểm, nhưng ta phải nhớ rằng tố-quyền mà nạn-nhân xử-hành chỉ là một tố-quyền chéo-cạnh ; quyền-lợi mà nạn-nhân đòi hỏi ở hãng bảo-hiểm không phải là quyền-lợi của mình mà là quyền-lợi của người gây nạn, thoát-thai ở khế-ước bảo-hiểm của người ấy. Do đấy, trong trường-hợp người gây nạn có nhiều chủ nợ, số tiền mà hãng bảo-hiểm phải trả không phải riêng người bị-nạn được hưởng : số tiền ấy sẽ phải phân-chia với các chủ nợ khác. Ta thấy rằng quyền-lợi của nạn-nhân không được bảo-vệ đầy đủ với tố-quyền chéo-cạnh, lại còn có sự bất-công ở chỗ nhờ có một người bị tai-nạn tổn-thương đến thân thể mà những chủ nợ khác cũng được dự phần lấy nợ. Cho nên cần phải để cho người bị-nạn được lấy thắng ở hãng bảo-hiểm tất cả số tiền mà người gây nạn có thể đòi hãng bảo-hiểm phải trả. Đạo luật ngày 13-7-1930 (1) đã thực-hiện tình-trạng ấy bằng cách đặt ra cho nạn-nhân một quyền ưu-tiên và một tố-quyền trực-tiếp.

**B) Quyền ưu-tiên và tố-quyền trực-tiếp. —**

*a) Mục-đích.* — Điều 53 đạo-luật định rằng « *hãng bảo-hiểm không được trả cho người nào khác, ngoài nạn-nhân, số tiền phải trả*

(1) Đạo luật này được áp-dụng ở Việt-Nam do Sắc-lệnh ngày 16-11-1931, ban-hành theo Nghị-định ngày 11-1-1932. Thời Pháp thuộc, với sự ban-hành ấy, đạo luật chỉ áp-dụng cho những việc tranh-tụng có liên-quan đến người Pháp hay người đồng-hóa, hoặc xét xử trước Tòa-án Pháp với sự ưng thuận của đương-sự không phải là người Pháp. Muốn áp-dụng trên khắp lãnh-thổ cho tất cả người Việt, đạo luật phải được thêm một Chỉ-dụ của Chính-Phủ Nam-triều chuẩn-nhận. Chúng tôi không được rõ có Chỉ dụ nào chuẩn-nhận đạo luật này không.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*cho người được bảo-hiểm (tức là người gây nạn) khi nào nạn nhân chưa được bồi-thường đến số tiền ấy ».* Ví-dụ, người gây nạn vào bảo-hiểm đến số tiền 100.000$. — Xảy ra tai-nạn, nạn-nhân được bồi-thường 200.000$ ; — số tiền 100.000$ trên kia, hãng bảo-hiểm không được giao cho khách-hàng của mình, trừ khi nạn-nhân đã được đền bù tới số tiền 100.000$ ấy rồi.

Ta thấy rằng hãng bảo-hiểm phải trả số tiền bồi-thường đã thỏa-thuận trong khế-ước bảo-hiểm cho chính người bị nạn, nếu người nầy chưa được bồi-thường. Do đấy, khi tai-nạn xảy ra, làm phát-động hiệu-lực của khế-ước, hiệu-lực ấy không xuất-phát cho người cọng-ước với hãng bảo-hiểm là người gây nạn, mà xuất-phát cho một người đệ-tam, là người ngộ-nạn. Trái với phổ-thông luật-pháp, người ngộ-nạn nghiễm-nhiên là chủ trái-quyền của người đã cọng-ước với hãng bảo-hiểm. Là chủ trái-quyền ấy, tất nhiên người ấy được lấy cả số tiền bảo-hiểm, không phải chịu sự cạnh-tranh, không phải chia phần với những chủ nợ khác của người gây nạn, và cũng có quyền nhân-danh mình đòi hỏi hãng bảo-hiểm phải trả thẳng số tiền bảo-hiểm cho mình. Đó là quyền ưu-tiên và tố-quyền trực-tiếp của người ngộ-nạn.

Danh-từ « *quyền ưu-tiên* » ở đây, không hoàn-toàn đúng nghĩa của nó về pháp-lý trong « *Luật bảo-đảm* ». Quyền ưu-tiên nầy cho phép người ngộ-nạn được lấy tiền bồi-thường của mình đầy đủ, còn thừa mới đến phần chủ nợ khác ; nhưng thực ra, một quyền ưu-tiên phải xử-dụng trên một tài-vật của người khác, ví-dụ quyền ưu-tiên của người cho vay có để-đương thì xử-dụng trên bất-động-sản của người mắc nợ. Trái lại ở đây, trái-quyền, mà người ngộ-nạn có quyền ưu-tiên lấy trước, là trái-quyền của chính người ấy, như ta đã thấy, không phải trái-quyền của người gây nạn.

Ta phải nhận xét rằng quyền ưu-tiên trên này chỉ bảo-vệ người ngộ-nạn về sự cạnh-tranh của những chủ nợ của người gây nạn mà thôi ; đối với chủ nợ của hãng bảo-hiểm, người ngộ-nạn sẽ phải chịu ảnh-hưởng sự cạnh-tranh ấy ; ví-dụ hãng bảo hiểm phá sản thì người ngộ-nạn chỉ lấy được một phần nợ cũng như các chủ nợ khác, theo thủ-tục phá-sản.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Với điều 53 trên này của đạo-luật ngày 13-2-1930, trái-quyền bồi-thường phát-sinh ở khế-ước bảo-hiểm được di-chuyển từ người gây nạn sang người ngộ-nạn. Người này thay thế cho người gây nạn, thành ra trái-chủ của hãng bảo-hiểm do đấy có một tố-quyền trực-tiếp để đòi hỏi hãng bảo-hiểm.

Tóm lại trong một câu, đối với hãng bảo-hiểm, người ngộ-nạn có một quyền-lợi trực-tiếp bảo-vệ bằng một tố-quyền trực-tiếp.

*b) Sự liên-hệ giữa tố quyền trực-tiếp và tố-quyền kiện người gây nạn.*— Nhưng nạn-nhân cũng còn có quyền khởi-tố người đã gây ra tai-nạn. Tố-quyền này và tố-quyền trực-tiếp trên kia đều phát-sinh ở quyền của nạn-nhân được bồi-thường về tai-nạn mình phải chịu. Tuy nhiên tố-quyền trực-tiếp nhằm mục-đích cưỡng-bách thi-hành một khế-ước — khế-ước bảo-hiểm — cho nên chỉ có thể xử-hành được trước Tòa-án Hộ hay Tòa-án Thương-mại ; còn tố-quyền kiện người gây ra tai-nạn có thể xử-hành trước Tòa-án Hình nếu người này bị truy-tố trước Tòa-án ấy.

Nạn-nhân có hai tố-quyền để xử-hành (kiện hãng bảo-hiểm, hoặc kiện người gây ra tai nạn), nhưng không phải là có thể được bồi-thường hai lần. Sự bồi-thường tối đa chỉ có thể đến mức sự thiệt-hại. Nạn-nhân có hai tố-quyền chỉ có nghĩa là nạn-nhân có hai phương-tiện để đòi hỏi sự bồi-thường ấy và có hai người để đòi hỏi ; mục-đích của nhà lập-pháp là làm cho nạn-nhân chắc-chắn được bồi-thường.

Vậy câu hỏi ta phải đặt ra là nạn-nhân có thể xử-hành cả hai tố-quyền cùng một lúc hay không ? — Chắc-chắn là nạn-nhân có quyền ấy vì hai tố-quyền cũng chỉ quy về một mục-đích, cũng chỉ nhằm một mục-tiêu. Xử-hành hai tố-quyền một lúc là phương-pháp chắc-chắn nhất và nhanh-chóng nhất để lấy được sự bồi-thường thiệt-hại : một là người gây nạn trả đủ tiền bồi-thường thì hãng bảo-hiểm sẽ được đặt ra ngoại-vụ ; hai là người ấy không có tiền trả thì hãng bảo-hiểm sẽ bị kết-án ; ba là số tiền bảo-hiểm không đủ bồi-thường cho sự thiệt-hại thì người gây nạn sẽ bị kết-án phải trả số tiền còn thiếu.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Dĩ-nhiên nạn-nhân cũng có quyền kiện riêng người gây nạn trước, nếu không có hiệu-quả sẽ kiện hãng bảo-hiểm sau, vì tố-quyền trực-tiếp, trừ trường-hợp tiêu-diệt thời-hiệu, vẫn xử-hành được, khi mà nạn-nhân chưa được bồi-thường.

Ngược lại, nạn-nhân có quyền kiện riêng hãng bảo-hiểm trước khi kiện người gây ra tai-nạn hay không? — Án-lệ Pháp, từ năm 1938 không công-nhận cho nạn-nhân được quyền ấy (Cass. 13 12. 1938 D 1939 I. 33), bởi lẽ hãng bảo-hiểm chỉ có nghĩa-vụ trả tiền bồi-thường khi nào hãng ấy đã xác-nhận trách-nhiệm khách-hàng của mình, hay khi nào người khách-hàng đã bị một quyết-nghị tư-pháp xác-nhận là phải chịu trách-nhiệm về tai-nạn đã xảy ra. Tố-quyền trực-tiếp chỉ có thể được xử-hành khi nào người ngộ-nạn đã có quyền chắc-chắn được bắt người gây nạn phải bồi-thường. Nói một cách khác, tố-quyền trực-tiếp có tính-cách phụ-thuộc để bảo-đảm cho người ngộ-nạn được bồi-thường, trong trường-hợp người gây nạn vô-sản.

Ta thấy rằng trong hai tố-quyền của nạn-nhân, tố-quyền trực-tiếp để kiện hãng bảo-hiểm và tố-quyền thường-tụng để kiện người gây nạn, tố-quyền trước theo án-lệ có tính-cách phụ-thuộc vào tố-quyền sau: người ngộ-nạn chỉ có thể kiện hãng bảo-hiểm đồng-thời hay sau khi đã kiện người gây nạn.

*c) Sự biệt-lập của tố-quyền trực-tiếp đối với tố-quyền của người gây nạn kiện hãng bảo-hiểm.* — So-sánh với tố-quyền của người gây nạn kiện hãng bảo-hiểm đòi thi-hành khế-ước bảo-hiểm, tố-quyền trực-tiếp có tính-cách biệt-lập rõ-rệt hơn. Tuy hai tố-quyền cũng là để đòi một món nợ — nợ bảo-hiểm — nhưng tố-quyền của người gây nạn (như ta đã thấy) phát-sinh ở một khế-ước tự-do ký-kết, còn tố-quyền của người ngộ-nạn phát-sinh ở quyền bồi-thường của người này nhân cái lỗi của người gây nạn. Bởi sự biệt lập ấy cho nên tố-quyền trực-tiếp không bị thời-tiêu ngắn hạn như tố-quyền của người gây nạn. Theo điều 25 đạo luật ngày 13-7 1930, mọi tố-quyền xuất-phát ở khế-ước bảo hiểm đều bị tiêu-diệt sau thời-hạn hai năm, và riêng về việc bảo-hiểm trách-nhiệm (trường-hợp

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mà chúng ta đang khảo-cứu) thời-hạn hai năm ấy bắt đầu từ ngày người gây nạn bị kiện hay từ ngày người ngộ-nạn đã được bồi-thường. « *Tố-quyền bị tiêu-diệt* », nghĩa là sau thời-hạn hai năm trên này, người gây nạn không còn xử-hành được tố-quyền nữa, không còn có quyền kiện hãng bảo-hiểm nữa.

Tố-quyền trực-tiếp của người ngộ-nạn không bị thời-tiêu ngắn-hạn như vậy, vì tố-quyền ấy biệt-lập với tố-quyền của người gây nạn, tố-quyền ấy không xuất-phát ở khế-ước bảo-hiểm : do đấy chỉ có thể bị thời-tiêu dài hạn, theo phổ-thông luật-pháp (1) (Civ. 28-3-1939. D 1939 I. 68).

Tuy nhiên, trong trường-hợp tai-nạn xảy ra có tính-cách một hình tội, chúng ta biết rằng mọi tố-quyền căn-cứ vào hình tội đều bị thời-tiêu cùng với hình-tội ấy, cho nên nếu hình-tội đã bị thời-tiêu không truy-tố được nữa, thì không những nạn-nhân không kiện bồi-thường được người đã gây ra tai-nạn mà cả đến tố-quyền trực-tiếp để kiện hãng bảo-hiểm cũng bị thời-hiệu tiêu-diệt (2).

*
* *

(1) Theo điều 2262 Dân-luật Pháp, thời-hạn tiêu-diệt phổ-thông là 30 năm.

Theo điều 936 Dân-luật Trung-phần, những tố-quyền đối nhân bị tiêu-diệt sau hạn 10 năm; theo điều 863 Dân-luật Bắc-phần, thời-hạn tiêu-diệt ấy là 15 năm.

(2) Theo điều 637, 638, 640 luật Hình-sự Tố-tụng Pháp áp-dụng ở Nam-phần, sự truy-tố bị tiêu-diệt sau 10 năm cho một trọng-tội ; sau 3 năm cho một khinh-tội và sau 1 năm cho tội vi-cảnh.

Theo điều 49 Hình-luật Trung-phần, thời-hạn tiêu-diệt là 1 năm cho tội vi-cảnh. Về trọng-tội và khinh tội điều 46, 47 đặt ra những thể-lệ rất ngoắc-nghéo : về trọng tội, nếu không biết can-phạm là ai, thời-hạn tiêu-diệt công-tố-quyền là 15 năm; nếu biết người phạm tội hoặc tình nghi mà những người này trốn tránh, thời-hạn sẽ là 20 năm ; — về khinh tội, thời-hạn tối đa là 15 năm ; nếu không biết người phạm tội là ai, thời-hạn ấy sẽ rút xuống 10 năm.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Qua những điểm trình bày trên đây, ta thấy rằng người được bồi-thường trong một tai-nạn có ba tố-quyền để đòi hỏi quyền lợi : tố-quyền thường-tụng để kiện người gây ra tai-nạn ; tố-quyền chéo-cạnh và tố-quyền trực-tiếp, cũng để kiện hãng bảo-hiểm Lợi hại nhất và thuận-tiện nhất là tố-quyền trực-tiếp. Nhưng xử-hành tố-quyền ấy còn phải biết Tòa-án nào có thẩm-quyền, có khi là Tòa-án Hộ, có khi là Tòa-án Thương-mãi, có khi là Tòa-án nơi trú-quán của hãng bảo-hiểm, hoặc nơi xảy ra tai nạn. Ngoài ra hãng bảo-hiểm còn có thể viện ra những phương-pháp đối-kháng làm tê-liệt được tố-quyền trực-tiếp : nguyên-tắc là những phương-pháp mà hãng bảo-hiểm có thể nại ra để chống lại người khách-hàng đã gây ra tai-nạn đều có thể nại ra để chống lại người bị-nạn ; ví-dụ như việc người khách-hàng không trả tiền bảo-hiểm làm cho khế-ước không còn hiệu-quả nữa. Sở-dĩ như vậy là vì tố-quyền trực-tiếp là phản-ảnh tố-quyền của người gây nạn : đối với hãng bảo hiểm, người ngộ-nạn không có được nhiều quyền-lợi hơn người gây-nạn. Nhưng đó chỉ là nguyên-tắc, còn có nhiều ngoại-lệ.

Chúng tôi chỉ lưu-ý độc-giả như vậy mà không đề-cập đến những vấn-đề ấy, vì đó là những vấn-đề phức-tạp về pháp-lý, có tính-cách chuyên-môn, vượt ra ngoài khuôn-khổ phổ-thông bài sơ-luận này,

**LÊ - TÀI - TRIỂN**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# TÍNH-CÁCH KHẨN-CẤP VÀ ĐIỀU-KIỆN CỦA CÔNG-CUỘC KHOÁCH-TRƯƠNG XỨ VIỆT-NAM

L. T. S. — Dưới đây là bài diễn-văn của Linh-Mục Alain Birou trong nhóm Economie et Humanisme nói ở Trường Cao-đẳng Sư-phạm Saigon ngày 26-3-1958. Linh-Mục là một nhà xã-hội học đã được Chính-phủ mời sang nghiên-cứu tình-hình kinh-tế Việt-nam và làm một điều tra về mức sinh-hoạt của dân quê ở nông-thôn. quí-vị độc-giả ở Huế sẽ tìm thấy những nhận xét tương-tự trong bài nói chuyện của Linh-mục tại Giảng-đường Viện Đại-học Huế ngày 5-3-1958.

NHIỀU diễn-giả danh tiếng đã từng đề-cập đến đề tài giống câu chuyện tôi nói hôm nay. Đối với giới trí-thức Sài-gòn, câu chuyện khoách-trương xứ sở và kỹ-nghệ hóa v. v., là chuyện thường nghe. Nhưng nếu cho việc cố-gắng hết sức để kỹ-nghệ hóa xứ sở là cần-thiết, mà không vạch rõ *phải làm thế nào* để kỹ-nghệ hóa, là nói viển-vông. Hơn nữa, với một nền kỹ-nghệ đè nặng lên trên các khu-vực kinh-tế quốc-gia khác, với một nền kỹ-nghệ thiếu tổ-chức, thì kỹ-nghệ hóa sẽ là một điều lầm-lẫn. Người ta còn bảo thêm rằng cần phải xây-dựng những cơ cấu vững chắc và trường cửu để nhắm vào việc luôn luôn cải-thiện nền sinh-hoạt và mực sống của dân chúng. Đấy là những lời nói văn-hoa rất vừa tai thính giả Việt, nhất là khi người ta còn thêm rằng tương lai xứ-sở tùy thuộc ở sự tổ-chức và giáo-dục thanh-niên, lớp người hy-vọng của ngày mai, thì ai nấy đều được hài lòng, từ vị diễn-giả đã cố tình làm vừa ý mọi người cho đến các thính-giả bùi tai.

## I. — ĐỊNH-NGHĨA KHOÁCH-TRƯƠNG

Muốn tránh sự ngộ nhận về tư-tưởng và những chuyện cãi vã do đấy mà ra, cần phải xác định những danh từ người ta thường dùng nhưng không rõ nghĩa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Danh-từ *khoách-trương xứ sở* là một Người ta thường chỉ dùng danh-từ này trong cái nghĩa hẹp hòi là *khoách-trương kinh-tế*, một thứ khoách trương muốn thực-hiện được chỉ cần tăng gia sản-xuất mà thôi. Nhưng ta thấy ngay rằng không phải tăng-gia sản-xuất thế nào cũng đạt được mục-đích nâng cao đời sống chung. Việc phát triển kinh-tế có thể chỉ thu gọn trong một phạm-vi nào đó và chỉ làm lợi cho một lớp người nào đó hay một đảng chính-trị. Điều ấy đã xảy ra ở Nga-xô. Muốn cho việc phát triển kinh-tế đáp trúng mục-đích cải thiện sinh-hoạt chung của nó, phải chú-ý đến việc tổ-chức nền sản-xuất và cách dùng sức sản-xuất ấy vào việc ích chung.

Như vậy tức cho rằng công cuộc khoách-trương kinh-tế phải đi đôi với một công cuộc khoách-trương xã-hội rộng rãi hơn. Ta cứ gọi nó là công cuộc khoách-trương nền văn-minh, vì nó là một cuộc khoách-trương vừa văn-hóa, vừa nhân-sự, vừa xã-hội. Cho nên trong câu chuyện hôm nay, chúng ta sẽ bàn trước nhất đến sự cần thiết và những điều kiện khoách-trương kinh-tế, nhưng là một sự khoách-trương nằm trong phạm-vi những triển-vọng của một nền kinh-tế phát-triển điều-hòa, nhắm mục-đích xử-dụng các tài nguyên, vận-dụng tuần-tự khả-năng thiên-nhiên và khả-năng kỹ-thuật của nước nhà thế nào để nâng cao mực sống của toàn thể dân chúng, nhất là các tầng lớp dân nghèo. Khoách-trương như thế tức là một sự phát-triển thường xuyên, rất điều hòa nếu nó tùy thuộc vào việc nâng cao giá-trị con người.

## II. — CẦN PHẢI KHOÁCH-TRƯƠNG

Ngay trong giới học-thức cũng có đôi người chưa ý-thức được rõ rệt việc khoách-trương nước Việt-nam là cần thiết. Đối với nhiều người khác thì việc khoách trương ấy họ biết là cần, nhưng những gì cần cho công cuộc khoách-trương ấy, họ lại ý-niệm một cách rất lờ mờ và sai lầm. Vì thật ra đấy chỉ là một thái độ tình-cảm của họ, buộc họ ao-ước một cách mơ-hồ và chân thành được thấy đời sống dân chúng nâng cao lên.

Muốn hiểu một cách khoa-học hơn tính-cách cần thiết của việc khoách-trương ấy, người ta có thể đi từ tiền-đề này : Trong thế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giới tân tiến ngày nay, không một nước nào có thể đứng ngoài vòng cuộc tiến bộ mà không cần xử-dụng những lợi ích do nền văn-minh kỹ-nghệ tạo ra. Nhưng ở các nước chưa mở mang hay đang bắt đầu mở mang, thường thường một thiểu số có đặc quyền dành riêng cho mình tất cả những mối lợi chính mà những tiến bộ về kỹ-thuật mang lại, trong khi đa số các tầng lớp dân chúng chìm trong đói khổ. Thêm những người ngoại quốc sống trong xứ, đời sống sang trọng của họ và của những thiểu số giàu có trong nước chỉ là những cớ khiến cho các tầng lớp nghèo đói càng ngày càng thấy đòi hỏi, thèm khát và ghen tị.

Trong hoàn cảnh ấy chỉ có hai cách giải quyết. Hoặc quay lại một đời sống man rợ, hoàn toàn bất chấp thế giới tân tiến ngày nay, một đời sống trong đó mọi người đều bình-đẳng theo cái mực thấp nhất. Hoặc nhảy một bước tới trước để tránh cho được những bất bình đẳng mới, muốn thế thì nhất định phải khoách-trương xứ sở trong phạm-vi kinh-tế xã-hội.

Từ 10 năm nay, từ ngày chiến tranh, nước Việt-nam đã chứng minh rõ rệt cho điều nhận xét trên. Chiến-tranh đã mang vào xứ này vô số những hàng hóa vượt quá sức mua của dân chúng, nhưng lại được phân phối theo hình thức một nền kinh-tế chiến tranh, hay được trả bằng những lợi tức do chiến-tranh mà có. Tình thế kém thăng bằng ấy càng trầm trọng thêm vì *cuộc viện trợ với tính cách thương mãi*. Như các Ngài đều hiểu, đây là một thứ ngoại-viện có mục đích giúp ngoại tệ để trang trải những hàng hóa mua từ ngoại quốc về. Hàng mua về thuộc đủ hạng, cần thiết cũng có, vô ích cũng có, xa-xỉ cũng có, nhưng tất cả đều là *hàng tiêu thụ*, không phải là *hàng sản xuất*, hay *hàng để trang bị các cơ sở sản-xuất*.

Kéo dài mãi thành ra thói quen chỉ thêm và chỉ cần những gì phi ngoại-viện không còn cách nào khác để thỏa-mãn cho được, trong khi ngoại-viện đáng lẽ chỉ dùng vào việc tổ-chức nền sản-xuất mà thôi.

Càng ngày mãi lực đại chúng càng suy-giảm, thỏa-mãn mỗi ngày mỗi bớt trong khi đòi hỏi mỗi ngày mỗi thêm, cho nên sự

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đòi hỏi và sự thỏa-mãn của từng người càng ngày càng thêm cách biệt nhau. Người ta có thể nói rằng phần đông khó lòng vượt qua được cái hố giữa những ước-vọng, những thèm khát, và những thực hiện, những thỏa-mãn thực sự Do đó xảy ra hiện-tượng người dân chỉ chú ý đến những mong muốn không được thỏa-mãn của mình, và đồng thời một tầng lớp xã-hội đã không được thỏa-mãn, ngay cả đến những đòi hỏi cần thiết đơn-sơ nhất Trên phương diện tâm lý và xã-hội, một tình trạng bất mãn xuất-hiện, xáo trộn xứ sở trong khắp các giai tầng của nó.

Xin nói ngay rằng đấy không phải là một hiện-tượng riêng cho Việt-nam. Vì trong đời sống văn minh ngày nay, những dân-tộc còn kém mở mang hơn dân-tộc khác, thế nào cũng phải đương đầu với những tình trạng cách biệt giữa thực-tế và những điều họ ước muốn. Những trao đổi về văn hóa không tránh được, và những giao-thiệp về thương mãi càng không tránh được với các nước giàu có hơn và mực sống quá cao hơn, lần hồi gây cho óc tưởng tượng của các dân tộc hậu tiến này lòng thèm khát được sống như người ta Họ mong có ô-tô, điện-thoại, tủ lạnh, mong được đi tắm biển hay đi chơi núi cuối mỗi tuần.

Lẽ cố nhiên những thèm khát như thế, gây ra thì dễ, mà tìm cách thỏa-mãn cho được lại khó. Khó hơn nữa là việc làm cho những người thèm khát như thế chịu hiểu rằng cần phải hy-sinh mới mong đạt đến những mục sống cao hơn. Họ không ý-thức được rõ là tấn bộ và hy-sinh phải đi đôi với nhau. Hy-sinh nói đây là phải giới hạn sự tiêu-thụ hiện tại để thêm vốn cho công cuộc sản xuất mà tiêu-thụ về sau. Nhưng dù họ có ý-thức ấy đi nữa thì trong đám những người có vốn không ai muốn mang vốn ra làm công việc ấy.

Giữa những gì người ta muốn và những gì người ta chịu làm, còn xa cách quá, và càng xa vời hơn nữa vì cái hiện tượng người ta gọi là « *dụng ý phô trương* » của các nước tân tiến hơn với các nước còn lạc hậu Dụng ý phô trương ấy nhắm vào việc tiêu phí vào việc phổ biến những tiện nghi các nước giàu có đã quen dùng vào trong các nước nghèo. Lúc nãy chúng tôi đã nhắc đến hiện tượng này rồi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng song song với cái lý do gây tình-trạng thiếu thăng bằng này, kết quả phần nào của sự phát-triển kinh-tế không đều trong các nước trên thế-giới, hầu hết các nước kém mở mang trên thế giới còn phải đương đầu với một lý-do làm mất thăng bằng khác nữa là mực sinh sản mau lẹ của dân chúng. Dân số trong nước càng tăng mau, càng khó lòng thỏa-mãn nhu cầu của dân chúng nếu người ta chỉ có một nguồn tài nguyên nào đó không tăng theo kịp đà sinh sản. Trong nhiều làng ở Trung-Việt chúng tôi đã đến thăm, dân dưới 18 tuổi đông hơn dân trên 18 tuổi.

Những lý-do nêu ở trên, nhu cầu mới phải thỏa-mãn, dân số ngày càng mau tăng phải nuôi, dụng ý phô trương của các nước tân tiến, những lý-do ấy đã làm cho công cuộc khoách-trương thành một điều không thể tránh được. Trong thế-giới hiện nay, nếu không chịu khoách-trương, không tầng lớp xã-hội nào có thể sinh-hoạt mỹ mãn được.

## III. — ĐIỀU KIỆN ĐỂ KHOÁCH-TRƯƠNG XỨ SỞ

Các nhà kinh-tế học Tây-phương thường chủ trương rằng công cuộc khoách-trương tuỳ thuộc gần hẳn ở số vốn bỏ ra. Nhưng lý thuyết ấy chỉ dùng cho các nước tân tiến, và cũng chỉ đúng cho những vùng đã kỹ-nghệ hóa hơn là những vùng còn kém mở mang. Vì lẽ ngoài số vốn bỏ ra, còn nhiều điều kiện khác cần thiết cho sự khoách trương thiết thực, Để cho dễ hiểu, chúng ta chia các điều kiện ấy ra làm hai hạng:

— Những điều kiện chung

— Những điều kiện riêng cho Việt-nam.

### A. — Những điều kiện chung

*1) Các mục tiêu phải cho thật thích nghi*, nghĩa là những dự định phải thật phù hạp với phương tiện có sẵn. Lấy một tỷ-dụ cho dễ hiểu : trong giai đoạn hiện tại chẳng hạn, người ta không thể cho thợ thuyền ở Sai-gòn hưởng mực sống Mỹ.

Chính ở đây người ta phải chú trọng :

— đến các tài nguyên và các cơ cấu đã sẵn có;

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— đến trình độ văn-hóa và trình độ chuyên-nghiệp ;

— đến các mâu-thuẫn quyền lợi trong chế-độ kinh-tế tại chỗ.

2) *Công cuộc thực hiện phải lần hồi.* — Nói thế là cho rằng phải thực hiện công cuộc khoách-trương một cách tuần tự, phù hạp theo khả-năng mỗi lúc, và trong đó các cách giải quyết nhu cầu phải đi đôi với nhau. Chẳng hạn, khi bắt đầu kỹ-nghệ-hóa xứ sở, người ta không thể có đủ việc cho mỗi người làm.

3) *Không thể tách rời các khía cạnh của công cuộc khoách-trương toàn diện.* — Không phải chỉ có việc sản-xuất nhiều thêm mãi, mà còn phải chú-ý đến sự phân phối các sản-phẩm trên thị trường (tổ-chức phân-phối). Đừng quên quyền lợi của các tầng lớp không có tính cách kinh-tế. Cũng không nên để cho quyền lợi chung hay những lý-do tuyên-truyền chính-trị làm thiệt-hại đến tư-sản cá nhân hay của các đoàn thể nghệ-nghiệp trong xã-hội. (groupes sociaux-professionnels). Tuy nhiên các thứ tài sản này vẫn phải tôn trọng Công ích.

4) *Công cuộc khoách-trương phải được các tầng lớp cũng như những cá-nhân có lợi vào đấy tham-dự mật-thiết.* — Khoách-trương không phải chỉ là để cho mọi người cùng hưởng, mà còn là công cuộc chung phải được mọi người cùng làm. Mỗi một vùng, mỗi một ngành nghệ-nghiệp, đều phải có quyền bày tỏ nhu cầu của mình, và tùy các nhu cầu ấy mà tìm lấy phương-tiện thỏa-mãn.

Mục tiêu do đấy là phải làm thế nào cho mỗi vùng, và trong một phạm-vi cao hơn, mỗi nước, tự tạo lấy những phương tiện sản xuất riêng cho mình.

5) *Công cuộc khoách-trương chỉ có thể thực hiện với những cơ-cấu sẵn có.* Người ta không thể bắt đầu với con số không. Phải đếm xỉa đến những gì đã thực hiện trước rồi, đến những tổ-chức cần thiết để khởi sự... Nếu không có một sở thống kê đã hoạt động sẵn chẳng hạn, mà nói đến chương-trình khoách-trương, nói đến việc thực-hiện chương-trình ấy, chỉ là vô ích thôi.

## B. — Những điều kiện riêng cho Việt-Nam

Tôi không muốn kể hết những khả năng của nước Việt-Nam,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Biết thấu đáo những nguồn lợi thiên-nhiên và nhân-lực là công việc còn phải làm, và câu chuyện hôm nay không phải là để trình bày những kết-quả của một công-trình phân tích. Tôi chỉ đưa ra những điều nhận xét, những ý kiến chỉ nhắm mục-đích vạch rõ tính cách quan trọng của một vài điểm thiết yếu.

Trước hết, để khỏi là một con lạc đà rúc đầu trong cát, phải nhắc đến việc nước này bị cắt ra làm hai làm cho hai miền Nam và Bắc không thể bổ túc cho nhau trong phạm-vi nhân lực cũng như trong phạm-vi tài nguyên kinh-tế.

Rồi đến vấn-đề các tài nguyên và các phương-tiện dùng những tài nguyên ấy. Đất đai nói chung kém phần mầu mỡ: cũng như mọi thứ đất ở vùng nhiệt đới, hễ ra khỏi ruộng nước thì đất lại dễ biến chất, khô khan và bị nước xoi dần. Cách chiếm đất cũng không thích đáng. Tính vừa miền Nam, vừa Cao-nguyên, cả thảy có 170.831 km2. Dân số năm 1956 ước chừng 11 400.000 người. Trong số ấy, gần 1/3 (37%) sống trong 5 tỉnh và Sai-gòn: 4 235 580 người sống trên 8.987 km2, tức là 5,25% cả xứ. Không kể một vài đồng bằng nhỏ ở miền Trung, chỉ nói đến miền Nam thì có hơn 7 triệu người sống trên một diện-tích chỉ từ 25 đến 30.000 km2.

Theo nhận xét ấy, ta thấy rõ rằng còn rất nhiều đất đai có thể khai-thác nữa. Nhưng lại vấp phải nhiều nỗi khó khăn quá lớn, vì người ta chưa biết rõ các vùng đất hoang, vì không sẵn một công-trình nghiên-cứu đất đai nào cả, và vì thiếu những cơ-cấu căn-bản của một công-trình khẩn-hoang. Thêm vào đấy, còn phải kể đến việc người Việt ngại không muốn lên Cao-nguyên, có khi lại chê nữa, còn phải kể đến mối tương quan giữa người Việt và người Thượng, những người sau thì xem Cao-nguyên là đất riêng của họ.

Trong xứ gồm nhiều vùng khác hẳn nhau, nếu muốn định rõ các điều-kiện cần thiết riêng cho việc mở mang từng vùng thì phải nghiên-cứu thật kỹ-lưỡng từng vùng một. Công cuộc khoách-trương thật sự của xứ-sở không thể làm được nếu không chú-trọng đến việc mở mang đất đai thêm lần, nếu không có một « *kế-hoạch địa-*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*phương* ». Và người ta có thể lấy làm lạ rằng trong bản thuyết-trình của chương-trình viện-trợ kỹ-thuật, không thấy chú ý đặc-biệt đến phương-diện quan-trọng này. Nhất là còn cần phải làm thế nào có đủ phương-tiện để kiểm-soát nước dùng cho ruộng, và dùng nước ấy mỗi khi người ta cần đến nó chớ không phải đợi trời cho. Việc ấy bắt buộc phải cấm đoán nghiêm nhặt chuyện phá rừng, bắt buộc phải xây đập ở vài miền đồng bằng Trung-Việt, và phải bàn đến vấn-đề vĩ-đại là vấn-đề mở mang miền Trung-châu với nước lấy ở sông Cửu-Long và các nhánh của nó.

Các ngài hẳn nhận thấy rằng nói đến đây mà tôi vẫn chưa đề cập đến vấn-đề kỹ-nghệ-hóa. Không phải tôi không cho là nó quan-hệ. Nó không phải là một vấn-đề phụ, nhưng là một vấn-đề phải bàn sau. Vì thật ra, trong một xứ chưa có kỹ-nghệ, công việc khoách-trương đầu tiên phải là nông-nghiệp. Làm như vậy không phải là để tránh kỹ-nghệ-hóa, nhưng chính là để giúp cho việc kỹ-nghệ-hóa. Công việc thứ nhất cần làm là phải làm sao sản-xuất nhiều thêm nữa trong khu vực kinh-tế căn-bản ấy, vừa để nuôi số dân càng ngày càng đông, nhất là số dân càng ngày càng đông ở các thành-thị, vừa để thực-hiện giai-đoạn kỹ-nghệ-hóa thứ nhất là mở các ngành kỹ-nghệ chuyển hóa các nông-sản. Trong hai năm 1954 và 1955, 26,6 % và 26,2 % nhập cảng gồm những sản phẩm nông-nghiệp chuyển hóa, hay xuất xứ từ nông-nghiệp, trong đó kể cả đồ nhựa, cao-su và gỗ, nhưng không kể giấy và hàng vải.

Thêm nữa, muốn có thể kỹ nghệ-hóa, cần phải chuyển tiền tiết-kiệm lại cho khu vực kỹ-nghệ. Mà tiết-kiệm chỉ dồi dào nếu sản-xuất dồi dào hơn trong khu-vực đang hoạt-động sẵn là nông-nghiệp. Ngoài ra, muốn việc mở mang kỹ-nghệ đứng vững được, cần phải có những cơ-sở hạ tầng thật điều hòa, như tổ-chức giao-thông, việc trang bị cho sự sản-xuất năng-lực, các phương-tiện chuyên-chở đi lại. Cũng trong phạm-vi các cơ-sở hạ tầng, còn có việc phải cải-thiện nhân-sinh, như tổ-chức vệ-sinh, y-tế, giáo-dục và văn hóa. Những cơ sở hạ tầng ấy, căn-bản của việc mở mang kỹ-nghệ, đều khó thực-hiện nếu nông-nghiệp trong xứ không phồn-thịnh và không sản-xuất dồi dào.

Thường thường trong lịch-trình công cuộc kỹ-nghệ-hoá, các nước có đủ phương-tiện đều xem là cần trước nhất là việc trang-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bị cho những ngành kỹ-nghệ căn-bản. Phần lớn các ngành này, như các Ngài đều biết, gồm có kỹ-nghệ nặng (sắt, thép), kỹ-nghệ làm xi-măng, kỹ-nghệ hóa-học. Việc trang-bị các ngành kỹ-nghệ ấy, nếu điều hoà được với nhau, sẽ có một kết-quả gia tăng về hai phương-diện :

1) Lớp công nhân đầu đã quen với cái đà của máy móc, nhờ sự điều hoà ấy mà bước ngay vào được trong hệ-thống sản-xuất kỹ-nghệ.

2) Việc trang-bị điều hoà ấy sẽ đưa đến việc thiết-lập các kỹ-nghệ chuyển hóa để lần hồi hoàn-bị tổ-chức kỹ-nghệ, và mang thăng bằng lại cho tổ-chức ấy.

Nhưng trong hoàn-cảnh hiện tại nước Việt-Nam hình như còn thiếu thốn nhiều khoáng-sản và nhiên lực (than đá), và vì thế nên không thể bắt tay vào việc tổ-chức các ngành kỹ-nghệ căn-bản quan hệ được. Điều này có một ảnh-hưởng đặc biệt và trầm-trọng. Vì nó không thể thiết-lập tất cả những kỹ-nghệ chuyển hóa cần phải có, và muốn có những kỹ-nghệ này nó phải luôn luôn nhờ ngoại quốc mới có đủ máy móc, nhất là nguyên-liệu.

Như vậy thì phải giữ nguyên và hơn nữa, phải khoách-trương nền tiểu công nghệ, nhưng cho đến mực nào. Đây là vấn đề của một cuộc phân tích, và của sự ước lượng xác đáng những nhu-cầu trong xứ. Nhưng cũng là vấn-đề của một chính sách kinh-tế, của việc bảo-vệ các món sản-xuất ấy chống lại những hàng nhập cảng cùng loại.

Dù sao xứ này cũng phải cố gắng tăng-gia các nguyên-liệu dùng trong ngành dệt vải (đay, bông, nếu sống được), trồng cho đủ mà dùng cà-phê, chè, đường, rượu, và xuất-cảng lúa gạo, cao-su và cả chè đen cho được nhiều hơn nữa.

Một xứ như Việt-Nam còn nằm trong giai-đoạn đầu cuộc khoách-trương của mình, cần phải tổ-chức và điều hoà cho thích nghi việc trang-bị các cơ-sở như phương-tiện chuyên chở đi lại, cơ cấu thương nghiệp, tổ-chức tín dụng và bảo kê, và ngay cả bộ máy

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hành-chánh và tổ-chức quốc-phòng. Nền hành-chánh phải làm sao cho nhẹ nhàng và kiến-hiệu càng nhiều càng hay. Trong những nước mới bắt đầu mở mang, nền hành-chánh thường tốn phí quá đáng (vì ký sinh) trong lúc giá-trị của nó lại quá thấp kém, hoặc vì công chức không được chọn lọc kỹ càng và thiếu huấn-luyện, hoặc vì tình trạng bấp bênh của họ và sự thiên vị, hoặc nữa vì lương bổng không tương xứng đối với một vài hạng.

Còn tổ-chức quốc-phòng thì thu hút một phần quá lớn các lợi tức quốc-gia. Năm 1955, quốc-phòng đã chiếm 48,6 % tổng số chi phí của Quốc-gia. Cọng chung với chi phí của tổ-chức Tư-pháp và Công-an Cảnh-sát thì là 60 %. Quốc-phòng, công sở quốc-gia, tư-pháp và công-an cảnh-sát tiêu mất 80 % ngân sách (78,2 %) (xem phụ lục Bulletin économique de la Banque Nationale du VN 1957 No 2 p.230). Thành thử một phần những tài nguyên đáng lẽ cần cho việc tổ-chức các cơ sở hạ tầng hơn, cho việc trang bị căn-bản của một nền kỹ-nghệ hơn, đã bị tiêu vào việc khác. Tuy vậy, các lý do an ninh quốc nội và quốc ngoại buộc phải tiêu dùng như thế không phải là không đáng kể. Nhưng người ta tự hỏi tại sao lại không từ bỏ quan-niệm lỗi thời bắt phải xem quân đội là một lợi khí của công cuộc tuyên-truyền chung, nhắm mục-đích phô-trương và thể diện. Tại sao không thể áp-dụng nguyên-tắc một tổ-chức quân binh thế nào cho đồng thời cũng có tính cách dân sự.

Ở đây tôi không thể đề cập đến vấn-đề vừa phức tạp, vừa gay cấn là vấn-đề đầu tư của nước ngoài vào trong xứ, và lãnh vực hoạt-động của nó. Vì muốn thế thì phải nói đến kinh-tế cao-su, đến nền thương-mãi hoa-kiều, đến viện-trợ Mỹ và các hình-thức của nó, đến số tiền 350 triệu đồng chánh-phủ dành cho năm 1958 mà một phần lớn là vốn nước ngoài, nghĩa là đòi hỏi nhiều đảm bảo.

(*Trích Journal d' Extrême-Orient ngày 25-2-58* : Năm 1958, chính phủ Việt-Nam Cọng-hoà sẽ dành 350 triệu đồng vào việc kỹ-nghệ hóa xứ sở, cần-thiết để thực-hiện nền độc-lập kinh-tế. Trong phần lớn, số tiền ấy do viện-trợ Mỹ đài thọ. Dự định phân phối như sau : 210 triệu dành cho các kỹ-nghệ-gia vay để nhập-cảng những vật-liệu trang-bị và nguyên-liệu. 18.900.000 đồng để trả lương cho các

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chuyên-viên ngoại-quốc. Công việc của các chuyên-viên này là làm cố-vấn cho các kỹ-nghệ-gia Việt-Nam, huấn-luyện chuyên-viên và kỹ-thuật cho họ. 121.100 00 đồng vừa dành cho các kỹ-nghệ-gia vay để làm vốn luân chuyển, vừa để chi phí mặt khác cho Trung-tâm khoách-trương kỹ-nghệ. Trung-tâm này đã được Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm ký sắc lịnh thiết-lập ngày tháng trước, và sẽ có nhiệm-vụ điều hoà những cố-gắng của chính-phủ và của tư-nhân để hướng-dẫn việc đầu tư trong nước và của người ngoại-quốc muốn hùn vốn).

Người ta đã nói, và nói rất đúng rằng trở lực lớn nhất cho công cuộc khoách-trương nằm trong sự thiếu vốn của dân trong nước. Công cuộc khoách-trương chắc chắn không có phương-tiện tài-chánh đầy đủ. Còn nói đến vốn người ngoại-quốc, nếu là do chánh-phủ ngoại-quốc mang đến, thì phần lớn lại dành cho một tổ-chức hay một công cuộc có tính cách chính-trị và quân-sự, và số vốn ấy chỉ nhắm mục-đích bù đắp những khoảng thâm thủng do các nhu-cầu ngoài lệ hoạt-động kinh-tế gây ra, nếu vốn ngoại-quốc là của tư-nhân, thì người ngoại-quốc chỉ đầu tư trong những khu-vực nhiều lợi tức hơn cả, nghĩa là rất ít vốn được bỏ ra cho công cuộc trang-bị căn-bản và trong việc thiết-lập những cơ-sở hạ tầng cần thiết phải làm trước khi nói đến lợi tức. Vì lẽ ấy nên rất nhiều người nghĩ rằng chỉ có chính-phủ mới có đủ sức bỏ số vốn cần-thiết để làm việc.

Cũng nên nhớ là phải tìm vốn trong tiền tiết-kiệm của tư-gia và trong số vốn của tư-gia. Năm 1956, 97, 7% tổng số vốn được công bố của tất cả các xí-nghiệp tiểu-công-nghệ và kỹ-nghệ là vốn ngoại-quốc, tức là 7.600.604.000 đồng bạc VN. Còn vốn người trong nước chỉ có 257.334.000 đồng (B. N. Bul. Econ. mai 1957).

Nhưng trong phạm-vi này, phải nói đến mức lời dành cho tiền tiết kiệm rất thấp, và các tiêu dùng lợi tức không được thích đáng lắm. Hoặc người ta mang lợi tức ra đầu cơ để sinh lợi như cho vay nặng hoặc người ta dùng nó để mua những hàng-hóa nhập-cảng cần thiết cho những tiện nghi được người ta xem là quan hệ hơn là góp vốn vào những công cuộc sơ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khởi của nền kỹ-nghệ, hoặc người ta chuyển ra làm vốn ở nước ngoài.

Vì thế nên phát-sinh một không-khí đầu-cơ, trong đó người ta cứ tiếp-tục ham chuộng mãi những mối lợi lớn và mau, mà khỏi kẹt vào một công cuộc kiến-tạo nào. Không-khí đầu-cơ ấy nuôi-dưỡng phong-trào hối-lộ tham-nhũng. Không-khí đầu-cơ, và lòng tham-lợi cho chóng giàu rất có thể bóp chết cố-gắng của những người đang lo giải-quyết các vấn-đề dài hạn của xứ-sở.

Cách dùng tiền như vậy là một sự phí-phạm nguy-hiểm. Nhưng nhiều hình-thức phí-phạm khác người ta có thể tố-cáo trong sinh-hoạt kinh-tế của tư-nhân cũng như trong các công-sở. Nếu muốn tìm tỷ-dụ thì có thể kể dụng ý phô-trương thể-diện, việc đặt cơ-sở mà không tính đến chuyện gìn-giữ các cơ-sở ấy, việc thiếu nghiên-cứu trước các tổn-phí phải tiêu, việc thiếu đều-hòa trong các công việc đang làm.

Hiện tại, những, thiếu-thốn về phương-diện thống-kê cũng ảnh hưởng không hay cho công-cuộc khoách-trương. Thiếu thốn cả trên phương-diện sâu rộng cũng như trên phương-diện đứng-đắn và chắc chắn. Thiết-lập một chương-trình khoách-trương thật sự xử-sở, và trong khi thực-hiện chương-trình ấy muốn sữa đổi thêm bớt cho đúng, là chuyện hoàn-toàn không thể làm được nếu không có một viện Thống-kê quốc-gia gồm đầy đủ nhân-viên, có phương-tiện tài-chánh dồi-dào và tự-trị phần nào trong công việc. Thay vì đặt trong mỗi bộ nhiều văn-phòng nghiên-cứu, để mỗi bộ mỗi làm công việc thống-kê riêng, vừa lẻ-tẻ vừa thiếu-sót, đáng lẽ phải nhìn nhận cho viện Thống-kê quốc-gia một quy-chế và một vị-trí thế nào để giúp nó làm việc có hiệu-quả hơn.

Trong hoàn-cảnh hiện tại, gần như hoàn-toàn không thể vạch rõ bộ mặt kinh-tế thực-sự của xứ này, lại càng không thể vạch được bộ mặt kinh-tế của các địa-phương.

Các Ngài nghe tôi nói đến đây có lẽ cho là tôi hoàn-toàn tiêu-cực và chỉ dụng-ý chỉ trích. Đừng quên là xứ này vừa

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mới tự làm chủ lấy mình, và trong thời-gian còn bị người Pháp chiếm đóng, nó chưa được tổ chức đầy đủ để trưởng-thành ngay khi vừa độc-lập. Vậy nó không đáng trách về những lầm lỗi tôi vừa nêu ở trên. Thật ra tôi còn có thể kể thêm nhiều lầm lỗi khác nữa cũng không kém nguy-hiểm, như sự thiếu ý-thức về công-lợi công-ích, và những gì công-ích công-lợi đòi hỏi ở mỗi người, tình-trạng chia rẽ giữa đại-chúng và giới trí-thức có năng-lực trong công-cuộc phục-hưng đất nước. Những lỗi lầm ấy có thể tránh được và phải tránh cho được.

Tôi còn phải tính sổ những lợi điểm có thể giúp vào công-cuộc khoách-trương. Trước hết là vấn đề nhân sự : một dân-tộc trẻ trung, dồi-dào về nhân công bắt đầu đã có huấn-luyện chuyên-nghiệp trong vài trường kỹ-thuật, có biệt tài rõ rệt về tiểu-công-nghệ, lắm khi rất khéo tay, và nhất là có một giới dân quê cần-cù và đơn-giản, không cần nhiều phương tiện cũng làm được việc. Thêm vào đấy, cần phải kể những lợi-điểm vật-chất thiên-nhiên : những nguồn lợi chưa khai-phá về đất đai và khoáng-sản, hạ tầng cơ-sở giao-thông và phương-diện chuyên-chở đi lại, nhiều công-cuộc trang-bị của đoàn-thể cũng như của tư-nhân rất đáng kể. Với các cố-gắng về giáo-dục và vệ-sinh, sức khỏe công-cọng dồi-dào hơn, và nạn chết trẻ giảm bớt đi.

Việc truyền-bá quốc-ngữ trong đại-chúng, những cố-gắng của các bộ Canh-nông và Kinh-tế quốc-gia, phải đưa đến kết quả tăng-gia mức sản-xuất nông-nghiệp.

Như vậy mãi-lực của nông-dân sẽ dễ dàng giúp cho các sản-phẩm mới trong nước bán chạy, và ngay trong nước đã có thể sản-xuất các món hàng ấy mà không sợ ế.

Ta cũng nên nhắc đến sự viện-trợ kỹ-thuật và lòng tin cậy của các nước ngoài, cũng như của các tổ-chức quốc-tế, những điều ấy đều trực-tiếp có lợi cho công-cuộc khoách-trương.

## KẾT - LUẬN

Để kết-luận, tôi muốn nhấn mạnh vào những hiện-tượng không có tính cách kinh-tế, nhưng lại trực-tiếp chi-phối kết-quả

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

của công cuộc khoách-trương. Phải làm sao cho toàn-thể người Việt-Nam có một ý-thức đoàn-kết rõ rệt hơn và hiểu rằng họ liên-đới cùng nhau.

Một phần dân chúng, do tính cách chuyên-môn, do hoàn-cảnh lịch-sử, do những bất-ngờ kinh-tế, do cơ-cấu xã-hội, đang giữ một trạng-thái tôi không muốn gọi là man-rợ, mà gọi là chia rẽ và cô-lập. Vì vậy, thành phần dân chúng nói đó không sốt-sắng để cộng-tác chặt-chẽ trong phạm-vi sản-xuất lớn lao, cũng như trong phạm-vi tiêu-thụ cho rộng rãi và có tổ-chức hơn.

Có khi bên ngoài thì họ ra vẻ thụ-động, nhưng bên trong họ đang lúng túng theo một thứ mặc-cảm nguy-hiểm gây cho họ lòng ngờ-vực sâu xa đối với giới học-thức hay giới cầm-quyền. Về mặt khác, lấy danh-nghĩa là một nhà xã-hội-học, tôi muốn các ngài chú-ý đến những mối nguy-hiểm người ta sẽ gây nên khi người ta mang lại cho dân chúng chưa quen một mực sống mới. Sự mất gốc thình lình, trình-độ văn-hóa suy kém, và nhiều hình-thức thoát-ly khác nữa có thể làm hại nặng-nề cho mục-đích đang theo đuổi là việc nâng cao con người, và cũng làm hại ngay cả đến công cuộc khoách-trương kinh-tế nữa.

Thái-độ của đại-chúng, theo quan-điểm xã-hội-học, tổng-hợp trực-tiếp tâm-lý của từng người. Giáo phái nổi lung tung, lòng ngờ-vực và những lo-âu của các tầng lớp dân chúng, có thể biến các trạng-thái tâm lý thành ra những lực-lượng xã-hội phá hoại. Muốn thay đổi tình-trạng ấy, các phần-tử trí-thức, tân cũng như cựu, phải có một thái-độ hoàn-toàn đứng-đắn công-bình. Theo tôi thì các phần-tử này cũng đã cố-gắng hết sức họ để làm công việc ấy. Họ nên luôn luôn chứng tỏ, không phải bằng những lời nói suông mà phải bằng những hành-động không ai chối cải được, là mỗi một người, dù người có thể là địch-thủ của mình, đều phải được tôn trọng là người. Mà khi tôi nói đến các phần-tử trí-thức, các Ngài đừng tưởng tôi muốn nói đến những người khác Ngài đến ông hàng xóm hay người bề-trên Ngài, mà là tôi muốn nói đến chính Ngài.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tôi không giảng luân-lý. Tôi buộc lòng phải đề cập đến khía cạnh luân-lý của vấn đề khoách-trương để có thể nghiên-cứu đầy đủ vấn đề. Phải chăng các Ngài chỉ mong đi đến một nhân-loại yêu thương nhau hơn? Như thế thì trước hết phải đề-cao lòng nhân, và cố-gắng diệt-bỏ những điều bất-nhân.

Nếu Ngài có cho là tôi nghiêm-khắc, xin Ngài tin rằng không phải vì tôi muốn chỉ trích suông, mà chính vì tôi chân-thành muốn cải-tiến. Những lời nói ngay và cương-nghị, người ta chỉ đem dùng với người không những đủ sức mà nghe, mà còn đủ sức để hiểu một cách thiết-thực. Chính vì các Ngài là triệu-chứng sống động của các năng-lực xứ này, nên khiến tôi dạt dào hy-vọng. Những lời tôi bàn trên đây chỉ có mỗi một mục-đích là giúp các Ngài ý-thức được nhiệm-vụ của các Ngài đối với xứ sở. Đạt được mục-đích ấy, nó đã khỏi phải là vô-ích.

ALAIN BIROU

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ TỰ-DO và VẤN-ĐỀ HỢP-LÝ

VẤN-ĐỀ hợp-lý và vấn-đề tự-do, cũng như nhiều vấn-đề triết-lý khác, đều là những câu hỏi mà không bao giờ người ta có thể trả lời một cách đầy đủ. Vì thế chúng ta cứ phải đổi quan-điểm luôn để nhìn bao-quát hơn.

Nhưng các câu hỏi mà chúng ta đặt ra, không phải là nó vô cớ từ đâu lại. Thực ra bao giờ chúng cũng đặt ra trong một hoàn-cảnh, và bao giờ cũng ăn rễ vào một hoàn-cảnh căn-bản lúc nào cũng hiện-diện : đó là tình-trạng làm người của chúng ta. Trong một bài sau, chúng ta sẽ có dịp bàn rộng hơn về tình-trạng làm người và về thế-giới nhân-sinh. Bây giờ chúng ta chỉ cần nhận-thức tóm-tắc tình-trạng ấy thế này : con người ta sống, nghĩa là có hiện-diện (présence) ở trong một khối vật-chất, tức là thân-xác mình. Khối vật-chất ấy là một phần-tử của vũ-trụ, nó ảnh-hưởng lên các phần-tử khác đồng thời các phần-tử khác lại ảnh-hưởng lên nó, theo các luật lý-hóa và sinh lý. Trong các phần-tử kia, lại có một số là hiện-diện cho những người khác. Vì thế các triết-gia sau Husserl đã nhận-định tình-trạng căn-bản của ta trong ba yếu-tố : « *tôi* » ở « *trong vũ-trụ* » với « *người khác* ». Thiếu một trong ba yếu-tố ấy, chúng ta không triết-lý nổi. Nhận-định như thế tức là vượt qua được cuộc cải-cọ một chiều của các thứ duy-tâm, duy-vật và đã do Descartes đặt nền móng.

Như thế nghĩa là chúng ta không thể tự-do bên-ngoài tình-trạng làm người, và cũng bên ngoài tình-trạng ấy chúng ta không thể bàn đến chuyện hợp-lý hay không. Vì lẽ rằng vũ-trụ xoay vần biến-đổi, và chúng ta chỉ có thể dùng khoa-học mà nhận xét rồi nói :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vũ-trụ xoay vần như thế, vũ trụ là thế ; chứ không có lý-do gì để nói : Vũ trụ như thế là hợp-lý hay không hợp-lý, tự-do hay không tự-do. Đến đây thì chúng ta có cảm-tưởng rằng vấn-đề hợp-lý và tự-do là những vấn-đề có liên-hệ tới nhân-sinh. Có làm người, nghĩa là có sống, có dự-định biến đổi vũ-trụ và phát-triển nhân-tính nơi mình và nơi người khác, thì mới đặt ra vấn-đề tự-do và hợp-lý. Nói thế khác : *phải đặt hai vấn-đề đó trong khuôn-khổ của hành-động con người.* Chúng ta không có cái thứ tự do trừu-tượng và không ăn rễ vào tình-trạng làm người, chúng ta không có cái thứ hợp-lý một cách hình-thức và không có đối-tượng.

Nếu có thể phân-biệt trong hành-động của ta mục tiêu và phương-tiện, thì theo giả-thuyết mà chúng ta định bàn đến, tự do phải đặt vào phần mục-tiêu và hợp-lý phải đặt vào phần phương-tiện. Cái liên-lạc chặt-chẽ giữa mục-tiêu và phương-tiện cũng là cái giây ràng buộc tự-do và hợp-lý trong đời người.

## Mục-tiêu và Tự-do

Hành-động tức là theo đuổi một mục tiêu. Đối với thân-thể của ta, mục-tiêu có thể ngoại tại hay nội tại. Đưa điếu thuốc mời khách để khách mời lại ta một chén rượu, dơ tay cho một cụ già vịn để đi, tức là những mục-tiêu ở bên ngoài thân-thể ta. Nhưng đồng thời các hành-động ấy lại có mục-tiêu nội tại : là làm cho ta thành một người bạn hay giúp đỡ. Như thế đã rõ, bất cứ hành-động nào cũng có liên hệ tới sự thực-hiện của bản ngã chúng ta. Hành-động tức là thực-hiện một bản ngã lý-tưởng. Và bản ngã lý-tưởng là mục-tiêu bao-quát của đời sống. Hành-động theo một phương-hướng tức là chấp-nhận một bản ngã lý-tưởng làm mục-tiêu bao-quát : nhận-định và theo đuổi một mục tiêu bao-quát tức là tự-do.

Nhưng không phải hễ có thể chọn trong nhiều mục-tiêu tức là tự-do ; vì chính sự ta có nhận thức và dấn thân vào một phương-hướng, theo một mục-tiêu tức là tự-do. Sự chấp-nhận một mục-tiêu bao-quát cho đời sống là tự-do, vì rằng ta chọn nó không phải vì nó đưa ta đến một cái gì khác, ta chọn nó vì ta muốn như thế

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

và bên mục-tiêu ấy không còn có gì có thể quyến rủ ta. Vì thế ta gọi là mục-tiêu bao-quát, bao-quát được cả đời người.

Theo đuổi một mục tiêu bao-quát, cố thực-hiện được cái bản ngã lý tưởng, tức là phủ nhận cái bản ngã hiện-tại. Nếu hai cái bản ngã ấy không khác gì nhau, thì con người không cần phải hành-động tự-do và hợp lý, vì như thế con người không khác gì hòn đá. Đàng khác, tuy có khác cái bản ngã hiện tại, nhưng cái bản ngã lý-tưởng không thể gián-đoạn và không thể không có liên lạc gì với bản ngã hiện tại, vì nó là thực-hiện các sở năng tiềm-tàng trong bản ngã hiện-tại. Hơn nữa cả hai bản ngã đều ở trong khuôn-khổ tình trạng làm người của chúng ta. Nói thế khác: việc chấp-nhận một bản ngã lý-tưởng có tự do thế nào đi nữa cũng không ra ngoài tình-trạng làm người của mỗi cá nhân.

Đây nói về mục-tiêu bao-quát. Nhưng vấn-đề mục-tiêu bao quát là một vấn-đề triết-lý siêu-hình. Và cái khác biệt giữa triết-lý siêu-hình và khoa học là ở tại dụng-cụ của tư tưởng ta, tức là các ý-niệm. Các ý-niệm đều phổ-biến cả. Nhưng các ý niệm phổ-biến mà ta dùng trong đời sống thường nhật hay trong khoa-học là những ý-niệm trừu-tượng, chỉ nhằm những cái có ở nhiều vật mà gác những cái khác biệt ra ngoài. Vì thế ý-niệm trong Khoa-học chỉ nhằm một góc của thực-tại. Chúng ta gọi ý-niệm độc-nghĩa (concepts univoques), vì mỗi ý-niệm có một nghĩa rõ rệt và khi đọc lên, chúng ta có thể hình dung ngay ra nó là cái gì. Trái lại khi dùng một ý-niệm của triết-lý siêu-hình, chúng ta không thể hình dung nó là cái gì, không phải là vì nó không có nghĩa, nhưng là vì ý-nghĩa nó bao trùm. Vì thế ta gọi là ý-niệm bao nghĩa (concepts analogiques) ý-nghĩa của ý-niệm độc-nghĩa, chúng ta có thể « *nắm chặt* » được. Nhưng ý-nghĩa của ý-niệm bao nghĩa là như cái « *vô cùng* » trong toán-pháp. Chúng ta có thể hình-dung ra thế nào là hình ba góc, thế nào là hai đường song gióng, vì đó là ý-niệm độc-nghĩa. Trái lại chúng ta không thể hình dung được cái gì là « *vô cùng* » (∞). Chúng ta nắm được hình ba góc, được hai đường song gióng Nhưng cái « *vô cùng* » chỉ là cái ta nhằm (viser) như chỗ hai đường song gióng sẽ gặp nhau. Thí-dụ đó, tuy hết sức lệch-lạc, nhưng cũng giúp ta hiểu thế nào là ý-niệm bao nghĩa. Nói tóm lại:

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chúng ta nắm được ý-nghĩa của ý niệm độc-nghĩa, nhưng phải nắm được những ý-nghĩa đó mới có thể nhắm được ý-nghĩa của ý-niệm bao nghĩa Thí-dụ : chúng ta không thể nắm được ý-nghĩa của tiếng thực-tại (être) hư-vô (néant) hay vô ý-thức (inconscient). Nhưng ta phải nhìn các vật hiện có ở vũ-trụ mới nhắm được lờ mờ thế nào là thực-tại. vì thực-tại bao trùm tất cả các vật ấy từ chỗ giống nhau cho đến cả những đặc-điểm từng cá vật. Ta phải nắm chặt được những kinh-nghiệm thường nhật như người *không* phải là trâu, màu trắng *không* phải là mùi thơm, nhân-vật A đã sống trước đây ba năm và bây giờ *không* còn nữa ; phải nhằm qua các kinh-nghiệm ấy mới cảm cái hư vô như một cái gì ở xa-xăm. Chúng ta cũng không thể biết cái vô-ý-thức nữa Nhưng ta phải dùng đến nó như một ý-niệm bao nghĩa để tìm hiểu những hiện-tượng ý-thức : thí-dụ hôm kia ta gặp một người và hỏi tên họ, hôm qua ta quên tên họ và hôm nay lại nhớ ra tên ấy. Nói về hiện-tượng đó, ta bảo : hôm qua tên người ấy trụt xuống chỗ vô ý-thức của ta, hôm nay tên ấy lại nhô lên ý-thức.

Ta vừa nói : vấn đề mục-tiêu bao quát là vấn-đề triết-lý siêu-hình. Như thế nghĩa là ta không thể định-đoạt một cách độc-nghĩa (univoquement) thế nào là mục-tiêu bao quát. Ta chỉ có thể biết và nắm được các mục-tiêu hạn hẹp của thường nhật như : ăn để sống, uống rượu để giải-khuây, v v... và ta sẽ nhằm cái mục-tiêu bao-quát qua các mục-tiêu hạn-hẹp mà ta xác-định được Không phải vì cái mục-tiêu bao quát chỉ là tổng-cọng các mục-tiêu hạn-hẹp mà ta xác-định và theo đuổi. Thực ra nó bao-quát hơn nhiều. Và hơn nữa, nó hiện thân trong từng mục-tiêu hạn-hẹp mà ta theo đuổi, và hiện thân trong tất cả các hệ-thống các mục-tiêu lớn nhỏ. Cũng như các mục-tiêu lớn hiện thân trong các mục-tiêu nhỏ hơn. Thí dụ : trong việc đi từ bên này sang bên kia phố, có hiện thân của mục-tiêu « *gởi mấy cái thư* »; trong việc gửi thư có hiện thân của mục-tiêu « *một bữa chén với vài người quen* » ; trong việc chè chén với mấy người quen, có hiện thân của một mục-tiêu lớn hơn, tức là tình hữu nghị. Tình hữu-nghị là cái bao-quát hơn những tác-động ta đã nói đến, nó tổ-chức các tác-động đó theo một hệ-thống, mỗi mục tiêu lớn có thể bao-trùm nhiều mục-tiêu nhỏ Không những tình hữu-nghị bao-trùm được hệ thống các động-tác trên đây, nhưng nó còn có thể hiện thân được ở nhiều

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hệ thống khác. Trong mỗi hệ thống thì mục-tiêu lớn được hiện thân ở các tác-động hạn-hẹp hơn và làm cho các tác-động ấy có một nghĩa-lý.

Như thế thì ta rõ, các mục tiêu hạn hẹp mà ta theo đuổi đều ở trong hệ-thống, có tôn-ti đẳng-cấp. mỗi hệ-thống có một mục-tiêu lớn đứng đầu và làm cho các tác động nhỏ của ta có nghĩa-lý. Thí dụ: ta đi đến trường, để học một vài bài sinh-lý-học, trong chương-trình y-khoa, để sau đỗ làm y-sĩ, để chữa người có bệnh, như thế tức là phụng sự nhân-loại; do đó mọi việc đi đứng của ta đều có nghĩa lý là phụng-sự nhân-loại.

Xác-định được cái mục-tiêu lớn và các hệ thống của chúng rồi, bây giờ ta mới có những phương-hướng để nhằm cái mục tiêu bao-quát tất cả đời người. Ta không xác-định được các mục tiêu bao quát như ta đã xác định được mục-tiêu lớn trong đời, nhưng ta tìm được phương-hướng để nhằm cái mục-tiêu bao-quát ấy. Thực-hiện được một tác-động trong hệ thống một mục-tiêu, vẫn chưa phải là đạt tới mục-đích đó, vì nó bao hàm nhiều động-tác khác nữa; và khi thực-hiện tác-động ấy, ta cũng không thể cho là mình đã đạt tới mục-tiêu bao-quát cả đời người.

Nhìn vào hệ-thống của một bất cứ mục-tiêu nào ta cũng nhận thấy rằng mục tiêu lớn là mục-tiêu cho mục tiêu nhỏ hơn nó, và đồng thời lại là phương-tiện cho mục-tiêu lớn hơn Chè chén với mấy người quen là mục-tiêu cho việc viết thư mời, và đồng thời lại là phương-tiện cho tình bằng hữu. Mục tiêu vẫn rộng hơn phương-tiện. Mục-tiêu có thể biến thành phương-tiện, phương-tiện lại có thể biến thành mục-tiêu. Mỗi mục-tiêu có thể bao quát nhiều phương-tiện, mỗi phương-tiện lại có thể đưa đến nhiều mục tiêu Như thế ta gọi là nhất cử lưỡng tiện: võ lực có thể để bảo vệ chính nghĩa, nhưng cũng có thể dùng để đàn áp và khủng-bố người vô tội. Hơn nữa mục-tiêu có thể biến thành phương tiện cho cái trước kia là phương-tiện của nó, như: đi làm để có tiền, có tiền để sinh-sống, sống để đi làm, hay: làm tiền để xe-kết tình bằng hữu, dùng tình bằng hữu để làm tiền. Tất cả những cái phiền toái của thế-giới mục-tiêu và phương-tiện làm cho ta hiểu được rằng không có một giá-trị nào nội tại trong vũ-trụ, có thể làm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mục-tiêu tuyệt đối và bao-quát cho đời người, vì lý-do đơn-giản nầy là hễ giá-trị nào có thể biến thành phương-tiện thì giá-trị ấy không có thể nghiễm nhiên làm mục-tiêu bao-quát cả đời người.

Đứng trước tình-trạng có vẻ hỗn độn đó, hình như ta không tìm được một hệ-thống khách-quan để tổ-chức các giá trị chi-phối đời mình theo một phương hướng. Các hệ-thống đạo-hạnh (Systèmes de morale) khác nhau là tại chỗ đó. Mỗi hệ-thống đạo hạnh là trả lời cho câu hỏi trên : « *phải tổ-chức đời sống thế nào* » ? trong thực-hành, người ta chọn một giá-trị làm mục-tiêu cho đời người, như : tiền-tài khoái-lạc, nghệ-thuật, khoa-học, nhân-loại v.v .. và tổ-chức các giá trị khác thành phương-tiện để tới mục tiêu đã chọn. Nhưng nhiều khi người ta lại thay đổi mục-tiêu tùy hoàn-cảnh, vì không mấy khi ta thấy đời người được thống-nhất theo một mục-tiêu độc-nhất. Sẽ có lúc người ta thấy rằng cái giá-trị đã chọn làm mục-tiêu không làm phát-triển được các phương-hướng của đời sống, và không đáng ta hy-sinh một giá-trị khác cho nó, nói thế khác : giá-trị đã chọn kia không phải là mục tiêu bao-quát đời người. Trong trường-hợp đó, có những nhân-vật cứng cát đứng ra chỉ-đạo cho nhân-loại một giá-trị phổ biến và bao-quát hơn để làm mục-tiêu. Có người không tìm được một giá-trị nào chỉ có thể làm mục tiêu mà không có thể làm phương-tiện, thì cho rằng đời người là vô nghĩa-lý. Người khác lợi-dụng cái tính-cách vô định của thế-giới các giá-trị để theo đuổi những mục-tiêu ích kỷ và lợi-dụng tâm tình vị-tha của người chung quanh, vì lẽ rằng cái gì cũng dùng làm phương-tiện được.

Một giải pháp khác, là nhận xét lịch-trình tiến-hóa của ý-thức đạo-đức (conscience morale). Như thế ta sẽ thấy rằng cho dù có những cái khó khăn đã nói trên, thì ý thức nhân-loại đã tiến từ các giá-trị hạn hẹp cho đến các giá-trị phổ-biến hơn. Nhưng bao giờ cũng phải có một thái độ khiêm-tốn, luôn luôn chất-vấn và phê bình quãng đường mình đã đi, ta mới tránh được cái nạn đem tuyệt-đối hóa một giá-trị, trong khi giá-trị đó còn có thể là phương-tiện và không bao quát được cả đời người. Thái-độ ấy là thái-độ của Socrate, gọi là châm biếm (ironie). Trong khi cố gắng để tới cái phổ-biến trong thế-giới mục-tiêu, ta không nắm được mục-tiêu bao-quát bằng những ý niệm độc nghĩa, nhưng ta nhận định được phương-hướng đưa ta đến cái không thể làm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phương-tiện được nữa. Đó là mục-tiêu bao-quát. Ta không thể xác-định và hình-dung nó là thế nào, nhưng ta có thể có nó như một điểm ở trên trời, mà nỗ lực để tới cái phổ biến đang hướng ta đến. Vì thế chúng ta nói rằng vấn-đề mục-tiêu bao-quát là một vấn-đề triết-lý siêu hình. Chỉ có nỗ lực để tới cái phổ-biến, chỉ có lòng tin-tưởng ở phương-hướng đó mới tránh cho ta một đời vô nghĩa lý và xu thời. Đó là một thái-độ tự-do.

## Phương tiện và hợp lý

Nếu vấn đề tự-do ở trong khuôn khổ vấn-đề mục tiêu, thì vấn-đề hợp lý phải được đặt ra trong thế giới phương-tiện. Khi đã chọn mục-tiêu, thì ta dùng các phương-tiện để tới nó. Chấp-nhận một mục-tiêu là thái-độ tự-do. Tổ-chức các phương-tiện sao cho tới mục-tiêu là vấn-đề công-hiệu và hợp lý. Hệ-thống phương-tiện không đưa đến mục-tiêu là hệ-thống vô hiệu và phi-lý. Cái mục tiêu ta tự-do chấp-nhận là cái làm cho hệ-thống hợp lý của phương-tiện có nghĩa-lý. Nói thế khác: Trong tổ-chức hợp-lý của phương-tiện có hiện thân của mục-tiêu khi bàn đến vấn-đề hợp lý của phương-tiện, tức là ta giả sử rằng vấn đề mục-tiêu đã giải-quyết xong. Muốn giải-quyết vấn-đề hợp-lý-hóa phương-tiện, lẽ tất nhiên chúng ta phải tìm biết cái kết-cấu của thế-giới chúng ta.

Chính vì dụng-cụ sự tìm biết của chúng ta là ngôn-ngữ mà trong chương-trình học chính thời trung-cổ bên Âu-châu có hai môn căn-bản là văn-phạm và luận-lý, để tập cho sinh viên tránh được mâu thuẫn khi nói năng tư-tưởng, nghĩa là để dùng ngôn-ngữ cho hợp-lý. Văn-phạm thì mỗi ngôn-ngữ mỗi khác, còn luận-lý là một khoa phổ-biến cho bất kỳ ngôn-ngữ nào. Ngôn ngữ dùng để gọi đồ vật, các danh-từ có thể thay thế cho đồ-vật như: thay vì lúc nào cũng dắt chó đi chơi, thì ta có thể nói với người chung quanh: « *tôi có một con chó* » các danh-từ, các ý-niệm dùng để chỉ đồ vật, không phải chỉ từng cái, nhưng chỉ từng loại. Có loại gọi là « *cây* », có loại là « *chó* », có loại là « *người* ». Mỗi loại chia ra nhiều loại nhỏ: loại « *cây đa* », loại « *cây dừa* » đều thuộc về loại « *cây* », loại « *đỏ* » gồm những đồ vật đỏ, loại « *đen* » gồm những đồ vật đen. Hệ-thống ý-niệm làm cho thế-giới của ta có thứ-tự. Thay vì nhìn vũ-trụ như một số đồ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vật thiên-hình vạn-tượng mỗi cái mỗi khác, thì ta nhìn các đồ-vật theo từng loại. Mỗi khi thấy một đồ-vật, ta không cần phải quan-sát tỉ-mỉ, chỉ cần nhận-xét một vài nét chính rồi tuyên-bố : đó là con « *chó* » con chó nầy hay con chó khác, ta đều gọi bằng « *chó* » cả. Tiếng « *chó* » phổ-biến hơn con chó cụ thể mà ta có trước mặt. Nói thế khác, ngôn-ngữ dùng để phân-loại. Và ngay trong việc phân loại, người ta đã tìm đến cái phổ-biến chứ không chịu đứng lại ở kinh-nghiệm luôn luôn thay hình đổi dạng — Có phân loại, nên cũng có phép luận-lý. Luận-lý là để tránh mâu-thuẫn trong tư-tưởng và trong cái thứ-tự mà phân loại đã xếp đặt. Ta thử hình-dung tư-tưởng chúng ta như một cây gỗ. Ta có thể cưa ngang để lấy ra một khúc gỗ mỏng. Ta sẽ thấy khúc gỗ đó có thứ-tự : *ruột ở trong gỗ, gỗ ở trong vỏ*. Phép luận-lý mô-thức (logique formelle) làm cho ta tránh mâu-thuẫn trong chiều ngang của tư tưởng. Thí-dụ : chó là loài vật, con mực là chó, cho nên : con mực là loài vật. Câu luận đó có thể đổi thể nầy : loài « *chó* » ở bên trong loài « *vật* », con mực ở bên trong loài « *chó* », cho nên : con mực ở bên trong loài « *vật* ». Nếu ta viết những tiếng « *ruột gỗ* », « *gỗ* », « *vỏ gỗ* » thay vào những tiếng « *con mực* » « *chó* », « *vật* », thì ta sẽ thấy đúng. Nhưng hai khúc gỗ sát nhau không phải là không có liên-lạc với nhau cũng như hai khúc tư-tưởng trong hai thời gian sát nhau. Nếu xét theo chiều dọc của cây gỗ, hay của tư tưởng nhân-loại, thì ta thấy rằng hai khúc gỗ hay hai khúc tư-tưởng, không liên-lạc với nhau theo thứ-tự của phân-loại. Cho nên ta không thể dùng luận-lý mô-thức để khảo-sát liên-lạc của tư-tưởng của hai thời đại, nhưng phải dùng phép biện-chứng như Hegel đã thí-nghiệm khi nhân-loại có ý thức về lịch-sử. Đến đây ta có thể nói : luận-lý không chặt tức là tư-tưởng phi lý.

Bây giờ chúng ta phải khảo sát tình-trạng làm người của chúng ta, thân xác và vũ-trụ của chúng ta để xem chúng ta có những phương-tiện nào để đạt tới mục-tiêu. Phải phân tích sự-vật và khảo-sát phản ứng của nó theo luật nhân quả. Điều cốt yếu là nhìn nhận và ghi chép lấy kết-quả của các thí-nghiệm để tổng-hợp và qui-nạp thành định luật. Cũng như trong tư-tưởng, phải nhìn nhận phép luận-lý để khỏi mâu thuẫn, thì đây trong thí-nghiệm sự vật, cũng phải nhận rằng thực-tế có tính-cách hữu-luật (légalité) và không mâu-thuẫn. Nói

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tóm lại: hiểu biết một cách hợp lý là nhìn-nhận phép luật-lý làm luật cho tư-tưởng và nhìn nhận tính cách hữu-luật của sự vật. Thiếu hai yếu-tố đó thì tư tưởng ta hỗn loạn, sự-vật bên ngoài lộn xộn, và khoa-học tìm định-luật của sự-vật chỉ là cái mộng hão.

Đành rằng ta chỉ có thể đặt vấn-đề hợp lý trên nền móng của tình-trạng làm người của ta, nhưng sự hợp-lý đòi ta tìm tới cái phổ-biến. Nói rằng kiến-thức và khoa-học bao giờ cũng là của giai-cấp và chỉ có giá-trị trong khu-vực phát-sinh ra nó, tức là phủ-nhận lý-tính ở nơi mình và phủ-nhận tính-cách hợp-lý của kiến-thức và khoa học của mình. Nhưng không ai đứng đắn dám phủ-nhận lý-tính ở nơi mình, vì thái-độ đó sẽ có nhiều hiệu-quả khó chịu. Cho nên thường thường người ta chiếm-đoạt lý-tính cho mình và phủ-nhận nó nơi người khác: kiến-thức và khoa-học của mình là đúng, là chân-lý, còn người khác chỉ có những tư-tưởng giai-cấp phi-lý. Như thế tức là cho người khác là không có lý-tính. Thái-độ đó không phải là không đưa đến những hiệu-qủa vô nhân đạo. Đòi giữ bản quyền về lý-tính và về chân-lý sẽ đưa đến độc-tài: người ta thanh toán hàng triệu sinh-linh, vì tư-tưởng khác mình. Những thái-độ phủ-nhận bản quyền lý-tính là những thái-độ phi-lý, vì muốn hạn-hẹp phạm-vi quan-sát vào một mình hay là vào một góc sự-vật, đồng thời lại đòi rằng các kiến-thức mình thu được ở đó phải có giá-trị bên ngoài phạm-vi quan-sát. Phủ-nhận lý-tính nơi người khác tức là làm cho mình mất cái phổ-biến của lý-tính. Phải nhìn nhận thực tại mới là hợp-lý.

Muốn tới chỗ hợp lý phải có một thái-độ vô vị lợi. Thái-độ ấy làm cho ta vượt lên trên tầm mắt vị kỷ để tìm hiểu sự-vật. Ta nỗ-lực tiến đến chỗ phổ-biến, để thoát ra ngoài giới hạn của hoàn-cảnh riêng-biệt của chúng ta, để tới một cuộc đàm-phán với hết mọi người trên bình diện lý-trí. Bao lâu người ta không chịu tìm tới lý-trí thì còn cạnh-tranh nhau về quyền-lợi riêng tư. Những cạnh-tranh ấy mở mắt cho ta thấy rằng: ta không thể tới chỗ phổ biến, tới chỗ thỏa-thuận với người khác, nếu ta đứng trong bình-diện tư-lợi. Như thế thì rõ: tới được chỗ hợp-lý, tới được chân-lý không phải là dễ.

Sau khi đã tìm hiểu sự vật một cách hợp-lý, ta mới có thể xếp đặt các phương-tiện để tới mục-tiêu. Đó là khoa-học, và đây là kỹ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thuật. Biết luật nhân-quả của sự vật mà không biết dùng cái « nhân » để được cái « quả » tức là hành-động phi-lý. Muốn được một hiệu-quả phiền-phức, ta phải xếp đặt một hệ-thống nguyên-nhân. Hiệu-quả là mục-tiêu, hệ thống nguyên-nhân là phương-tiện. Định-đoạt hiệu-quả là tự-do, tìm nguyên-nhân đưa đến hiệu-quả là kỹ-thuật hợp-lý. Cố tình dùng những nguyên-nhân không đưa đến hiệu-quả mình muốn, không phải là tự-do, nhưng là phi-lý, nếu không phải là mâu-thuẫn ở bình-diện mục-tiêu, muốn hai cái trái ngược.

Tự-do và hợp lý đều đi đôi trong hành-động ta. Hành động ta tự do và hợp-lý, tự-do vì nó có một nghĩa-lý, hợp lý là vì nó công-hiệu . . .

Chúng ta vừa lập được cái liên-lạc : . . . . $\frac{\text{Tự - do}}{\text{hợp - lý}} = \frac{\text{mục - tiêu}}{\text{phương - tiện}}$

Nhưng, như ta đã nói, trừ cái mục-tiêu bao quát ra, còn các mục-tiêu khác đều có thể biến thành phương-tiện lẫn cho nhau hay là cho mục-tiêu bao-quát. Thế nghĩa là ta chỉ có tự-do và không bị gì thúc-bách, khi ta định-đoạt phương-hướng của mục-tiêu bao quát đời người ; còn ngoài ra, cái gì cũng vừa là mục-tiêu vừa là phương-tiện, cái gì làm cũng vừa tự-do vừa bị thúc bách (hợp-lý là tất yếu). Thí-dụ : đẽo gỗ (phương-tiện) để làm cái thang (mục tiêu), dùng thang (phương-tiện) để leo lên cây (mục-tiêu) Cũng một cái thang, ta tự-do nhằm nó làm mục-tiêu, đồng thời ta bó buộc phải dùng nó làm phương-tiện cho mục-tiêu khác Cho nên ngoài cái mục tiêu bao-quát ra, tác-động nào của ta cũng vừa tự-do vừa tất yếu, và rất khó phân biệt đâu là tự-do đâu là tất yếu. Có khi ta cho là tự-do hành-động, nhưng người khác lại cho là không, vì lý-do rằng hành-động ấy là do ảnh-hưởng sinh lý, tâm-lý, hay xã-hội tất yếu gây nên. Tất cả hai bên đều vừa phải vừa trái, chỉ vì cái tính-cách hàm-hồ của các tác-động trong đời sống : vừa là mục-tiêu, vừa là phương-tiện Đôi khi ta có cảm-giác bị thúc-bách vì chỉ có một ngã đường phải đi. Nhưng tự-do không phải là có thể bừa-bãi, cũng không phải là có thể lựa chọn. Chính việc quyết-định một mục-tiêu tức là tự-do. Ngoài trường hợp mục tiêu bao-quát, ta không có cảm-tưởng rằng tự-do là sáng-tạo, vì thường

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tự-do chỉ là nhìn nhận cái tất yếu. Dù có thể chọn trong nhiều phương tiện, thì chọn cái nào cũng là nhìn nhận một phương-tiện hợp-lý đưa đến mục-tiêu đã muốn, cái mục-tiêu này lại có thể là một phương-tiện cho một mục-tiêu khác bao-quát hơn.

Ngay trong phạm-vi hợp-lý của phương-tiện, không phải cái gì cũng tất-yếu, vì có nhiều phương-tiện đưa tới mục-tiêu. Muốn tới mục-tiêu thì bó buộc phải dùng một trong các phương-tiện tương-đối. Nhưng sự chọn cái nọ bỏ cái kia không phải là tất-yếu, và vì thế không ai có thể vô cớ cưỡng-bách người khác chọn cái mình muốn. Mỗi khi chọn trong nhiều phương-tiện thì không những ta đối chiếu nó với mục-tiêu tương-đối, nhưng còn tính toán các hiệu-quả nó sẽ có đối với các mục-tiêu khác. Và khi chấp-nhận một phương-tiện, ta thực-hiện nghĩa-lý đời ta theo một phương-hướng. Một thí dụ : trong đời sống xã-hội, các Đảng trong một nước dân chủ đều đồng-ý về bình-diện mục-tiêu xã-hội, nếu khác nhau là ở bình-diện phương-tiện. Có tranh-luận là tranh-luận về phương-tiện, vì nếu phải tranh-luận về mục-tiêu, thì không có lý-do gì các Đảng ấy cùng nhau ở trong một quốc-gia. Và nếu quyền tranh-luận về phương-tiện không được bảo-đảm, thì khó có thể nói là quốc-gia ấy có tự-do.

Cho dù tự-do và hợp-lý có trà trộn ở mọi động-tác của ta nhưng chúng vẫn ở hai bình-diện khác nhau.

TRẦN-VĂN-TOÀN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# VỀ NHỮNG NÀNG TIÊN CỦA CHÚNG TA

TÔI nhớ đã được xem « *Thằng Cuội* » của Vũ-khắc-Khoan trong một buổi trình-diễn văn-nghệ của học-sinh. Đó là một vở kịch ngắn mô-tả cuộc phiêu-lưu đi tìm tiên của Cuội, cậu bé chăn trâu *tưởng* mình thấy Tiên ca múa và quyết-chí bỏ gia-đình, tình yêu, nghĩa là *từ chối cuộc đời này* để tìm những con người đẹp thuộc về một thế-giới khác mà có lẽ không bao giờ đạt tới được.

Chuyện « *Thằng Cuội* » làm cho tôi liên-tưởng đến cái kho-tàng những chuyện cổ-tích khác không kém thi vị như Bích-câu Kỳ-ngộ, Từ-thức, Lưu Nguyễn lạc vào động Thiên-thai, hay đến những câu thơ cảm-hứng về Tiên của những Tào đường trong Đường thi hay của một Tản-Đà Việt-nam...

Những nàng tiên đẹp tuyệt vời, múa khúc nghê-thường như luôn luôn ám-ảnh trí tưởng-tượng của dân chúng và hơn nữa, đã thành đề-tài thường-xuyên của văn-chương, nghệ-thuật.

Người ta có thể hỏi tại sao cứ phải nhớ đến tiên và tưởng-tượng ra tiên ? Tiên là ai và có liên-lạc gì với con người ở đời này không ?

Thực sự có lẽ chả ai thấy tiên bao giờ, nhưng ai mà lại không nghe nói hay nói đến tiên ? Dĩ nhiên người có óc khoa-học sẽ bĩu môi hay ném một cái nhìn khinh bỉ : *Toàn chuyện hoang đường do trí tưởng-tượng không lành mạnh bịa đặt. Tiên là cách biểu-lộ một tâm-trí bệnh-hoạn.*

Nhưng nếu ta không lấy thái-độ khoa-học, mà chỉ đứng ở phạm-vi văn-chương, ta không cần xét-đoán, cắt nghĩa những nguyên-nhân, điều-kiện nào đã tạo ra những câu chuyện thần tiên theo

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lược đồ nhân quả, vì dù có xác-định đúng được những điều-kiện cấu tạo, ta cũng mới chỉ là đi quanh bên ngoài, chưa đi vào cái cốt-yếu của sự kiện, vậy ước muốn của tôi ở đây là tìm hiểu ý-nghĩa sâu xa những câu chuyện tiên-nữ hình như bộc lộ một tình-cảnh của con người ở đời.

*
* *

CHUYỆN tiên rất nhiều, tôi chỉ xin lược kể dưới đây một, hai sự-tích ai cũng biết để tiện việc giải-thích.

Trước hết là chuyện *« Bích câu kỳ-ngộ »*, hay là cuộc gặp gỡ tiên của một thư-sinh ở đất Bích câu (các chú-thích xin xem Bích câu kỳ ngộ do Thi Nham Đinh gia-Thuyết đính-chính và chú-thích, nhà xuất-bản Tân-Việt).

Trần-tú-Uyên, chàng thư-sinh chăm học, thông-minh, giỏi làm thơ, một hôm đi xem hội chùa Ngọc-hồ (Hà-nội) gặp mỹ-nhân, đem lòng yêu ngay vì.

*« Vốn mang cái bệnh Trương-sinh*
*Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao »*

chàng tìm cách chuyện trò, nhưng đương khi ấy, thiếu-nữ lại biến đi mất. Về nhà, Tú-Uyên tưởng nhớ Tiên-nữ đến phát ốm. Rồi chàng đến đền Bạch-mã xin bói thẻ, đêm nằm mộng thấy thần bảo : *« Sáng mai đến Cầu đông đợi, ắt sẽ gặp người được như ý »*. Sáng hôm sau Tú-Uyên tuân lời ra cầu Đông đợi, nhưng chờ mãi không thấy ai cả. Mãi đến chiều mới gặp một người bán bức tranh, vẽ một người đàn bà xinh đẹp mà Tú-Uyên nhận ra giống hệt người thiếu-nữ mình đã gặp.

Tú-Uyên mua bức tranh đem về nhà treo, rồi mỗi bữa ăn, truyền dọn hai đôi bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh ăn. Một hôm, đi học về, chàng thấy mâm cơm đã dọn xây, rất đỗi ngạc-nhiên, hôm sau cũng thế. Chàng muốn biết ai dọn cơm, nên hôm sau giả vờ ra đi, rồi lẻn về đứng rình thì thấy người trong tranh hiện thành người thực.

Tú-Uyên vào chào. Người trong tranh xưng là Giáng-kiều, tiên nữ, vì duyên-kiếp có thể cùng chàng kết nghĩa. Sau đó nàng dùng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phép tiên biến hóa ra nhà cửa, tôi tớ, mời cả bầy tiên bạn đến ăn cưới. Đôi vợ chồng ở với nhau được ba năm, Tú-Uyên sinh ra rượu chè chơi bời, vợ can ngăn cũng không được. Nàng chán-nản, bỏ nhà ra đi. Tú-Uyên hối-hận toan tự-tử, lúc đó nàng lại hiện về. Sau khi tái-hợp, hai người sinh được một con trai là Châu-nhi. Rồi Giáng-Kiều khuyên Tú-Uyên tu đạo tiên, từ bỏ cõi trần-gian hay biến đổi này, để thoát-tục, quy tiên. Sau khi trao nhận tiên phù (bùa tiên) hai người cùng cỡi hạc lên cõi tiên, bỏ lại đứa con trai ở trần nối nghiệp.

*
* *

CHUYỆN thứ hai là chuyện Từ-thức lấy vợ tiên, có kể trong Truyền-kỳ mạn lục. Đời nhà Trần, có Từ-thức, làm quan huyện Tiên du, đi xem hội mẫu-đơn ở chùa Phật-tích (Bắc-ninh) gặp một thiếu-nữ nhan sắc tuyệt vời cũng đi xem hội hoa. Cô gái này vin một cành hoa, không may cành giòn mà gẫy khắc, nên bị người coi hoa bắt giữ lại : Từ-Thức thương hại cởi áo ra chuộc cho nàng về.

Nhưng Từ-Thức là một nghệ-sĩ, không thể chịu được cuộc đời công-chức đều đặn, nhạt nhẽo, nên từ bỏ làm quan, đi ngao du đó đây để uống rượu ngâm thơ. Một hôm Từ dậy sớm, trông ra cửa bể Thần-phù thấy có đám mây ngũ sắc, liền sai chèo thuyền đến tận nơi thì nhận ra là một trái núi đẹp. Chàng tò mò trèo lên qua những khe đá, hang tối. Bỗng khi lên đến ngọn núi, chàng thấy hai người con gái ra chào mời vào chơi. Thế là Từ-Thức đã lạc vào động tiên. Chàng được bà chúa tiếp đón và truyền gọi một cô tiên ra. Người đẹp đó chính là cô gái đã bẻ gẫy cành hoa trong buổi trẩy hội chùa Phật-tích. Nàng tên là Giáng-Hương và sẽ được đính-hôn với Từ-thức, theo ý muốn của bà chúa để báo đền ơn trước.

Từ-thức đã trở thành một người của thế-giới tiên. Chàng được tham dự vào cuộc sống kỳ lạ đó, cuộc sống mà chưa bao giờ chàng biết đến : nào là những món ăn đặc-biệt, những tiếng nhạc mê-ly hay những điệu múa huyền-ảo của những con người đẹp. . .

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng cảnh tiên, cõi tiên không làm chàng quên được trần-gian. Những đêm sương sa gió thổi, bóng trăng lạnh lùng luồn qua cửa sổ, chàng bỗng thấy trạnh niềm nhớ nhung... bâng khuâng không nhắm mắt được. Từ đó, lòng hoài-niệm cõi đời đã xâm chiếm dần tâm hồn chàng. Cho đến một hôm, nhìn thấy chiếc thuyền buồm đi về phương Nam, chàng trỏ thuyền mà nói với Giáng-Hương : Nhà tôi ở phía ấy... Tôi muốn về nhà, trở lại trần-gian...

Giáng-Hương buồn rầu nhưng không giám can ngăn Từ-thức.

Rồi ngày ly-biệt đến. Chàng cưỡi một chiếc xe cẩm-vân về đời, trong túi có một lá thư từ biệt và dặn dò của Giáng-Hương Về đến nhà, mọi sự đã đổi thay, không còn ai biết mình nữa vì trong khi ở thế-giới tiên là hiện-tại vĩnh-viễn thì ở trần-gian, là biến đổi xoay vần ; chàng chán-nản, muốn trở lại cõi tiên, nhưng khi đi tìm xe cẩm-vân, xe đã biến mất, mở thư của Giáng-Hương, thấy có câu *« kết lứa phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể, dịp khác còn đâu ! »*

Thất-vọng, nhưng chàng cũng ra đi, lại theo hướng cũ, lên núi, bỏ cuộc đời này, để tìm lại một đời vừa qua, một thiên-đàng đã mất không bao giờ lấy lại được. . .

*
* *

CÂU chuyện thứ ba là chuyện hai chàng Lưu Nguyễn lạc vào động Thiên-thai mà ai cũng biết ! Tại quả núi Thiên-thai, thuộc huyện Thiên-thai tỉnh Chiết-giang, tương-truyền có tiên ở. Đời Hán, Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu vào núi Thiên-thai hái thuốc gặp hai người con gái. Hai chàng lưu lại nữa năm và kết duyên với hai tiên nữ đó.

Nhưng sau vì nhớ nhà, hai chàng xin về thăm quê cũ rồi trở lại sau. Hai tiên-nữ cố ý can ngăn và cho Lưu, Nguyễn biết là cuộc đời ở trần-gian và tiên cảnh khác nhau, nếu trở về thì ngày sau không chắc gì còn gặp nhau nữa.

Nhưng vì quá nhớ quê-hương, hai chàng đành rứt áo ra đi ;

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhưng lúc về làng cũ, nhận thấy phong cảnh, người vật nay đã khác xưa nhiều lắm . . .

*
* *

Không gì nên thơ, hy-vọng, buồn và đẹp bằng những chuyện tiên ; chính vì chuyện Tiên như gói ghém được rất nhiều tình-cảm. mơ ước hoài-niệm của con người. Ai trong chúng ta không có những lúc mong muốn hay nhớ tiếc những nàng tiên của mình. Nhưng Tiên không thuộc về cuộc đời này. Tiên ở cõi tiên, ở Thiên thai. Tại sao con người mơ ước nhớ tiếc Thiên-thai ? Nhớ tiếc là tình cảm của người đã mất cái mà mình nhớ tiếc. Vậy đã có lúc con người ở Thiên-thai ? Hay Thiên-thai là quê-hương cũ của loài người. Ngày xưa chúng ta đã ở đó và bây giờ chúng ta phải xa cách nên mới sinh ra lòng luyến tiếc.

Nhưng Thiên-thai là gì ? là *Thanh-Bình, Tuyệt Mỹ, Toàn-Thiện, Vĩnh-Cửu.* Nơi đây không có cái lo-lắng, sầu khổ, cái bấp-bênh của ngày mai có thể biến-đổi ; không có cái gì là thiếu sót, xấu xa.

Thiên-thai còn là thế-giới của Tự-nhiên, Hòa-hợp. Nơi đây không có chia rẽ giữa người với người, giữa người với cây cỏ loài vật. Đó là những khu rừng núi thanh-tịnh, phẳng lặng, không bị quấy động.

*Thiên-thai đường đá chen cây*
*Mây êm cỏ lặng chẳng dây chút trần*

và trong khung cảnh « *bồng lai* » đó, có những nàng tiên ngự-trị. Họ là những con người đẹp, tượng-trưng cho vẻ đẹp tuyệt vời, không bao giờ phai mờ, suy tàn, biến đổi . . .

Còn cuộc đời là gì ? Là Hỗn-loạn, Xấu xa, Thiếu sót. Là Chia rẽ, Biến-đổi, Đau khổ, không còn cảnh hòa-hợp với thiên-nhiên vì con người phải tranh-đấu, chế ngự, chinh-phục thiên-nhiên để sinh sống. Cần-lao biểu-lộ sự ly-dị giữa người với thiên-nhiên. Sống ở trần gian không phải là hòa với cỏ cây, loài vật, như cỏ cây loài vật, nhưng là *biến đổi* nó để phục-vụ những nhu-cầu sống của mình. Cần

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lao là một đặc-điểm của con người : không thể sống làm người mà không làm việc, cần lao. Nhưng người cần-lao, tức là bạo-động với thiên-nhiên và hơn nữa, chấm dứt tình-trạng tự-nhiên của thiên-nhiên.

Cũng không còn hòa-hợp giữa người với người. Nhưng lòng tham, vị-kỷ, chia rẽ người với nhau gây nên lo-lắng, buồn phiền, sầu khổ.

Nếu họa may có những lúc đầm ấm, yêu đương, hoan-lạc thì đó chỉ là những khoảng khắc chóng qua chóng hết. Lòng người thay đổi, hoàn cảnh thay đổi gây phân-ly chia cách.

Nói tóm lại, đời này chỉ là cõi tạm thời, chóng qua, như lời Giáng-Kiều khuyên Tú-Duyên nên thoát tục để về cõi tiên :

*Rằng : « coi cho thấu sự đời*
*Giàm danh khóa lợi những người thế-gian.*
*Trời thu mây hợp, mây tan,*
*Ngày xuân hoa nở, hoa tàn mấy lăm*
*Gẫm trong tám chín mươi năm*
*Bóng câu cửa sổ dễ cầm mãi ru*
*. . . Đố ai vượt khỏi lòng trần,*
*Sóng mê chìm nổi, thế-nhân đã đầy*
*. . . Lần lần tháng trọn ngày qua*
*Má hồng mấy chốc đã ra bạc đầu*
*Thôn hoang mấy nắm cỏ khâu*
*Ấy nền Đồng-Tước, hay lầu Nhạc-Dương*
*Chưa đầy một cuộc tang thương*
*Non đồng cũng lở, núi vàng cũng nghiêng*
*Sao bằng ngày tháng cung tiên*
*Vui chung tám cõi, xuân riêng bốn mùa.*

Chính trong những lúc người ta đau khổ, buồn chán về cuộc đời *« bể dâu, tang thương »*, người ta tưởng nhớ đến Thiên-thai, đến cái gì không thể thay đổi, đến cái hoàn-toàn, tuyệt đối. Tưởng nhớ đến Thiên-thai, tức là ước mong trở về nguồn gốc sơ-khai của mình, quê hương cũ, nơi không có phân-ly, sầu khổ.

Sở-dĩ có sầu khổ, phân-ly là vì có ý-thức. Trước khi ý-thức, con người đồng hoá với tự nhiên, là tự nhiên, và chính ý-thức

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

làm cho người ta đau khổ, lo lắng. Nếu người ta cứ sống một đời tự nhiên, vô tư, làm gì biết đến lo âu, phiền muộn. Ý-thức là khả-năng làm cho ta nhận thấy cuộc đời là thế và do đó tạo nên đau khổ.

Cho nên trong những lúc đó, người ta ước gì trở thành vô-tri như cỏ cây, chim thú, hòn đá, cục gỗ kia, hay vô tư như đứa trẻ ngây thơ kia, cuộc đời sẽ giãn-dị biết bao !

Thiên thai là cái thế-giới tự nhiên « *không cần gạn mà lòng vẫn trong, không cần lấp mà dục vẫn lặng* » (lời Giáng Kiều) nghĩa là nơi con người chưa phân biệt giống (asexuel), còn ở trạng-thái ngây thơ ở bên này tội lỗi cũng như nhân đức vì ý-thức chưa xuất-hiện (en de çà du péché, et de la vertu). Kierkegaard trong « *Le concept de l'angoisse* » có viết : « *Trong ngây thơ, con người không phải là vật, nhưng cũng chưa phải là người* » (Dans l'innocence, l'homme n'était pas animal et n'était pas davantage homme). Do đó mà con người được bằng yên sung sướng trong tình-trạng vô-thức, ngây thơ của tự nhiên.

Ý-thức xuất-hiện, lòng dục cũng xuất-hiện, con người biết phân biệt điều phải trái, tự-do lựa chọn hành-động, cuộc đời biến thành *bi-kịch* (drame) vì đã mất tự nhiên, nghĩa là mất vô tư, ngây thơ.

Như thế, Thiên-thai quả là hoài niệm một cuộc đời hồn-nhiên, thế-giới tự nhiên bên kia ý-thức, đời sống luân-lý, tội phúc. Nhưng làm thế nào để trở về với cuộc đời vô tư hồn nhiên hạnh phúc đó ? Làm thế nào đi đến Thiên-thai để được gặp những nàng tiên, tượng-trưng của vẻ đẹp thuần-tuý, tuyệt đối, không bao giờ phai nhạt ?

Ngay ở đời này, một sự kiện nhắc nhở người ta đến Thiên thai nhiều hơn cả là tuổi thơ ấu. Tuổi thơ ấu là hình ảnh của cuộc sống hồn nhiên, vô tư hoàn-toàn trên cõi tiên. Lớn lên, nghĩa là có ý-thức, những khi lo lắng, khổ sở, người ta tưởng nhớ đến thời thơ ấu như cái thời sung sướng nhất dệt bằng nhiều kỷ-niệm đẹp nhất. Nhưng tất cả những niềm vui đó bây giờ không

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

còn nữa và tội nghiệp hơn nữa, người ta cảm thấy rằng chúng không bao giờ trở lại nữa. Mà bởi vì hiện tại là đau khổ, lo lắng, đời sống từ nay không còn hy-vọng. Nếu còn đáng sống, nó chỉ có thể là hoài-niệm một dĩ-vãng tươi đẹp đã mất, một tưởng nhớ mong ước được sống lại những giây phút thần tiên của một cuộc đời hồn-nhiên, vô tư...

Nhưng làm thế nào để lấy lại cuộc đời đã mất ? Bằng nghệ-thuật. Nghệ-thuật là phương-tiện vãn hồi cuộc sống hồn-nhiên vô tư, tốt đẹp hạnh-phúc. Tú-uyên đi tìm lại tiên nữ, vẽ đẹp đã mất. Chàng không tìm thấy, chỉ thấy bức tranh vẽ một người đẹp giống tiên nữ, chàng mua về treo trong phòng học để được sống với hoài-niệm về người đẹp đã mất.

Vậy nguồn gốc nghệ-thuật là ở tại tình-trạng con người đã mất cuộc đời tốt đẹp, đáng nên thơ. Nếu người ta đang thực sự được hưởng cuộc đời hạnh-phúc, không cần nghệ-thuật, như Charles Wagner đã nói : « *Tôi không thể không tin rằng nếu chúng ta thực sự hoà mình vào đời sống, chúng ta là đời sống, chúng ta sẽ không cần nghệ-thuật. Nếu tôi có thể tìm lại tuổi thiếu-niên, sức khỏe, người đàn bà yêu quý tôi sẽ cho hết nghệ-thuật của tôi* ».

Chính vì chúng ta đã mất cuộc sống, mất vẽ đẹp, hạnh-phúc nên cần nghệ-thuật để *thể hiện* lên cuộc sống, vẽ đẹp, hạnh-phúc đó.

Cho nên Wagner nói, nếu tôi đang thực sự được hưởng cái đẹp của thiên nhiên, của tình yêu, hạnh-phúc, thì chính sự hưởng thụ đó là nghệ-thuật rồi, còn cần gì phải dùng nghệ-thuật để nhắc đến, gợi lại đời sống, vì người ta chỉ nhắc đến, tưởng nhớ cái mà người ta đã mất, không còn nữa.

Đó là tình-trạng đặc-biệt của con người, chỉ biết cái gì là đẹp, hạnh-phúc, khi đã mất nó. Đứa trẻ sung sướng, hồn nhiên, nhưng không *biết* mình sướng, không *ý-thức* được hạnh-phúc của mình vì nó đang *đồng-hóa* hoàn-toàn với hạnh-phúc (nói tuổi trẻ hay là tuổi hồn nhiên cũng là một). Đứa trẻ chỉ biết được mình sướng khi đã lớn nghĩa là khi không *còn phải* là trẻ con, khi đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mất điều sướng đó. Trong khi được hạnh-phúc, được hưởng tình yêu v,v., chúng ta không biết mình sướng, chỉ khi phân ly, thiếu thốn, ta mới ý-thức được giá trị của tình yêu, hạnh-phúc mà ta đã hưởng.

Óc tưởng tượng của dân chúng đã làm cho những Từ-thức, Lưu-Nguyễn, Tú-Uyên gặp tiên, sống cuộc đời của tiên, nghĩa là thực-hiện được giấc mơ, lòng hoài-niệm cái tuyệt-đối, bất-biến, trường-tồn, trong tình yêu, vẻ đẹp.. nhưng cũng lạ, khi sống được ít lâu với tiên, họ đều bắt đầu chán nản và nhớ nhà, nhớ trần-gian, nhớ cuộc đời hay biến đổi, tang thương... và đến lúc nhớ quá không chịu được nữa, họ quyết-định từ bỏ cõi tiên mà về cõi trần.

Tại sao thế ? Vì những chàng khao-khát cái tuyệt-đối, vĩnh-viễn kia không thể thoát khỏi thân phận làm người của họ là phải *ở trong thời gian, ở đời này* ; thoát-ly, vĩnh-viễn-hoá cuộc đời là một ước muốn muôn thuở của con người thiết-yếu phải ở đời trong cái biến đổi của thời gian, nhưng thực sự ước muốn đó chỉ là một ảo-vọng. Nhưng con người lại không thể tránh được ước muốn cái vĩnh-viễn tuyệt-đối.

Vậy tình-trạng con người ở đời thật là kỳ-quặc : ước muốn tuyệt-đối, vĩnh-viễn, nhưng nếu được, đồng hoá với điều mình ước muốn, lại chán nản và ước muốn cái khác.

Sở-dĩ như thế là vì *hạnh-phúc không đi liền với ý-thức*. Khi người ta ước muốn một hạnh-phúc nào đó, vì người ta *biết* đó là hạnh-phúc, thì trong lúc ước muốn, người ta không *có* hạnh-phúc ấy vì nếu có rồi, còn ước muốn làm gì. Nhưng giả thử người ta đã đạt tới hạnh-phúc mong muốn, lúc đó người ta đồng hoá với nó, lại không *biết* mình đang hạnh-phúc. Mà một hạnh-phúc không ý-thức không còn phải là hạnh-phúc. Đứa trẻ sướng mà không biết rằng mình sướng, những chàng trai được sống với tiên mà sau lại chán nản, thì hạnh-phúc đó không còn phải là hạnh-phúc. Cho nên như Merleau Ponty nó : « *mọi dự định con người đều mâu-thuẫn vì nó vừa đòi hỏi vừa từ chối sự thực-hiện. Người ta không bao giờ tìm nếu không phải để tìm thấy, tuy vậy, nếu cái tôi tìm*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*hôm nay một ngày kia sẽ thấy, nghĩa là sẽ phải vượt bỏ đi, tại sao còn đi tìm ?»* Tout projet humain est contradictoire, puisqu'il appelle et repousse à la fois sa réalisation. On ne chercherai jamais rien si ce n'est pour l'obtenir et pourtant, si ce que je recherche aujourd'hui doit être un jour atteint, c'est-à-dire dépassé, pourquoi le rechercher ? (Sens et non sens. trg 80).

Tình-trạng con người là « *được voi đòi tiên* » « *đứng núi này trông núi nọ* » không thể không ước muốn, nhưng cũng không thoả-mãn khi được điều ước muốn. Thành ra hạnh-phúc của con người không phải ở chỗ được hưởng thực sự một hạnh-phúc nào đó, nhưng ở chỗ hy-vọng hay tưởng nhớ hạnh-phúc. Nghĩa là ở *chỗ không có hạnh-phúc đó*.

Và những nàng tiên là hoài niệm về đẹp tuyệt-đối, tình yêu trường-cữu của hạnh-phúc bất-diệt. Một hoài niệm, hay một nguyện-vọng vừa đòi hỏi sự thực-hiện vừa từ chối sự thực-hiện, vì toại nguyện, thoả mãn sẽ làm cho chán ngán, không còn mong ước, nhưng nếu không mong ước sẽ được toại nguyện, hoài-niệm, hy-vọng trở nên vô nghĩa.

Cho nên thái-độ của ta ở đời là vừa mong ước, vừa như không muốn điều mong ước được thực-hiện, nhưng đàng khác cũng không tránh được mong ước. Một cuộc đời không mong ước hy-vọng là một điều không thể quan-niệm và sống được. Như thế, cuộc đời thực sự không phải là hiện tại, nhưng là quá khứ hay tương-lai, nghĩa là hoài-niệm hay hy-vọng.

Những nàng tiên là *Hoài-niệm, Hy-vọng* mà mỗi người chúng ta thường tưởng nhớ, ước mơ ấp ủ như một cái gì không bao giờ thực-hiện được, hay đúng hơn, không nên được thực-hiện, nhưng lại rất cần cho một cuộc đời đáng sống.

HOÀNG - THÁI - LINH

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# TÌNH CẢM CÓ TỘI

L. T. S — Đây là một bài trích trong cuốn « Tình cảm và đời sống đạo đức (Les sentiments et la vie morale) của Jean Lacroix, một triết-gia Pháp hiện đại, do một số sinh-viên văn-khoa Huế dịch, sắp xuất bản trong Tủ sách « Triết-học » của Viện Đại-Học Huế.

Ở đoạn đầu tác-phẩm Deux Sources (Hai nguồn mạch Đạo Đức và Tôn-Giáo), Bergson đã nhận thấy rằng hoài-niệm về tội lỗi là một việc rất xưa cũ trong đời sống nhân loại. Thực vậy, hoài niệm đó rất xưa cũ và còn tối tăm nữa. Vấn đề vĩnh-cửu này ngày nay trở thành một vấn-đề quan-trọng nhất : trước ánh-sáng lờ-mờ những biến-cố đương thời và các công-trình khảo-cứu của các nhà phân tâm học, vấn-đề đó khi thì sáng tỏ khi thì rất tối tăm.

Con người hiện-đại luôn luôn sống trong tình-trạng bị cáo. Khi Roger Grenier phân tích « *vai trò bị cáo* » (Le rôle d'accusé) chính ông đã tả con người hiện đại đó trong các tác-phẩm của ông. Ngoài sự ăn năn hay hối-hận về một hành-vi rõ ràng đã phạm, dường như còn có một tình cảm thực sự về tội lỗi của ta, tình cảm chung và bẩm sinh trong toàn-thể nhân loại. Ngày nay, cá-nhân cảm thấy phạm tội nhưng không biết phạm lỗi gì. Dường như cá-nhân ý thức được một tội tổ truyền liên-kết với bản tính của nó hay theo lời Malraux, liên kết với thân phận của nó. Do đó, nếu các nhà văn dễ cảm thấy tính cách phi lý của cuộc đời, đã đặc biệt chú-ý đến công-lý, nếu Kafka đã viết quyển Procès (Kiện tụng), nếu Malraux kể lại một mẫu đời quá khứ của Garine, nếu một công-việc tố-tụng đã chiếm hơn một phần ba tác-phẩm L'Étranger (Người lạ) của

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Camus thì đó không phải là một sự ngẫu-nhiên hoàn toàn. Các nhà văn này đã thấy trong sự « Ngộ nhận » của người bị cáo một hình ảnh tượng-trưng hoàn toàn về thân phận con người, vì người bị cáo tin rằng sẽ được xét xử một cách hợp-lý, thế rồi bất ngờ họ nhận thấy mình đứng trước một bộ máy khổng-lồ độc ác sắp đè bẹp họ. Thực vậy, con người là một vật khốn nạn hay có thể nói là một vật bị trừng-phạt. Sự khốn khổ và trừng-phạt ở đâu mà ra nếu không phải do sự quyết-định của công-lý ? Trước hết nhân loại dường như không ý thức được chính tội lỗi đã tạo ra hình-phạt cho mình ; nhưng ngược lại nhân loại đã đi từ kinh-nghiệm về hình-phạt đến ý-tưởng về tội lỗi. Vị giáo-sĩ trong một vở kịch mà André Gide đã rút trong cuốn Procès của Kafka đã kêu lên như thế này : « Chứng cớ lỗi của ngươi không phải ở trong hình-phạt mà ngươi chịu sao ? Ngươi phải biết rằng ngươi nhầm lẫn và phải tin điều này : « *Người ta trừng phạt tôi, vậy tôi là kẻ có tội* ».

Tình trạng con người hiện đại thực lạ kỳ. Nó mơ hồ cảm thấy mình có tội và còn lo sợ bị công nhận là có tội một cách chính-thức nữa. Nếu có những đoàn người bị đưa đến trại tập-trung thì một ngày kia thế nào họ cũng sẽ tự hỏi một cách vô ý thức rằng họ có xứng đáng với hình phạt ấy không. Chúng ta sống trong thời đại của các vị quan tòa (Saison des Juges). Không ai có thể quả quyết rằng trong đời mình không có lần nào đã làm kẻ tố cáo hay nạn nhân. Quyển Procès của Kafka có thể hiểu nhiều cách : Vấn-đề dân Do Thái, vấn-đề các người bị an-trí (bị đưa tập trung), sự bẹp nát của cá-nhân trước đoàn thể rộng lớn hay xa hơn nữa, bên cạnh các vấn-đề đó, là vấn-đề phạm tội của loài người vốn-sinh ra là trẻ con và chỉ có thể phát triển, nghĩa là trở nên trưởng thành nhờ sự suy tàn và tạ thế của cha mẹ. Nói theo danh từ của phân tâm học, « sự giết cha » (le meurtre du père) có lẽ là nguồn gốc tối sơ của tình-cảm có tội tiềm tàng rải rác trong nhân loại. Dầu sao chăng nữa, người Do-Thái kia bị bắt nhưng không hiểu lý do tại sao, không biết bị ai bắt, được phóng-thích rồi tự mình cho là mình có tội, vẫn là một tượng-trưng về con người hiện đại : tình-cảm có tội lỗi hiện thời thường phi-lý đến nỗi ta có thể cho đó là một *tình-cảm vô-thức* về tội lỗi. Dĩ nhiên nên gọi là trạng-thái phạm tội để chỉ tính cách kỳ-cục vô cùng của *sự phạm tội mà thật ra không có tội*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đó là một hiện-tượng lạ và mâu-thuẫn với quá khứ gần đây. Có lẽ trong bao nghìn năm qua, tình-cảm tội lỗi chỉ là khách quan ; nhưng dầu sao cuộc tiến-hóa vừa qua của nhân loại đã đi ngược chiều lại. Cuối thế-kỷ 19, phần lý-thuyết và thực-hành của nền tư-pháp đều nhắm đến việc cá-nhân hóa và tinh-thần hóa trách-nhiệm để buộc hình phạt vào một tình-cảm tội lỗi cá-nhân và chủ-quan càng ngày càng bị giới hạn : người ta còn phỏng đoán sẽ có một thời kỳ mà hình phạt xem như bất công và vô hiệu quả sẽ được thay thế bởi sự tự cải-hóa của chính người mà ta không thể coi như là kẻ phạm tội nữa. Vấn-đề đặt ra cho những quan tòa không phải là hỏi xem bị cáo phạm tội ác một cách khách-quan mà chỉ hỏi xem bị cáo có đáng tội không, nghĩa là có chịu trách nhiệm không, và ít ra những trường-hợp giảm-khinh cũng giới hạn trách-nhiệm đó. Nhưng ngày nay, dường như người ta lại trở về với quan-niệm xưa. Trách-nhiệm không phải càng ngày càng bị giới hạn mà luôn luôn phổ-biến thêm : tội có tính-cách khách-quan hơn chủ-quan, điều nhầm lẫn của ta lan rộng đến các người khác, chúng ta chịu trách-nhiệm về địa-vị và thân phận của ta trong trần gian cũng như ta chịu trách nhiệm về địa-vị và thân phận của kẻ khác, chính chúng ta làm đổ máu những kẻ khác và không bao giờ ta bị coi là trong sạch cả, vì bất cứ cái gì xảy ra ở đời, chúng ta đều có phần trách-nhiệm trong đó. Jean Guitton đã đưa sự trái ngược ấy đến cực-độ để làm cho ta cảm thấy rõ hơn, ông nói : Vào khoảng năm 1880, ta có thể tóm tắt kết quả của sự phân tích trong câu này : *Ngay cả kẻ có tội cũng vô tội*. Năm 1950, phải đảo lộn câu nói lại : *Ngay cả những người vô tội cũng có tội*.

Ít nhất những sự biến-chuyển đó cũng làm cho tình-cảm có tội trở nên phức tạp, hàm hồ. Tâm bệnh lý-học hiện đại chứng-minh rằng mọi tình-cảm có tội không nhất thiết phải là tốt. Đôi khi nó biến thành tình-cảm bạo động đối với ta hay đối với kẻ khác, hay biến thành những hành-vi tự phạt, những lo âu bệnh hoạn v.v. Do đó phải biết hủy diệt tình-cảm có tội ở người này cũng quan trọng như nên gợi nó ra nơi người khác. Phân tâm-học theo Freud thường phân biệt siêu-ngã và lý-tưởng bản-ngã. Lý-tưởng bản-ngã thì có ý-thức, xác định bởi lý-trí của người trưởng thành. Trái lại, siêu-ngã thì vô-thức, nó biểu-lộ những phản-ứng tự-vệ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

tiềm nhiễm vào tâm hồn trẻ con do giáo-dục gia-đình và những cấm điều xã-hội,

Maine de Biran đã từng nói : Tiếng lương-tâm chẳng qua chỉ là tiếng nói của xã-hội trong ta. Mà tình-cảm tội lỗi luôn luôn phát-sinh do sự xung-đột giữa hai hay nhiều khuynh-hướng. Vậy ta hiểu rằng sự đối-lập ở giữa siêu-ngã và bản-ngã thường là căn nguyên của tình-cảm tội lỗi sai lầm. Tôn-giáo đôi khi còn xử-dụng và tăng-cường tình-cảm tội lỗi thay vì làm êm dịu nó. Vậy thì nhà thần-kinh bệnh-học đã có lý khi phủ nhận ý-tưởng về tình-cảm tội lỗi, cần phải hủy-diệt các ý-tưởng đó để giải-quyết các sự tranh-chấp. Phần nhiều các tâm bệnh và các bệnh thần-kinh suy-nhược đều do sự không thể vượt những điều cấm-kỵ trong lúc ta còn bé. Con người không nên để cho sự điên-cuồng đó dày-vò mình vì tình-cảm tội lỗi rút cục chỉ là một điều vô nghĩa-lý.

Nhưng hiểu theo một nghĩa khác, việc chúng ta chịu trách-nhiệm không những đối với chúng ta mà còn đối với cả vũ-trụ, đối với số phận toàn thể nhân-loại là một điều rất phải. Người ta nói có thể là con người chịu đựng hậu quả của một tội ác cổ-sơ, một tội ác tổ-truyền tạo ra tình-cảm tội lỗi khách-quan hay một trạng-thái tình-cảm có tội. Nhưng, nói như thế không đúng hẳn vì nếu ta có thể chịu hậu-quả của một tội mà ta không phạm, ta không thể nào là kẻ phạm tội, nghĩa là chịu trách nhiệm được. Bất cứ trường-hợp nào, ta cũng không thể nói đến tính cách di-truyền của tội được. Ngay đối với người theo Ky-tô-Giáo, tội tổ-truyền không thể hoàn toàn quy cho một cá-nhân, vì tội tông-truyền chỉ làm họ mất ơn thánh-sủng, chỉ gây ra một chút khó khăn cho việc hành-thiện mà họ phải gặp ngay từ lúc sinh ra mà thôi, nhưng không phải là tội của họ thực sự. Tình-cảm tội lỗi bịnh hoạn không dính liền với sự xao-xuyến mà chỉ dính liền với một sự sợ-hãi mơ-hồ. Tình-cảm đó không liên-lạc gì đến tội tổ-truyền cả mặc dù một vài nhà tâm-bệnh-học hay nhà thần-học đã đưa ra những so sánh thái quá. Dầu sao, nếu con người chịu trách nhiệm về mọi sự và mọi người, không phải vì họ chịu đựng hoàn-cảnh khách-quan một cách thụ-động mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chính vì những hành-động của họ góp phần vào việc cải-thiện nhân loại và *chi-phối vận-mệnh con người*. Mọi tình-cảm tội lỗi đem đến hay đi đôi với một tình-cảm phi-lý đều là điều xấu. Chỉ có tình-cảm tội lỗi trong phương-diện luân-lý mới là một nỗ lực cải-thiện cuộc đời. Sở-dĩ cá nhân nhận biết dễ dàng tình-trạng có tội khách-quan của mình là do sự xung đột vẫn không ngừng xâu xé nhau đó giữa nguồn-gốc vật-tính và vận-mệnh làm người của mình. Ta chỉ công nhận tình-cảm tội lỗi với điều kiện tình-cảm tội lỗi đó thúc đẩy con người lướt thắng thú tính và thực-hiện nhân-tính.

Vậy tình-cảm tội lỗi như cái lưỡi của Ésope : nó có thể rất tốt hay rất xấu. Nó có thể gây nên sự sợ hãi đưa đến tâm-trạng bệnh hoạn cũng như có thể gây nên sự xao-xuyến kèm theo tự-do. Muốn tiêu-diệt tình-cảm tội lỗi xấu chỉ có một phương-pháp là phải tỏ tình yêu-đương sống động với kẻ phạm tội. Nếu tội không còn sinh ra do sự vi-phạm một luật lệ xa lạ vô-nghĩa đang ngự-trị trong toàn-thể nhân-loại mà do sự xâm-phạm nhân-vị con người thì cùng trong một lúc tình-cảm tội lỗi phát lộ và tự hủy-diệt trong sự nhận biết tình-yêu đã giải-phóng con người. Sự phân-tích bằng tâm-lý-học tình cảm tội lỗi đưa đến những kết quả về phương diện luân-lý. Theo sự khảo-cứu công-phu của bác-sĩ Hesnard, trước hết sự phân-tích đó cho ta thấy tính-cách quan-trọng của đạo đức nơi con người, vì trong con người những cuộc chiến đấu thầm kín đều nhất thiết mặc tính cách đạo-đức. Nhưng còn phải đi xa hơn nữa. Một sự phân tích tâm-lý về tình-cảm tội lỗi cho ta thấy mọi tội lỗi đều sinh ra do thiếu tình-yêu. Chúng ta chỉ phạm tội vì yêu chưa đủ. Theo nghĩa cuối cùng này chỉ có tội nếu là tội của cá nhân mà thôi. Trạng-thái khách-quan chỉ tạo ra tình-cảm có tội của chúng ta trong trường-hợp ta chịu trách-nhiệm về tội đó và trách-nhiệm này chỉ có thể phát sinh do sự xao nhãng, bỏ quên của ta mà thôi. Nhân-loại đầy những tiếng kêu cứu nhưng chúng ta không đáp lại hay không biết, vì thiếu yêu đương. Trong ý nghĩa lành mạnh đó, ta sẽ hiểu thế nào là xao xuyến lo lắng vì không cảm thấy mình lỗi đủ, trách-nhiệm đủ, nơi một tâm hồn đã gột rửa mọi mặc cảm bệnh hoạn.

Hơn nữa, mọi công-trình nâng cao tâm hồn con người là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

do nhịp điệu hòa nhập-thể và xuất-thể liên-tục hay đúng hơn bổ-túc cho nhau. Phải biết tiêu-tiệt tình-cảm tội lỗi xấu để tìm thấy tình cảm tội lỗi khác, cao hơn, đầy đủ hơn, giúp chúng ta đi xa hơn mãi mãi.

JEAN LACROIX

*Người dịch :* VĨNH-QUYỀN
TRẦN-QUÝ-PHIỆT
NGUYỄN-ĐỨC-MAI
NGUYỄN-VĂN-LÂU.

*Sách tham-khảo :*

— Choisy (Maryse), Qu' est ce que la psychanalyse. L'Arche 1950.

— Grenier (Roger) Le rôle d' accusé, Gallimard, 1949.

— Hesnard (Dr), l' Univers morbide de la faute, P.U.F. 1949.

— Kierkegaard, Coupable ? non coupable ? (in Étape sur le chemin de la vie) Gallimard, 1948.

— Lacroix (Jean), Force et Faiblesse de la Famille, Le Seuil, 1949.

— Psyché, revue, numéro double sur la culpabilité, Avril Mai 1948.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# HAI CHỮ TRI KỶ VÀ BỘ LIỄU TRAI

## *CỦA BỒ-TÙNG-LINH*

TRONG văn-chương Tàu, có hai chữ hết sức giá-trị, hết sức thanh-cao, khác nào một làn gió mát thổi vào tâm can ta giữa những trưa hè nồng nực hay ngọn lửa hồng sưởi ấm lòng người trong những đêm đông giá rét. Tôi muốn nói đến hai chữ TRI-KỶ.

Nếu xét hai chữ tri-kỷ theo nghĩa : tri là biết, kỷ là mình thì đó chỉ mới một cái nhìn tổng-quát, hời hợt bên ngoài, chứ chưa thấu được ý-nghĩa sâu xa thâm-trầm của nó, như khi ta đưa mắt ra chốn trùng-dương, tuy thấy một vùng bao la bát ngát sóng cồn cuồn cuộn, nhưng không sao biết được những cảnh hoạt động của đời sống muôn loài dưới thủy-cung hay những chuyện âm-thầm của bể cả.

Vì thế, muốn nhận xét hai chữ tri-kỷ cho đến chốn đến nơi, ta phải nhìn mọi khía cạnh, đưa ra những ví-dụ cụ thể để chứng minh mới mong làm nổi bật được đời sống vinh-quang của hai chữ ấy.

Trước hết tưởng nên nhắc đến những chữ có họ hàng với hai chữ TRI-KỶ.

TRI-ÂM : tri là biết, âm là tiếng.

Bá-Nha làm quan Thượng-Đại-phu nước Tấn là một tay đanh cầm, tánh người phong nhã. Một hôm đi sứ nước Sở về ngang cửa sông Hán-Dương gặp tiết Trung thu, trăng trong gió mát, liền cắm thuyền lại, đốt trầm, đem đàn ra gảy. Tử-Kỳ đốn củi trở về dừng chân đứng nghe. Bá-Nha không tin rằng một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

gã tiều-phu lại biết thưởng thức âm-thanh nên cất tiếng hỏi: Ngươi có biết ta vừa gảy khúc gì đó không?

Tử-Kỳ đáp: Khúc đàn ngài vừa đánh đó là: Khổng-Tử than cái chết của Nha-Hồi.

Bá-Nha liền mời Tử-Kỳ xuống thuyền, sửa dây, nắn phiếm, gảy lên một bản, trong lòng tưởng mình đang ở chốn non cao. Tử-Kỳ khen: Thật là hay! Chí của Ngài đang vòi vọi chốn non cao. Bá Nha lại gảy một bản, nghĩ mình đang ở dưới nước. Tử Kỳ lại khen: Chí Ngài cuồn cuộn như nước chảy. Hai người chuyện trò rất thân-mật. Hỏi đến nguồn gốc của nhạc cùng là nhạc lý, Tử-Kỳ đối đáp như nước chảy. Bá-Nha và Tử-Kỳ trở thành đôi bạn tri-âm, xóa được bức tường ngăn cách giữa một ông Thượng đại phu và người đốn củi. Bá-Nha mời Tử-Kỳ theo mình về Kinh-Đô, nhưng Tử-Kỳ từ chối vì có cha mẹ già phải phụng-dưỡng, nhưng hẹn năm sau, cũng lại chốn nầy, sẽ cùng nhau hội-ngộ.

Năm sau, Bá-Nha y hẹn tìm bạn thì Tử-Kỳ đã chết. Bá-Nha đến mộ Tử-Kỳ đàn một bản để tiễn bạn, tiếng nghe réo rắt bi-thương, đoạn đập vỡ đàn thề không đàn nữa. Bá-Nha lại đem vàng dâng cho Chung-Công, Chung-mẫu, thầy mẹ của Tử-Kỳ để mua ruộng lập hương hỏa cho bạn, và rước hai ông bà về, thay Tử-Kỳ để phụng-dưỡng.

TRI-NGÃ: Tri là biết, ngã là ta. Hai chữ nầy ta thấy trong câu nói của Quản-Trọng: Sanh ngã giả, phụ mẫu, tri ngã giả Bào Thúc.

Bào-Thúc chết, Quản Trọng khóc lóc thảm-thiết, có người hỏi: Ông với Bào Thúc không có họ hàng thân thích gì sao ông thương cảm quá như vậy?

Quản-Trọng đáp: Ngươi không rõ để ta nói cho mà nghe. Lúc nhỏ buôn chung với Bào-Thúc, chia lãi, ta hay lấy phần hơn, Bào-Thúc không cho là tham, mà biết ta gặp cảnh quẫn bách bất đắc dĩ phải vậy. Ta ở chỗ chợ búa, thường bị người bắt nạt, Bào-Thúc không cho ta là nhát gan mà biết ta có lượng bao dung.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bàn việc nhiều khi hỏng, Bào-Thúc không cho ta là ngu mà biết ta không gặp thời. Ta thờ Hoàn-Công, Bảo-Thúc không cho là vô sĩ, mà biết ta không kể đến những tiểu tiết chỉ mong ích lợi cho thiên hạ v.v... Sinh ta ra là cha mẹ, biết ta là Bào-Thúc. Đối với người biết mình, đem dâng cả tính-mệnh còn chẳng tiếc thay, huống hồ thương khóc ? (1)

TRI-TÂM : Tri là biết, tâm là lòng. Trong bức thư của Lý-Lăng viết cho Tô-Vũ có câu : Nhân chi tương tri, quí tương tri-tâm (Người quen biết nhau, qui biết lòng nhau).

TRI-BỈ TRI-KỶ: Những chữ nầy trong binh thơ và có nghĩa : biết người biết ta,

Tôn-tử đã từng nói : Biết người biết ta trăm trận trăm thắng, biết ta không biết người, một thắng một bại, không biết người biết ta, trăm trận trăm bại.

*
* *

Trở lại hai chữ Tri-kỷ, ta thấy trong Sử ký có câu : Sĩ vi tri-kỷ giả tử (kẻ sĩ vì tri-kỷ mà chết). Trong Đường Thơ, Các Ôn đã từng nói: Nếu gặp được tri-kỷ thì dầu lên núi trói Bạch ngạch hổ cũng không từ. Bạch ngạch hổ tức con cọp trắng trán, từng gieo họa trong nhân gian, làm nhiều người khiếp sợ.

Những câu chuyện về tri-kỷ, thể hiện dưới nhiều hình-thức: hoặc là hai tâm-hồn thông-cảm nhau, hoặc ngưỡng mộ danh thơm mà tìm đến, để kết giao., hoặc cảm ngộ đến liều thân vì kẻ biết mình. Đã gọi là tri-kỷ thì không còn phân biệt sang hèn nghèo giàu (quân thừa xa, ngã đái lạp, tha nhật tương phùng hạ xa ấp : ngươi đi xe, ta đội nón, ngày sau gặp nhau xuống xe chào), không phân-biệt tuổi tác : Khổng-Dung năm mươi, kết giao với Di-Hành tuổi chưa đầy hai chục.

Từ những việc lấy cái chết để tạ ân tri-kỷ như Kinh-Kha thây tan cung Tần vì cảm ân tri-ngộ của Đan Thái - tử ; Chuyên-

(1) Có nơi cho rằng Quản-Trọng chết trước Bào-Thúc.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Chư vì Hạp-Lư mà đâm Vương-Tôn-Liêu chịu nát thây dưới những lưỡi gươm võ sĩ; Dự-Nhượng hủy hoại tấm thân vì Trí-Bá mà hành-thích Triệu-Vô-Tuất; Yêu-Ly tự chặt tay để đâm Công tử Khánh-Kỵ, Cầm-Tức khôn tiến cử được tri-kỷ đành đầu chết trước xe vua; Lý-Nghiêm khóc cái chết của Khổng-Minh đến nhuốm bệnh từ trần, cho rằng ngoài Gia-Cát không còn ai tri-kỷ nữa, v v... đến những mẫu chuyện khác tuy không có một vẻ anh-hùng nghĩa-khí, nhưng rất nên thơ.

Trần-Phồn đời Hậu-Hán có bạn tri-kỷ là Từ-Trĩ. Trong nhà Phồn có treo một cái giường, mỗi khi Trĩ đến chơi liền hạ xuống, Trĩ đi liền treo lên, không để ai ngồi được. Lúc Phồn chết, Trĩ cất giường đi không treo ở đó nữa.

Từ-Thứ, quân sư và cũng là tri-kỷ của Lưu-Bị. Vì chữ hiếu, buộc Từ phải từ-giã họ Lưu để về với Tào. Hai người bịn rịn, cầm không được nước mắt trong lúc chia tay. Từ-Thứ đi đã xa mà Lưu-Bị vẫn vời trông theo mãi, bảo với tả hữu rằng: Ta muốn san bằng khu rừng kia để ngàn cây khỏi che lấp bóng người tri kỷ. Và Từ-Thứ một khi trở về đất Ngụy, đã quyết chôn hết tài năng, tự làm thành con người vô-dụng.

Không riêng gì người với người, mà còn người với chim muôn hoa cỏ. Biện-Hòa ôm ngọc khóc. Không phải vì bị chặt tay, chặt chân, mà khóc vì người đời không biết đến ngọc.

Bá-Nhạc mỗi khi có người giắt ngựa ngang qua, chỉ một ngảnh nhìn lui (nhất cố) giá ngựa liền tăng lên gấp ba, gấp bốn. Người ta cho rằng Bá-nhạc là Tri-Kỷ của ngựa.

Vương Tử-Từ lấy trúc làm tri-kỷ. Thấy vườn ông Sĩ Đại-Phu nọ có một dãy trúc đẹp, đi xe thẳng đến, bách bộ dưới hàng trúc, nào ngắm nghía, nào ngâm vịnh, giờ lâu không chán. Chủ nhân quạt nước, pha trà dọn bàn sửa ghế định mời Từ vào trò chuyện. Nhưng xem trúc xong, Từ liền đi thẳng. Vương-Duy đã có câu: *Khán trúc hà tu vấn chủ-nhân* (xem trúc cần gì hỏi chủ-nhân).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sở dĩ người ta phải hướng về chim muôn hoa cỏ cũng vì muốn tìm được tri-kỷ ở chốn trần ai không phải gì chuyện dễ. Quản-Ninh và Hoa-Hàm, ăn một mâm nằm một chiếu, có thể trở nên đôi bạn tri-giao, nhưng chỉ vì một vài cử-chỉ của bạn mà Ninh đành cắt chiếu làm đôi quyết không cùng chung đèn sách. (Quản-Ninh và Hoa-Hâm cùng cày đất. Ninh thấy vàng, không thèm lưu ý. Hâm cầm lên xem rồi ném đi Lúc hai người ngồi học, nghe có tiếng ngựa xe rầm rộ, Hàm bỏ chạy ra xem, Ninh cho là bạn còn tầm thường lắm, liền cắt chiếu làm đôi).

Nguyễn-Du cũng đã từng than thở:

Bất-tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như
*(Ba trăm năm lẻ về sau nữa,*
*Thiên hạ ai người khóc Tố-Như)*

Cũng do sự khó-khăn trong việc tìm kiếm tri-kỷ mà có người tri-kỷ với rượu, có người tri-kỷ với thơ, với đàn, với phong-cảnh.

Bạch cư Dị cho rằng ba kẻ tri-kỷ của mình là : Đàn, thơ và rượu:

Sở thân duy tam hữu
Tam hữu giả vi thùy?
Cầm bãi triếp ẩm tửu,
Tửu bãi triếp ngâm thi.
*(Thân tình chỉ ba bạn ;*
*Ba bạn ấy là ai?*
*Đàn xong liền uống rượu,*
*Rượu xong rồi ngâm thi).*

Sách Nguyên kết Văn lấy sơn-thủy, Tùng trúc, Cầm tửu, làm ba bạn tri-kỷ. Trong làng không có tri-kỷ thì lấy sơn-thủy làm tri-kỷ, trong xóm không có tri-kỷ thì lấy tùng trúc, trong chiếu ngồi không có tri-kỷ thì lấy đàn và rượu.

*
* *

Sau khi ta đã xét qua về hai chữ tri-kỷ, giờ ta hãy nhìn đến cuộc đời của Bồ tùng Linh cùng tập Liêu trai chí dị.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Một người có tâm-hồn phong-phú tài hoa như Bồ tiên sanh lẽ tất nhiên bao giờ cũng khao khát một kẻ tri-giao để an-ủi cõi lòng trống trải.

Nhưng thử hỏi tiên sinh có gặp được tri-kỷ không? Hẳn là không. Trong bài tựa bộ Liễu trai, tiên sinh đã thốt ra những lời đau đớn. Tiên sinh tự ví mình với con chim sẻ lạnh, nương mình vào cây nhưng không tìm được hơi ấm, như con đom đóm mùa thu, đối ánh trăng, tựa vào lan cạn để tự suởi (Ta hồ, kinh sương hàn tước, bảo thọ vô ôn, đối nguyệt thu uynh, ôi lan tự nhược). Thế rồi Bồ kết luận: Tri ngã giả kỳ tại thanh lâm hắc tái gian hồ (Kẻ biết ta, phải chăng ở chốn rừng xanh, ải tía mà thôi).

Theo quyển Famous Chinese Short stories của Lin Yutang (Lâm-ngữ-Đường) thì Bồ tùng Linh sinh năm 1630 và mất năm 1715 tức cuối đời Minh và đầu đời Thanh.

Xã-hội Trung-quốc lúc bấy giờ là một xã-hội mục-nát, tham quan ô lại hoành-hành, xem tánh mạng người như cỏ rác. Những việc hà lạm, những sự bất công không sao kể xiết. Bộ truyện Liễu trai đã phản ảnh được cái hạng người ô trọc đó. Bồ tùng Linh đã mạt sát đã trừng phạt bọn tham tàn hống hách bằng ngòi bút khiến người đọc lấy làm khoái chí, trong lúc mình tự thấy bất lực, không thể vì thiên hạ, rửa sạch nỗi bất bình.

Trong truyện Thành Tiên, Bồ đã viết những câu chua chát táo bạo: Trong một thế-giới hoành-hành làm sao phân biệt được đen trắng, huống ngày nay, quan tề quá nửa là giặc cướp...

Trong một thế-giới, già nữa quan lại là giặc cướp, một người thanh-cao như Bồ làm sao kiếm được người tri kỷ?

Viết về Bồ Tùng Linh, Trương-thụy-Cảo ngoài việc ca-tụng văn-chương, đã nói đến tiết tháo của Bồ, chán ghét bọn quan lại quyết bỏ thi cử để chuyên nghiên.cứu về văn-tự cổ điển.

Như ta đã thấy, không mạt sát được bọn quan lại ở ngoài đời, thì Bồ mạt sát chúng ở trong sách, không tìm được tri-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

kỷ ở ngoài đời, thì Bồ tìm tri-kỷ trong tác phẩm của mình.

Bộ Liễu trai sở dĩ trở nên bất hủ, được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng ngoại quốc, không những vì cốt truyện hay, văn chương hoa mỹ, mà cũng vì cả chỗ đó nữa.

Nay ta chỉ riêng vét về hai chữ tri-kỷ. Trong số 450 chuyện (con số nầy không nhất định vì có nhiều nhà phê bình không đồng ý với nhau), tác giả nói rất nhiều đến cái tình đằm thắm giữa đôi bạn tri-kỷ. Tôi thử chọn và tóm tắt ra đây một ít chuyện có đặc tính khác nhau để bạn đọc thấy sơ qua về nhiều khía cạnh của mối tình tri-kỷ.

**I.— ĐIỀN-THẤT-LANG.** — Võ-thừa-Hưu, một phong lưu công tử, giao du rất rộng, một hôm mộng thấy thần bảo rằng: Ngươi bạn bè đông, nhưng thiếu một người. Người đó là Điền-thất-Lang, có thể trở thành tri-kỷ và chung hoạn nạn với ngươi được.

Sáng hôm sau, Hưu cùng với gia nhân đi tìm và gặp Điền-thất-Lang. Lang, tuổi ngoài hai mươi, cường tráng, nhà nghèo, làm nghề săn bắn để bán da thú.

Hưu xin kết bạn, cấp tiền cho Lang làm vốn sanh nhai. Nhưng bà mẹ không cho Lang nhận tiền mà cũng không muốn Lang kết bạn. Bà bảo: Thọ nhân tri giả, phân nhân ưu (Đã được người biết đến mình thì mình phải chia nỗi lo âu với người). Mẹ thấy trên mặt công tử có những đường hắc ám, sợ rồi sẽ gặp hoạn nạn mà thôi.

Tuy bị từ chối, Hưu vẫn cố kiếm cách lui tới giao du. Hưu đưa ra cho Lang một số tiền kiếm cớ là đặt mua da thú. Lang nhận tiền xong ròng rã ba ngày vẫn không săn được con thú nào, lại thêm chị vợ đau nặng rồi chết, thuốc thang chi phí hết sạch cả số tiền của Hưu đưa. Hưu phúng điếu rất hậu và bảo Lang không có da thú thì thôi hà tất phải băn khoăn lo nghĩ. Do đó cuộc giao tình giữa hai người ngày một thân thiết nhiều khi cùng nhau chung giường mà ngủ. Bạn bè tôi tớ trong nhà cho rằng Hưu đã lầm lẫn kết giao với kẻ quê mùa.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Một hôm có người báo tin: Điền-thất-Lang vì tranh nhau trong một cuộc đi săn nên gây thành án mạng, hiện đã bị bắt giải quan. Hưu vội vàng vào ngục thăm, lấy của đút lót quan trên, một mặt khác đem 100 lạng vàng lo cho kẻ thù của Lang bảo rút đơn đừng kiện nữa. Lang nhờ thế được khỏi tội.

Hưu công tử có người con trai trưởng là Thân đã có vợ họ Vương. Hôm đó Hưu đi vắng, Vương thị ra sân hái hoa tình cờ gặp Lâm-Nhi, một đứa cháu có họ xa thường ở trong nhà. Lâm-Nhi chòng ghẹo, định kéo Vương thị vào phòng, nàng kêu la rầm rĩ. Thân nghe tiếng chạy ra thì Lâm-nhi buông nàng và bỏ chạy trốn.

Hưu về nghe thuật chuyện lại cho gia nhân đi tìm thì Lâm-Nhi đến nương thân tại nhà một ông Ngự-sử hiện làm việc trong triều, công việc nhà đều giao cho một người em toàn quyền quyết đoán. Hưu viết thư đòi Lâm-Nhi. Người em viên Ngự-sử không thèm phúc đáp, Hưu kiện với quan huyện. Quan huyện xuống trát sai lính đi bắt, lính chỉ vâng vâng dạ dạ rồi bỏ qua. Hưu đem câu chuyện trên này thuật lại với Điền-thất-Lang, nghe xong Lang cáo từ ra đi, mặt mày thê thảm.

Hưu sai đầy tớ dò xét, rình bắt được Lâm-Nhi đem về để Hưu trị tội. Hưu lấy roi đánh thì Lâm-Nhi buông lời hỗn láo không chút sợ sệt. Chú của Hưu sợ cháu nổi nóng có thể sinh ra tai họa, nên khuyên Hưu giải Lâm-Nhi lên quan để dùng pháp luật trừng phạt.

Hưu vừa giải Lâm-Nhi đến thì bức thư của người em ông Ngự-sử cũng vừa tới nơi xin cho Lâm-Nhi khỏi tội. Quan huyện liền tha bổng. Lâm-Nhi đắc ý không còn kiên sợ gì nữa phao vu cho Hưu đã thông dâm với nàng dâu, khiến công tử uất ức tưởng có thể chết được.

Hôm ấy Lâm-Nhi bị kẻ lạ mặt ám sát, thây bỏ ngoài đồng nội. Gia nhân ông Ngự sử kiện chú cháu Hưu nên cả hai đều bị bắt để tra xét. Người chú vì già cả nên mới bị đánh có mấy hèo

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đã vội từ trần. Quan huyện thấy vậy không tra hỏi Hưu nữa và bảo khiêng xác chú về.

Trong cảnh tang tóc, Hưu thầm trách Điền-thất-Lang bạc bẽo, nghĩ mình đối đãi hết lòng thế mà gặp hoạn nạn không hề lai vãng. Rồi Hưu tự hỏi hay Lang đã vì mình mà giết chết Lâm-Nhi. Nếu quả thế sao không bàn bạc trước ?

Một hôm người em ông ngự sử đang cùng quan huyện bàn chuyện thì có một gã tiều phu xồng xộc bước vào đâm chết. Quan huyện hoảng hốt chạy trốn. Lính hầu vây bắt, thì gã tự lấy dao cắt cổ tự tử. Ông Huyện đến khán nghiệm tử thi mới hay chính Điền-thất-Lang đã hóa trang. Cái thây bỗng nhiên nhỏm dậy giết chết ông huyện rồi lăn quay ra đất. v..v .

Bàn về câu chuyện trên nầy, Bồ đã ví Lang với Kinh-Kha viết: *Thế đạo mờ mờ, giận rằng người như Điền-thất-Lang quá ít, chua xót thay !*

**II.— KIỀU-NỮ.**— Cô gái họ Kiều ở đất Bình-Dương, vừa đen vừa xấu, mũi hếch, chân đi khập khiễn, tuổi đã 25, 26 vẫn chưa có người dòm ngó. Lúc bấy giờ trong ấp có Mục-Sanh tuổi ngoài 40, góa vợ, nghèo không đủ tiền để tục huyền, mới cưới Kiều-Nữ. Hai vợ chồng sanh được một con thì Mục-Sanh mất. Kiều-Nữ sống trong cảnh nghèo khó nuôi con.

Lúc bấy giờ có Mạnh-Sanh chết vợ, để lại Ô-đầu đứa con 1 tuổi Mạnh nhờ người mối lái để cưới vợ kế nhưng không tìm gặp nơi vừa ý. Sau khi trông thấy và biết được Kiều-Nữ, ông lấy làm vừa lòng hết sức, liền cậy kẻ thân tín đến dạm hỏi.

Nhưng Kiều-Nữ không nhận lời và nhắn gửi rằng: Nghèo đói như thế nầy, nương nhờ quan để được no ấm, ai lại chẳng muốn. Nhưng thiếp tự nghĩ mình xấu xí, tự cậy ở đức hạnh mà thôi. Nay nếu tái giá thì đức hạnh không còn, và chắc quan-nhân chẳng tìm thấy giá-trị gì ở thiếp nữa. Mạnh nghe thế càng cảm phục, đem vàng lo lót bà mẹ mong nói giúp, nhưng Kiều-Nữ vẫn chối từ Bà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mẹ muốn gả người em của Kiều-Nữ, xinh đẹp hơn để thay thế, Mạnh lại không thuận. Chẳng bao lâu Mạnh bị bệnh chết, Kiều-Nữ đến điếu khóc lóc thảm thiết.

Mạnh không có thân thích nên sau khi từ trần, bọn du thủ du thực trong xóm làng cùng bọn gia-nhân đua nhau vơ-vét sạch cả tài sản của Mạnh lại còn đoạt cả vườn ruộng nữa, chỉ trơ lại một mình Ô-đầu và một vú già hiu quạnh.

Kiều-Nữ hết sức bất bình, thẳng đến nhà Lâm-sanh là bạn thân của Mạnh ngày trước và nói: Thiếp mặt mày xấu xa, trong thế gian tưởng không một ai thèm lưu ý, riêng Mạnh-Sanh biết thiếp mà thôi. Mặc dầu không nhận lời, nhưng tâm hồn thiếp đã phó thác cho Mạnh-Sanh rồi vậy. Nay mong Ông vì tình bằng hữu đem việc xâm chiếm tài sản mà tố cáo, còn thiếp xin nhận nuôi đứa con nhỏ để kẻ trọn tình phu thê, người trọn tình bằng hữu. Lâm-Sanh nhận lời, nhưng đến khi nghe bọn kia dọa sẽ ám sát, chàng không dám tố cáo. Kiều-Nữ tự thân hành lên quan, tìm đến những kẻ tấn thân trong làng, trần tình công chuyện. Bọn vô lại bị bắt, của tiền trả lại cho con của Mạnh-Sanh. Kiều-nữ quản trị gia tài ấy, nuôi Ô-đầu ăn học, còn con mình thì cho đi làm mướn vì nàng không muốn lạm dụng đến số tiền ấy. Về sau, Ô-đầu thành đạt có vợ con, đều do một tay nàng gầy dựng. Hai vợ chồng đối với Kiều-Nữ rất mực hiếu thuận. Kịp đến lúc Kiều-Nữ mất, Ô-đầu dùng tiền bạc đút lót cho con Mục để chôn chung Kiều-Nữ với cha mình. Đám đưa ra, quan tài nặng, 30 người khiên không nổi, con Mục tự nhiên ngã lăn ra đất, mồm mủi đều phun máu, y tự nói: Thằng con bất hiếu, mầy vì tiền mà bán cả mẹ ». Ô-đầu hoảng sợ cúi lạy, con Mục mới được vô sự.

*
* *

**Thạch - Thanh - Hư. —**

Trong truyện này, Bồ-Tùng-Linh thuật một câu chuyện không phải giữa người với người, mà người với hòn non-bộ. Hình Vân-Phi lấy non-bộ làm tri-kỷ. Cứ hễ thấy bán non-bộ đẹp liền mua, bao nhiêu tiền cũng không tiếc. Một hôm Hình lưới được một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hòn non-bộ, đá bốn mặt linh lung, chồng chất trùng-điệp trông rất ngoạn-mục. Đem về nhà, hễ trời sắp mưa thì từ trong những cái lỗ tổ ong, hơi đá bốc ra trắng như bông gòn. Có kẻ hào-cường hay tin, đi cùng gia-nhân đến tìm cách cướp đoạt lấy hòn non-bộ ấy rồi vác chạy. Qua cầu nghỉ chân, tên đầy tớ tự nhiên để lăn hòn non-bộ xuống nước. Kẻ cường-hào bỏ vàng bạc thuê người lặn luôn mấy ngày vẫn không có. Hình hết sức đau khổ, chờ khi vắng vẻ, mon men đến bên cầu, nhìn xuống sông, thì lại thấy non-bộ còn nằm tại đó. Ông ta lặn về làm một cái đế bằng gỗ bạch đàn để lên, đem dấu kín trong buồng không cho ai hay biết.

Một hôm, có ông cụ già đến, chạy xồng xộc vào buồng nên Hình không dấu kịp. Ông cụ và Hình tranh nhau và ai cũng tự nhận mình là chủ-nhân của hòn Non-bộ ấy. Ông cụ hỏi Hình về những đặc-điểm, thì Hình không nói được. Ông mới giảng cho chàng nghe: Hòn Non-bộ nầy trước sau có 92 lỗ, trong lỗ lớn nhất có hàng chữ: *Thanh-Hư Thiên Thạch Cung*. Hình đếm lỗ và xem kỹ thì quả đúng như vậy. Hình chịu nhận là của Ông cụ, nhưng xin ra ân ban cấp. Ông cụ đáp: Hòn đá nầy tìm người tri-kỷ mà đến, nhưng nó tự hiến mình quá sớm, tôi tạm đem nó đi, rồi ba năm sau sẽ trả lại. Còn nếu ông muốn giữ nó ngay từ bây giờ, thì phải giảm thọ mất ba năm, nếu ông bằng lòng thì tôi xin tặng. Hình vui vẽ nhận lời. Ông cụ lấy tay đè bẹp mất ba lỗ và nói: số lỗ trên non-bộ tức tuổi thọ của ông đó.

Qua năm sau, một hôm có kẻ trộm chui vào bế mất Non-bộ. Hình tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng gặp được tại chùa Báo-Quốc. Quân gian đã bán cho một người khác. Người đó và Hình tranh nhau, việc đưa đến quan. Hình nhờ nói trúng mấy chữ và số những lỗ trên non-bộ được kiện. Hình đem về bỏ vào tủ, mỗi khi xông hương trầm mới đem ra thưởng thức. Thượng-Thư mồ nghe đồn bỏ ra hằng trăm lạng vàng nhưng Hình không chịu bán. Ông mới nghĩ cách kiếm chuyện vu khống bắt giam Hình, lại cho người bảo ngầm với vợ con hễ hối-lộ bằng hòn non-bộ thì khỏi tội. Vợ con đem Non-bộ đi lo, và Hình quả được phóng-thích. Nhưng lúc trở về biết chuyện, Hình nhiều lần thắt cổ tự-tử, may người nhà biết, cứu sống được.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Non-bộ từ khi trở thành vật sở-hữu của ông Thượng-thư, trở nên xấu xí, gặp ngày u-ám hơi đá không còn bốc ra như trước nữa. Đến khi ông ta chết, người nhà đem bán, Hình lại chuộc về, và khi sắp mất bảo con chôn theo.

Hình chết được nữa năm, một hôm bọn trộm đào mả để đánh cắp hòn non-bộ. Người con hay, tìm đến nơi nhưng không rõ quân gian trốn đi đằng nào. Hai hôm sau, nhân đi cùng người nhà, con của Hình thấy hai người vừa chạy vừa lạy giữa trời xin Hình tiên sanh tha tội. Bị bắt giải quan, chúng thú nhận đã đào mả để lấy non-bộ đem bán. Quan bảo đi lấy về, cầm lên xem thích ý muốn « tư-hữu hóa », bảo gia-nhân bỏ vào trong tủ. Nhưng vừa cầm đến, hòn non-bộ tuột khỏi tay, rơi xuống đất tan thành từng mảnh.

Bàn về chuyện nầy Bồ-Tùng-Linh cho rằng : Sĩ vì tri-kỷ giả tử phi quá giã, thạch nho như thử, huống nhân hồ. (Kẻ sĩ vì tri-kỷ mà chết, điều đó chẳng có gì là quá đáng cả. Đá còn như vậy huống hồ người ?)

Nhìn vào tâm trạng của Bồ-tùng-Linh, ta thấy tiên sinh là một văn sĩ, một thi-sĩ, nên chữ tri-kỷ đối với tiên-sinh hướng về văn-chương nhiều hơn là về các phương-diện khác. Tiên-sinh không muốn có kẻ vì mình mà hành-thích ai, nhưng mong muốn có kẻ biết thưởng-thức câu văn hay, lời thơ đẹp, cùng chung một làng thanh-khí với nhau.

Đối với Vương-Ngư-Dương tuy tiên-sinh không hẳn là bạn tri-kỷ vì cái lối quyền quí của Vương, tiên-sinh không ưa. Nhưng ta thấy rõ cái cao khiết của tiên-sinh ở chỗ nầy. Vương đòi mua bộ Liễu-trai với giá 3.000 lạng vàng, nhưng tiên-sinh quyết từ chối không bán. Nhưng sau khi xét rõ Vương cũng là người thành-tâm biết thưởng-thức văn-chương, nên đã biếu không, chẳng nhận lấy một đồng xu nhỏ. Câu chuyện nghe qua, thật có vẽ « liễu-trai » nhưng nếu ta thấu rõ tâm hồn của tiên-sinh qua những lời văn, qua những câu chuyện tiên-sinh đã viết thì chẳng còn có gì lạ cả.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Viết truyện Diệp-sinh, tiên-sinh đã cho ta thấy tinh tri-kỷ trong văn-chương, tuy nó không có vẻ anh-hùng hào-kiệt như Chuyên-chư, Nhự-nhượng, nhưng rất dễ-thương.

Diệp-sinh nhà nghèo, văn-chương thi phú vượt hẳn người đương-thời, nhưng số phận hẩm-hiu, khoa-trường lận-đận.

Đinh-thừa-Hạc bổ nhậm đến cai-trị, đọc thi văn của Diệp-sinh lấy làm kỳ lạ, mời đến ở luôn trong nha-thự để đủ phương-tiện học-tập, ngoài ra còn đem tiền bạc để châu-cấp vợ con.

Kịp đến kỳ thi, Đinh lấy bản giáp của Diệp để xem, hết lời ca-ngợi, ngâm đi ngâm lại mãi không thôi. Chẳng ngờ lúc treo bản, không thấy có tên, Diệp-sanh, ngây ngô như kẻ mất hồn, sững-sốt ra về, thẹn phụ tri-kỷ. Đinh thương tình gọi đến an-ủi, hứa sẽ đem theo vào Kinh. Diệp cảm tạ, nước mắt dầm dề, về nhà đóng cửa nằm lỳ không đi đâu nữa bước. Chẳng bao lâu nhuốm bệnh, thang thuốc đã nhiều mà vẫn không thuyên giảm.

Đinh vì chống với quan trên bị cách, trước khi sửa soạn ra đi, bảo người đem thư đến cho Diệp đại-ý nói: Tôi trù trừ chưa vội lên đường vì đợi chờ túc-hạ. Hễ túc-hạ buổi mai đến là buổi tối chúng ta khởi hành. Diệp xem thơ nức nở khóc, nhờ người thưa lại với Đinh vì bệnh nặng không thể nào theo hầu được.

Đinh vẫn nấn ná không nỡ bỏ Diệp lại mà đi trước. Hai hôm sau, bỗng thấy Diệp đến, Đinh mừng rỡ đón tiếp rồi tức tốc sửa soạn lên đường.

Đinh có đứa con tên Tại-Xương, tuổi 16 rất thông minh, nhưng học lực còn kém cỏi. Diệp bảo Tại-Xương thờ Diệp làm thầy, chỉ trong vòng một năm cậu ấm đã hạ bút thành văn, được cấp học bổng vào trường công lập của Chánh-Phủ. Diệp lại soạn những văn bài cử-nghiệp của mình giao cho mà học, khi vào thi liền đỗ á-khôi.

Đinh bảo Diệp: một chút tài thừa của tiên-sinh khiến thằng con tôi trở nên thành-đạt, còn tiên-sinh như chiếc chuông

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vàng sao nỡ bỏ không? Diệp đáp: Kẻ sĩ gặp được tri-kỷ là thỏa nguyện rồi còn ân-hận gì nữa.

Tại-Xương bỏ ra làm quan, đem Diệp-sanh theo, lại nạp lúa để Sanh được dự-thi và lần đó Diệp-Sanh đỗ hương-tiến. Nhân đi đến một nơi gần quê-hương của Diệp-Sanh, Tại-Xương thưa rằng: Ở đây cách làng của thầy cũng chẳng bao xa, nay thầy đã hiển-đạt, tưởng nên áo gấm vinh-qui để cho gia-đình thỏa dạ.

Diệp cho là phải. Tại-sanh bảo đầy tớ lấy ngựa tiễn đưa thầy về. Đến nơi, Diệp thấy cảnh vật tiêu-điều, cửa nhà xơ-xác, trong lòng hết sức chua cay. Bà vợ từ trong nhà đi ra trông thấy Diệp, hoảng hốt bỏ chạy. Diệp bảo: Tôi nay đã phú quí, mấy năm vợ chồng xa cách, sao mình có những cử-chỉ lạ lùng như vậy.

Bà vợ đứng xa, cất tiếng đáp lại: Chàng chết đã lâu sao lại bảo là phú-quí, sở dĩ quàng lại chưa chôn vì nhà nghèo con dại, chàng đừng tác quái mà dọa thiếp tội-nghiệp.

Sanh nghe nói, mặt mày thê-thảm, đi lần vào nhà, trông thấy quan-tài mình liền bỗ xuống biến mất. Bà vợ chạy lại thấy áo quần giày mủ vẫn còn khác nào con ve sầu thoát xác.

Trong lời bàn của Bồ-tùng-Linh về câu truyện Diệp-sanh có câu: Hồn tùng tri-kỷ, cạnh vong tử gia? Văn giả nghi chi, dư thâm tín yên (Hồn theo tri-kỷ quên cả chết ư? Ai nghe chẳng nghi, ta rất tin vậy.)

* * *

Không phải gì một chuyện Diệp-sanh, mà còn biết bao chuyện khác Bồ-tùng-Linh đã dùng văn-chương làm môi giới giữa các bạn tri-giao.

Đọc xong bộ Liễu-trai, ta thấy mát dượi cả tâm hồn trong lúc ta chưa tìm ra tri-kỷ.

(Có dịp chúng tôi sẽ bàn đến hai chữ tri-kỷ trong văn-chương ta).

BỬU - KẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# HÔN-NHÂN TRONG LUẬT XƯA

*(tiếp theo kỳ trước)*

## HẬU-QUẢ VÀ GIẢI-TRỪ

*HẬU-QUẢ.—*

Cách thành-lập hôn-nhân trong chế-độ pháp-luật cũ của nước ta phải theo những thể-thức nào, chúng ta đã có dịp bàn tới. Hôn-nhân thành-lập như thế, sẽ phát sinh ra những hậu-quả theo pháp-luật và phong-tục. Đó là đề-mục của đoạn lược khảo này. Thực ra, nếu hiểu theo nghĩa rộng, thì tất cả các hậu-quả của hôn-nhân họp thành gia-tộc pháp, mà hôn-nhân là nguyên uỷ. Không có tham-vọng nghiên-cứu tất cả gia-tộc pháp trong phạm vi một tiểu-luận, vậy nên ở đây chỉ lược thuyết về các hậu-quả của hôn-nhân, về nhân thân và tài-sản của vợ chồng. Còn những hậu-quả về các con phải thuộc vào vấn-đề tử hệ mới là hợp lý.

Hôn-nhân phát sinh ra giữa hai vợ chồng nhiều nghĩa-vụ. Nhưng các nghĩa-vụ đó, phải công-nhận là luật xưa không minh-định trong các điều khoản ; tưởng cũng không phải lấy thế làm lạ, vì nghĩa vụ giữ hai vợ chồng đã do luân-lý và phong-tục định rồi và theo quan-niệm xưa, như thế là đủ. Các điều huấn-giới đọc thấy trong các Kinh Truyện, nhất là Kinh Lễ, và phong-tục tập quán cũng có uy-lực cưỡng-chế không kém gì pháp-luật thành văn. Ngoài ra, các triều-đại không quên tuyên thị các điều huấn-dụ, như 24 điều huấn-dụ của Vua Thánh-tôn triều Lê và « *thập điều* » của Vua Thánh-Tổ triều Nguyễn, nhắc nhân-dân ăn ở cho hợp đạo lý, và trong các huấn-dụ ấy, tất không quên nhắc đến những nghĩa-vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, qua các điều khoản trong các bộ luật xưa, đặt ra những cấm chế, ta cũng thấy pháp luật xưa cũng có lưu-ý đến phương-diện tiêu-cực của vấn-đề, nghĩa là dự liệu sự trừng phạt những khiếm-khuyết,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong các nghĩa-vụ phát sinh từ hôn-nhân, ngày nay ta phân biệt những nghĩa-vụ hỗ tương giữa hai vợ chồng, và những nghĩa-vụ chỉ bó buộc riêng người vợ. Về cả hai vợ chồng thì có nghĩa-vụ đồng cư và nghĩa-vụ nuôi nấng cứu-giúp, còn riêng về vợ thì có nghĩa-vụ thủ-tiết và nghĩa-vụ phục tòng. Ta sẽ thử xem các nghĩa-vụ ấy được chế tài trong luật xưa ra sao ?

*1) Nghĩa-vụ đồng cư .* — Vợ chồng phải đồng cư với nhau, là vợ chính có nghĩa-vụ và có quyền đồng cư với chồng. Phong-tục xưa coi việc đàn bà bỏ chồng ra đi là một việc có lỗi lớn với phong hoá. Đọc 24 điều Vua Lê-Thánh-Tôn ban ra để dạy dân theo thói tốt sẽ thấy điều thứ sáu nói : « *Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng-trị thì nên phải sửa mình đổi lỗi không được tự mình trốn đi, làm hư mất nết đàn bà.* ». Luật xưa phạt nặng những người vợ nào tự ý bỏ nhà chồng mà đi. Điều 321 luật Hồng-Đức định là : « *Vợ thiện tiện bỏ nhà chồng đi phải tội đồ làm xuy thất tỳ* ». (Đi rồi mà lấy chồng khác thì phải tội đồ làm thung thất tỳ). Luật Gia-Long trong luật điều 108, định là vợ tự ý bỏ chồng mà đi sẽ bị phạt 100 trượng (nếu đi mà lại lấy chồng khác thì phải tội giảo giam hậu), ngoài sự trừng phạt lại còn biện-pháp chế tài khác nữa về nghĩa-vụ này. Luật nhà Lê bắt vợ phải về với chồng cũ, cả điền-sản cũng phải trả về chồng cũ. Còn luật nhà Nguyễn lại định một biện-pháp khắt khe hơn là để chồng được quyền đến gã hay bán vợ đi, nếu vợ thiện tiện bỏ chồng mà đi. Biện-pháp này xem ra không hợp với phong-tục ta thường không quá khắc nghiệt đối với đàn bà như xã-hội Trung-quốc.

*2) Nghĩa-vụ nuôi nấng và cứu giúp.* — Ngày nay khi nói đến nghĩa-vụ nuôi nấng là muốn nói đến nghĩa-vụ của vợ chồng phải cho nhau có được một đời sống đầy đủ vừa phải đối với địa-vị và tài sản của mình. Đó là một hình thức của nghĩa-vụ cấp dưỡng giữa hai vợ chồng tùy theo tài sản của gia-đình. Còn nghĩa-vụ cứu giúp bắt buộc vợ hay chồng phải trông nom săn sóc đến người phối ngẫu bệnh hoạn hay tàn tật, phải chịu những hậu-quả hay bất tiện của tình-trạng bệnh tật ấy. Luật xưa coi nghĩa-vụ nuôi nấng cứu giúp ấy là một nghĩa vụ tất nhiên, đã do luân-lý định, không cần

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phải nói tới. Cho nên luật xưa không nói đến số tiền cấp dưỡng mà một người phối ngẫu phải trả cho bên kia là bao nhiêu, không nói đến tố-quyền để đòi số tiền ấy, cùng tài sản nào sẽ trả số tiền ấy. Nhưng có một điểm nên lưu-ý là nếu hai vợ chồng còn sống chung với cha mẹ ông bà chồng, quyền gia-trưởng còn ở các bậc tôn thân ấy, thì chính gia-trưởng có nghĩa-vụ nuôi nấng người con, người dâu, chứ không phải người chồng. Dù sao đi nữa, nếu vợ không được nuôi nấng cứu giúp thì người vợ vẫn có thể yêu-cầu các bậc tôn trưởng trong họ hay các kỳ-mục trong thôn xã phân xử. Nếu người vợ bị hất hủi, không được chu cấp cho xứng đáng thì người ấy có quyền thưa kiện không ? Luật xưa tuy cấm vợ hhông được tố cáo chồng (điều 504 luật Hồng-Đức, luật điều 306 luật Gia-Long) nhưng cũng các điều luật ấy vẫn cho phép vợ kêu quan để giải tỏ lẽ phải của mình, khi chồng phạm đến thân-thể hay tài sản của mình. Cứ các điều luật ấy mà suy ra thì có thể nghĩ rằng nếu người vợ đem việc kêu quan, thì quan với tư cách là cha mẹ dân, vẫn có thể theo lẽ công bằng mà bắt chồng phải chu cấp cho đầy đủ.

*3) Nghĩa-vụ thủ-tiết.* — Tất nhiên, trong chế-độ pháp-luật và phong-tục cho người đàn ông được lấy nhiều vợ, thì nghĩa-vụ thủ tiết chỉ bó buộc người vợ mà thôi. Luật Hồng-Đức trong điều 401 phạt tội lưu vợ chính, vợ thứ phạm tội thông gian và bắt điền sản phải để cho chồng. Luật Gia-Long, trong điều luật 332 phạt 90 trượng người đàn bà thông gian và cho quyền người chồng gả hay bán vợ đi, nhưng được gả bán cho người gian phu (làm như vậy thì cả hai người đàn ông đều phải tội và người đàn bà phải trở về bản tông). Không giữ nghĩa-vụ thủ-tiết, người vợ bị trừng phạt cả về hình sự và dân sự. Về hình sự thì có tội lưu hay tội trượng, về dân sự thì có sự ly dị, sẽ có dịp nói thêm về sự ly dị này trong những đoạn sau.

*4) Nghĩa-vụ phục tòng.* — Theo nguyên lý thì người đàn bà đi lấy chồng là bỏ nhà mình gia nhập vào gia-đình nhà chồng. Hôn-nhân xưa là một khế ước không phải giữa hai người lấy nhau, mà giữa người đàn bà và gia-đình người chồng. Theo sách Nghi-Lễ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đàn bà có nghĩa-vụ tam tòng, không bao giờ được tự chuyên. Khi lấy chồng thì phải tòng phu (theo chồng). Lại theo thuyết tam cương thì phu vi phụ cương (cương là dây to ở cái lưới), vợ phải phụ thuộc vào chồng. Đó là những nguyên-tắc đặt người vợ dưới quyền uy của chồng. « *Về nhà chồng thì người vợ phải kính phải răn, chớ trái lời chồng* » (Kinh Lễ : Vãng chi nhữ gia, tất kính tất giới, vô vi phụ tử). Không nói đến trường-hợp người chồng không phải là gia-trưởng, hãy xét riêng về những liên-hệ giữa người chồng gia-trưởng và vợ, nghĩa là nói đến quyền của chồng. Vấn đề phu quyền là một vấn-đề tế-nhị. Có nhà luật-học ngày nay, chịu ảnh-hưởng của luật Tây-phương cũ, nhất là luật La-Mã, khi thấy những quan-niệm xưa của ta về gia đình, hôn-nhân, liền có khuynh-hướng đặt người vợ ở nước ta xưa vào một địa-vị rất thấp, đem phu quyền lên thành một uy-quyền tuyệt-đối. Họ cho rằng người đàn bà có chồng mất tất cả mọi quyền về nhân thân cũng như về tài sản. Nhưng đó là một sự đồng hoá quá vội vàng. Ta sẽ thấy rằng người đàn bà tuy có chồng vẫn giữ nhiều quyền lợi quan-trọng, có một nhiệm-vụ quan trọng trong gia-đình và các quyền của chồng, không hẳn là thiện đoán và độc chuyên. Để có một quan-niệm đúng hơn về địa-vị người vợ trong gia-đình, ta sẽ xem phu quyền theo pháp-luật xưa đi đến giới hạn nào. Nhưng để định cho rõ hơn địa-vị của người vợ trong gia-đình, trước hãy xin so sánh địa-vị ấy với địa-vị của người vợ thứ và sau đó, sẽ nói đến địa-vị của người vợ chính đối với chồng.

A) Xung quanh người chồng, và tùy thuộc người ấy, có một số người vợ, nhiều hay ít có địa vị khác nhau. Theo pháp luật xưa, như ta đã biết, chỉ có người đàn bà, kết hôn theo đúng lễ nghi, mới được pháp luật và phong tục coi là vợ chính là thê, là chính thất. Còn các người đàn bà khác mà người chồng lấy về trong nhà mình, đều là những người ở địa vị « *tiện* » đối với địa vị « *quý* » của người vợ chính địa vị kém hẳn người vợ chính và phải ở dưới quyền người này. Pháp luật cũng như phong tục đối đãi hai người vợ ấy khác nhau xa. Luật Hồng-Đức trị tội người chồng lấy vợ thứ lên làm vợ chính trong điều 309 : « *Ai lấy vợ lẽ lên làm vợ chính sẽ bị tội phạt* ». Luật Gia-Long trong luật điều 96 nói rằng : « *Ai đem vợ chính xuống làm vợ thứ phải*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*phạt 100 trượng, người nào vợ chính còn sống mà lại lấy vợ thứ lên làm vợ chính, phải phạt 90 trượng*». Lời chú thích nói rõ thêm ý của nhà lập pháp, biểu lộ sự sai biệt giữa vợ chính và vợ thứ. Vợ chính là ngang hàng với chồng : « *Thê giả, tề giã* ». Vợ thứ chỉ là người đàn bà được đem về nhà và được người chồng hỏi đến. Giữa người quý kẻ tiện, có sự sai biệt không thể làm lẫn lộn được. Đem vợ chính xuống làm vợ thứ, là đem « *quý* » xuống làm « *tiện* », đem vợ thứ lên làm vợ chính, là đem « *tiện* » lên làm « *quý* », thế là làm loạn cương thường đạo lý. Luật xưa không những ấn định cho người vợ chính một vị thứ cao hơn các người vợ thứ, mà còn bắt người chồng không được thiên ái vợ thứ mà sơ tình với vợ cả. Thật vậy, độc điều 309 luật Hồng-Đức sẽ thấy « *Vì yêu vợ thứ mà thờ ơ với vợ thì phải tội biếm* ».

Nguyên tắc coi hai người vợ không bằng nhau xuất hiện trong pháp luật khi trừng phạt người vợ chính hay vợ thứ đánh chồng. Theo hai bộ luật cũ nước ta, người vợ thứ đánh chồng thì hình phạt tăng lên một bậc so với hình phạt áp dụng cho vợ chính. Ngoài ra, nhà lập pháp trù liệu trong trường-hợp ấy ly-dị giữa chồng và vợ chính nhưng không nói đến ly-dị giữa chồng và vợ thứ. Lời chú trong luật giải thích một cách hợp lý : « *Chồng và vợ chính là ngang hàng nhau, nếu vợ chính không ở trong trường-hợp thất xuất thì người chồng không thể tự ý bỏ vợ chính được, còn vợ thứ là một người không quan trọng và địa vị là « tiện », người chồng thương yêu thì giữ, nếu không thương yêu nữa thì bỏ, không phải là việc quan trọng, vợ thứ không thể bao giờ lại được coi như vợ chính được* ». Như ta đã biết, câu thư thê mãi thiếp, đã biểu lộ rõ sự sai biệt xưa giữa vị trí của vợ chính và vợ thứ theo phong tục. Trong hôn lễ chồng và vợ vái lạy nhau (giao bái) như thế để tỏ rằng vợ chồng bình đẳng với nhau, còn người vợ thứ khi đón về, phải lạy chồng và vợ chính để tỏ ý phục tòng. Trong các lễ nghi gia-đình, khi cúng tế tổ-tiên, bao giờ vợ chính cũng đứng ngang hàng chồng ; nếu chồng là người có phẩm tước thì luật lệ công nhận người vợ chính là mệnh phụ, cũng có phòng hiệu, còn vợ thứ không được hưởng vinh dự gì cả. Đối với vợ cả, người vợ thứ phải phục tòng, cũng như phải phục tòng chồng.

Hai bộ luật xưa đều định rằng vợ thứ mà đánh vợ chính, thì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cũng bị tội như đánh chồng. Các vợ thứ lại phải để tang vợ chính và vẫn phải phục tòng vợ chính sau khi chồng chết.

b) So sánh địa vị hai người vợ làm nổi bật địa vị của người vợ chính ở trong gia-đình. Còn đối với chồng, thì vị trí của người vợ chính ra sao? Đó là vấn đề phu quyền.

Phải nhận ngay là có một sự khó khăn trong lúc khảo sát vấn đề ấy, khó khăn ở chỗ làm thế nào để dung hòa được nguyên tắc quyền uy của người chồng gia-trưởng và nguyên-tắc bình-đẳng giữa hai vợ chồng. Đã rõ rệt là pháp-luật cũng như phong-tục xưa thừa-nhận cho người gia-trưởng những quyền rộng lớn đối với mọi người ở trong nhà, dù ở địa-vị nào. Mọi người trong gia-đình, dù là vợ chính, vợ thứ, con cháu, phải kính trọng và vâng lời người gia-trưởng, Thế phải công nhận là các điều khoản của luật nhà Lê cũng như luật nhà Nguyễn, coi người vợ chính là bằng vai với chồng ; vợ gọi chồng là chồng (phu), còn vợ thứ phải gọi chồng là gia-trưởng. Lấy chồng, gia-nhập vào gia-đình nhà chồng do hôn lễ, theo nghi thức đã định, người vợ chính, đối với mọi người trong gia-đình có một quyền uy gần bằng quyền uy của chồng, và được mọi người trong gia-đình tôn-trọng. Quyền uy ấy có là do lẽ người vợ có một vị thứ quan trọng, thiết yếu ở bên cạnh chồng, trong các lễ-nghi gia-đình, lại còn do lẽ người vợ có thiên-chức là sinh con trai để kế tục việc phụng sự tổ-tiên, lại chính người vợ là có bổn phận quản-lý việc nhà, trông nom nuôi dạy tất cả các con của người gia-trưởng, chỉ người vợ chính là mẹ thật (đích mẫu) của tất cả các con của chồng nên được trọng và có quyền uy đối với các con trong gia-đình.

Thật ra thì xưa kia, khi chồng còn cha mẹ ông bà, thì khi lấy chồng, người vợ không phải đặt dưới quyền năng của chồng mà của gia-trưởng của chồng. Ta biết rằng xưa, các con, dù thanh niên hay đã có gia-thất không thể tự ý rời bỏ cha mẹ mà đi ở riêng được Bổn phận bắt người con phải ở dưới quyền cha khi cha còn sống, người cha là người gia-trưởng, chịu trách-nhiệm về tất cả mọi hành-vi của các người trong gia-đình, sống dưới quyền uy của mình. Con chỉ được ở riêng khi gia-trưởng cho phép. Trong tình-trạng ấy, người đàn bà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khi, lấy chồng, phải chịu quyền uy của cha mẹ chồng, phải phục tòng cha mẹ chồng hơn là chồng. Nếu đọc Kinh Lễ, thiên Nội tắc, sẽ thấy câu : « *Tử thậm nghi kỳ thê, phụ mẫu bất duyệt, xuất* » : con rất vừa ý về vợ, mà cha mẹ không vừa lòng (con dâu) thì con phải bỏ vợ. Xem như thế thì trên bình-diện lý-thuyết, ngoài phu quyền, và trên phu quyền, luật pháp cũng như phong-tục đề riêng và đặt lên một vị-trí rất cao, quyền của người gia-trưởng, cả chồng lẫn vợ đều phải phục-tòng quyền uy ấy.

Không muốn đi sâu vào vấn-đề phụ quyền ấy, nếu chỉ xét đến những liên-hệ giữa người chồng gia-trưởng và vợ chính, thì tuy về nguyên-tắc đại-cương, ta đã biết là vợ phải ở dưới quyền uy của chồng nhưng phu quyền theo luật xưa không được quan-niệm như phu quyền theo luật ngày nay. Hãy xin xét đến những thuộc-tính chính của phu quyền theo luật xưa. Hậu quả của phu quyền biểu hiện trên nhân thân trên tài-sản của người vợ, chúng ta chỉ nói đến người vợ chính mà thôi.

a) Về nhân thân người vợ, có tác-giả nói là người chồng xưa có quyền bán vợ, cấm cố vợ, nhưng điều ấy không đúng. Pháp-luật cũng như phong-tục xưa cấm đoán việc ấy. Thật vậy, luật điều 96 bộ luật Gia-Long phạt 80 trượng kẻ nào đem vợ chính vợ thứ mà cầm để lấy tiền. Luật lại nghĩ đến trường hợp người chồng đem vợ chính vợ thứ gả cho người khác, nói dối là em gái, người chồng ấy bị phạt trượng 100. Và lời chú-thích trong luật cho rằng người chồng làm như thế là bại hoại phong hóa, luật pháp không thể tha được. Chồng có quyền răn bảo vợ và luật-pháp xưa để cho chồng được trừng-phạt vợ bằng cách đánh đập, nhưng không được quá độ. Nếu có sự đánh đập quá độ, pháp-luật trừng phạt người chồng, và phạt tương-đối nhẹ. Theo luật Hồng-Đức điều 482, chồng đánh vợ bị thương thì phải tội đánh, kém tội đánh bị thương người thường ba bậc. Cố ý đánh mà đến chết thì được giảm tội một bậc. Luật Gia-Long định ở trong luật điều 284 : « *Chồng đánh vợ mà không đến triết thương (rập xương) thì không phải tội nếu chồng đánh vợ bị triết thương trở lên thì bị tội kém tội đánh người thường hai bậc và phải có vợ thưa thì chồng mới bị tội. Nếu chồng đánh vợ đến chết thì bị giảo giam hậu* »,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ngoài ra, pháp-luật cho ly-dị khi chồng đánh vợ đến triết-thương nhưng không bắt buộc. Lời chú-thích của luật điều ấy có thêm rằng : « *tuy chồng phạm lỗi làm cho nghĩa tuyệt nhưng vợ không thể lìa bỏ chồng được* ». Trong trường hợp ấy, nếu vợ muốn ly dị mà chồng không muốn thì luật cũng không cho ly dị. Xem ra thì tuy pháp-luật xưa có trừng phạt người chồng đánh vợ nhưng không nặng nề bằng trừng-phạt người vợ đánh chồng. Thật vậy, nếu vợ đánh chồng thì hình-phạt khác nhiều, nghĩa là phải tội lưu (luật Hồng-Đức) hay 100 trượng (luật Gia-Long) tuy đánh không đến nỗi triết thương. Luật Gia-Long lại còn thêm rằng nếu chồng muốn ly-dị thì luật cho phép. Nếu thương tích của người chồng nặng thì tội nặng hơn, đánh chồng đến triết thương sẽ bị phạt nặng hơn đánh người thường đến triết thương ba bậc, đánh chồng bị tàn tật sẽ bị giảo, đánh chồng đến chết thì luật Hồng-Đức phạt người vợ tội giảo, còn luật Gia-Long phạt tội trảm-quyết. Vậy thì tuy nhà lập pháp xưa tuy thừa nhận vợ là ngang hàng với chồng nhưng vẫn dành ưu thế cho chồng, vì chồng là người gia-trưởng, có nhiều nghĩa-vụ và nhiều trách-nhiệm hơn người vợ, trách-nhiệm dân sự và cả trách-nhiệm hình sự về mọi người ở dưới quyền uy của mình.

b) Về tài-sản người vợ.— Nói đến quyền của chồng về tài-sản của vợ, ta sẽ thấy quyền đó ít rộng rãi như quyền về nhân thân. Luật pháp xưa không nói mấy đến phu phụ tài-sản, để cho phong tục, tập quán chi-phối hầu hết vấn-đề. Theo nguyên tắc thì người chồng gia-trưởng có quyền xử dụng tất cả mọi tài-sản kể cả tài-sản của vợ, không phải xin phép hay trình-báo gì về việc làm của mình, không phải thanh toán với ai cả. Nguyên-tắc thì thế, nhưng trong thực tế, các sự kiện lại khác. Về tài-sản chung của hai vợ chồng, không những là chồng có quyền mà phải nói là vợ cũng quyền nữa. Trong gia-đình, người đàn bà thường phải đảm nhiệm mọi công việc mua bán, tiêu pha nên người vợ quen làm một mình những hành-vi liên quan đến tài sản chung tuy vẫn có sự kiểm-soát của chồng. Còn theo thói thường, vợ chồng cùng đồng ý để làm những hành-vi có tính cách quan trọng liên-hệ đến tài-sản chung và tài sản riêng của vợ. Ta vừa nói đến tài-sản riêng của vợ. Một câu hỏi được đặt ra : Vợ có tài-sản riêng không ? Có luật-gia cho rằng vợ không có tài-sản gì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

riêng cả, tất cả mọi tài-sản của người đàn bà khi đi lấy chồng hay được thừa hưởng khi đang có chồng đều hỗn nhập vào tài-sản của chồng và người chồng có quyền sở hữu về tất cả các tài-sản ấy cũng như các tài-sản khác của gia-đình. Do đó người chồng có quyền sử dụng tài-sản riêng của vợ không cần có vợ ưng thuận hay dự vào khế-ước mua bán. Thuyết đó có lẽ đúng với nguyên-tắc tổ-chức gia-đình xưa ; nhưng đã không để ý đến phong tục và cả luật-pháp xưa nữa. Đã hẳn là luật Gia-Long không nói đến danh từ tài-sản riêng và cả luật Hồng-Đức nữa. Nhưng nếu xét kỹ mấy điều khoản của luật Hồng-Đức ta thấy nhà lập-pháp triều Lê không phải là không biết đến tài-sản riêng của vợ. Điều 375 của luật ấy nói rằng, khi vợ chết trước chồng mà không có con, nếu cha mẹ đẻ còn sống, thì điền-sản của vợ về cha mẹ đẻ. Như vậy thì vợ có tài sản riêng. Nếu cha mẹ đẻ chết rồi thì điền-sản đó chia làm hai phần, một phần trả về cho nhà vợ để phụng-tự người vợ, một phần để cho chồng được hưởng hoa lợi hết đời. Ngoài ra, cũng trong luật Hồng-Đức, ta đã thấy những trường-hợp vợ ngoại-tình, vợ đánh chồng rồi bị tội, thì điền-sản đều phải để cho chồng. Đây chắc là luật muốn nói đến điền-sản riêng của vợ và bắt để điền-sản cho chồng là một biện-pháp trừng phạt. Nếu tài-sản riêng của vợ đã thuộc về quyền sở hữu của chồng, trong lúc hôn thú thì luật đã không phải cần thận nhắc đến như thế.

Như vậy, người vợ khi lấy chồng, vẫn có tài-sản riêng theo pháp luật xưa. Tài-sản ấy thường do chồng quản trị nhưng người vợ có thể tự quản-trị, tự bảo thủ lấy mà phong tục cũng muốn bảo vệ quyền lợi của người vợ chống lại những sự phá tán của chồng nên dần dà cho rằng người chồng không thể tự ý riêng mình sử dụng tài sản riêng của vợ mà không được vợ bằng lòng, công nhiên hay mặc nhiên. Không ai dám mua của riêng của vợ khi người chồng tự ý đem bán mà vợ không bằng lòng và từ chối không ký văn khế. Hơn nữa, nếu tài-sản của vợ là ruộng đất, tên người đàn bà sẽ ghi trong địa bạ, điền bạ. Vậy chủ mua muốn đổi được tên trong địa bạ, điền bạ tên mình, phải đòi cho được người vợ ký tên vào văn khế với tư-cách là người đứng bán, thì mới có thể xin cải trước trong sổ sách để làm chứng cớ cho quyền sở hữu của mình được. Nếu xảy ra trường hợp người chồng tự ý

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xử dụng tài-sản của vợ mà người vợ không bằng lòng, thì người vợ có tố-quyền đối với chồng không ? Như trên đã nói tới, cứ theo điều 504 luật Hồng-Đức cũng như luật điều 306 luật Gia-Long cho phép người ti ấu được kêu quan khi bị người tôn trưởng cưỡng chiếm tài sản thì có thể nghĩ là người vợ có quyền đem việc xử dụng trái phép của chồng trình lên quan để xin phân xử. Và nếu người vợ không khởi tố thì cha mẹ vợ có quyền ấy, để bảo vệ quyền lợi của con mình, trình quan để xin quan ngăn cấm sự bán nếu không có lý-do chính đáng. Thành thử, trong chế độ luật xưa, vợ chồng hợp tác chặt chẽ với nhau trong việc quản trị sản nghiệp chung ; đối với tập quán, ở điểm ấy, người vợ cũng gần bằng người chồng, về quyền lợi cũng như về quyền hành.

## *GIẢI TRỪ.*

**I) Nguyên-nhân.**— Hôn nhân trong luật xưa, giải trừ bằng xuất-thê và ly-dị. Luật Hồng-Đức chỉ có điều 310 nói đến xuất thê và điều 333 nói đến trường-hợp « *phân dị* », danh từ cùng nghĩa với ly-dị. Còn có mấy điều khác nữa, nói đến phân dị, nhưng có nghĩa là thủ tiêu hôn-nhân. Luật Gia-Long trong các luật điều 108 và 284 có quy-định nhiều hơn về xuất-thê và ly-dị, nhưng cũng không được mười phần rõ ràng.

Trước hết phải nhận xét là nhà lập-pháp xưa chỉ trù liệu đến các điều-kiện và thể-thức giải-trừ hôn-nhân đối với những hôn-nhân chính thức, nghĩa là giữa chồng và vợ chính. Còn đối với các vợ thứ, chồng có thể bỏ được bất cứ lúc nào, không cần điều-kiện và không có thể thức gì cả, vì giữa chồng và vợ thứ, không có hôn-nhân, mà gần như có một quyền sở hữu của chồng đối với nhân thân người vợ thứ.

Ngoài ra, giữa chồng và vợ chính, chỉ có chồng là có quyền xuất-thê hay đòi ly-dị, theo một thể-thức do luật định, còn người vợ không bao giờ được bỏ chồng hay đòi ly-dị với chồng, đó cũng chỉ là kết quả của chế độ Nam tôn Nữ ti thời trước.

Khi đọc đến luật điều 108 bộ luật Gia-long và các điều-lệ, chú-thích ở sau luật điều đó, ta thấy về vấn-đề giải trừ hôn nhân,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhà lập-pháp xưa dự liệu hai trường hợp chính là xuất thê tùy ý và ly-dị bắt buộc, và mấy trường-hợp đặc biệt nữa về ly-dị. Sẽ xin tuần tự xét về các trường-hợp ấy.

*1) Xuất thê tùy ý chồng.* — Đây là một thể thức giải trừ hôn-nhân : chồng « *bỏ vợ* », « *để vợ* ». Không phải là vô cớ chồng có thể bỏ vợ được. Đọc luật điều 108, ta thấy : khi vợ không ở vào một trong những trường-hợp thất xuất,... mà chồng tự ý bỏ vợ, sẽ bị phạt 80 trượng. Vậy chỉ có thể xuất thê, bỏ vợ, trong bảy trường-hợp « *thất xuất* » mà thôi. Lệ thất xuất này xuất hiện trong sách Đại-Đái Lễ Ký : 1 — bất thuận phụ mẫu (không kính cha mẹ chồng) là nghịch lại với đức ; 2 — không con, làm tuyệt dòng giõi ; 3 — dâm, làm loạn họ ; 4 — đố (ghen tuông) làm loạn nhà ; 5 — có ác tật (bệnh như bệnh phong) làm cho không thể cùng dâng lễ phẩm cúng tế được ; 6 — khẩu đa ngôn (lắm lời) làm cho người thân xa cách ; 7 thiết đạo (trộm cắp) làm trái điều nghĩa. Tất nhiên, đấy là những lỗi của vợ, làm duyên cớ cho sự xuất-thê của chồng. Đó là bảy trường hợp mà chồng có thể tùy ý bỏ vợ, nhưng không bắt buộc là phải bỏ vợ. Riêng về trường-hợp « *dâm* » (ngoại tình) điều-lệ 1 của luật điều 108 lại định khác, như sẽ thấy sau nầy. Ngoài các trường-hợp ấy, đoạn sau của điều-luật thêm một trường-hợp xuất-thê tùy ý chồng. Đó là trường-hợp vợ tự tiện bỏ chồng trốn đi, khi ấy vợ sẽ phải phạt 100 trượng và tùy-ý chồng muốn đem gả bán cũng được (luật lại còn thêm nếu vợ bỏ chồng trốn đi mà lại đi lấy chồng khác sẽ bị tội giảo).

Ta vừa thấy luật xưa, đãi ngộ vợ và chồng khác nhau quá xa. Luật để quyền cho chồng được tùy ý xuất thê khi có duyên cớ, chồng không phải kiện cáo gì mới bỏ được vợ, chỉ « *cho vợ mấy chữ về lấy chồng khác* » hay « *phú về trả cha mẹ vợ* ». Nhưng có thể hỏi rằng người vợ khi bị chồng bỏ một cách oan ức, nghĩa là một trong bảy điều thất xuất do chồng nại ra đó, không đúng sự thật, thì vợ có quyền khiếu nại với quan không. Tưởng có thể trả lời là có, vì chính luật định rằng nếu vô cớ mà chồng bỏ vợ, sẽ bị phạt 80 trượng vậy có thể nghĩ rằng người vợ có thể yêu cầu quan can thiệp để xem duyên cớ mà người chồng nại ra có chính đáng không, để xét xem việc bỏ vợ có hợp pháp không. Nếu quan xét là vô cớ xuất thê, chồng sẽ phải phạt như luật định.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng, tuy phạm phải một trong những trường-hợp thất-xuất, người chồng không thể bỏ vợ được nếu lại ở vào một trong ba trường-hợp ngăn trở gọi là « *tam bất khứ* ». Trong Khổng-tử Gia-ngữ, thiên Bản mệnh giải, có chép : « *Tuy vợ phạm phải thất xuất, nhưng có ba điều làm cho không thể bỏ vợ được* » (tam bất khứ). Đó là : vợ không thể trở về với ai được nữa, vợ chồng cùng nhau đã để tang ba năm, vợ chồng trước nghèo hèn, sau giàu sang.

Nếu vợ ở vào một trong ba trường - hợp ấy, chồng không được tùy ý bỏ vợ nữa, nếu không, sẽ bị trừng phạt. « *Nếu chồng cứ theo lòng mình mà bỏ vợ, sẽ phải phạt 60 trượng và phải đem vợ về* ». Ba trường-hợp ấy được bàn đến trong sách Đại-Đái Lễ-Ký : Nếu vợ đã để tang cha hay mẹ chồng ba năm, đó là theo lời dạy ở Kinh-Lễ, thiên Nội tắc : vợ được chồng vừa lòng, nhưng không được cha mẹ chồng ưa thì chồng phải bỏ vợ, vợ không được chồng vừa lòng, nhưng cha chồng bảo rằng con dâu khéo phụng-dưỡng thì con phải giữ vợ suốt đời, không được bỏ. Vợ đã để tang cha chồng hay mẹ chồng trong ba năm, chắc là vợ đã cùng ở với cha mẹ chồng và đã phụng dưỡng, nếu chồng bỏ vợ là trái ý cha mẹ, thế là bất-hiếu. Nếu xưa nghèo hèn mà nay giàu sang, vì đổi địa-vị, mà chồng bỏ người vợ đã từng chịu khổ với mình, là bất nhân. Nếu bên nhà vợ không còn ai để vợ trở về được, mà bỏ vợ đói rét, thì cũng là bất nhân. Nhà đạo đức cũng là nhà lập pháp xưa, giải thích ba trường-hợp không thể bỏ vợ như thế. Tuy nhiên, xem ra nhà lập pháp triều Gia-Long có định một ngoại lệ cho trường-hợp tam bất-khứ. Trong điều lệ của luật điều 108, ta đọc thấy : khi vợ ở vào một trong những trường-hợp thất-xuất, và lại ở vào một trong những trường-hợp tam bất-khứ, vợ không thể bị chồng tự ý bỏ được, nếu vợ phạm tội thông gian thì không theo lệ này. Ngoại lệ đó cho người chồng được tùy ý bỏ vợ.

*2) Ly-dị bắt buộc.* — Luật điều 108 có nói : « *Khi vợ không làm gì đến nỗi nghĩa tuyệt mà chồng tự ý bỏ vợ, sẽ bị phạt 80 trượng* ». Lời chú thích thêm : « *Khi phạm vào thất xuất, luật cho phép bỏ vợ, nhưng thế không có nghĩa là chồng bắt buộc phải bỏ vợ, còn khi nghĩa tuyệt thì khác. Khi nghĩa tuyệt, pháp luật bắt*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*buộc vợ chồng phải ly-dị* ». Kể cũng cần biết nghĩa tuyệt là gì vì đó là duyên cớ mà pháp luật công-nhận để bắt buộc ly-dị. Vậy mà trong luật Gia-Long, không có chỗ nào định nghĩa rõ ràng hai chữ nghĩa tuyệt cả.

Theo lời chú thích của luật điều 108, nghĩa tuyệt là khi nào có những hành-vi, không những trái với tình thương yêu giữa vợ chồng mà lại trái với lẽ nữa ; « *nghĩa* », đây có thể hiểu là bổn phận tối cao chi phối chặt chẽ mọi quan hệ giữa vợ và chồng.

Các trường-hợp nghĩa tuyệt không được định rõ trong luật. Chính luật văn cũng nói là không định nghĩa nghĩa-tuyệt sẽ tìm thấy các thí-dụ tản mát trong các luật điều. Đại để thì nghĩa tuyệt là khi vợ có ngoại tình, dù chồng làm ngơ hay khuyến khích, khi chồng đem vợ cầm cố cho người khác, khi vợ đánh chồng không kể thương tích nặng nhẹ, khi chồng đánh vợ đến triết thương.

Về hai trường-hợp sau này, có mấy điểm khó hiểu. Lời chú thích của các luật điều 108 và 284 có vẻ tương phản nhau. Theo chú thích của luật điều 108, khi nghĩa tuyệt, vợ chồng bắt buộc phải ly-dị, nhưng cũng có khi không phải ly dị. Thí dụ vợ đánh chồng hay chồng đánh vợ đến triết thương, là nghĩa tuyệt và không thể không bắt ly dị. Thế mà luật điều 284 lại nói : « *Vợ đánh chồng sẽ bị trượng 100, nếu chồng muốn ly-dị, sẽ được phép* ». Rồi nhà lập pháp bàn thêm rằng ly-dị là theo phép, còn không ly dị là theo tình. phép cũng phải thuận tình, không phải vì giữ phép mà tổn đến tình vậy nên để tùy chồng muốn ly-dị hay không. Hai điều luật mâu-thuẫn nhau như vậy. Có một cách giải-thích là trong trường hợp ấy, chồng có thể bỏ vợ và nếu vợ khiếu nại, quan sẽ không cho đoàn tụ, và như vậy, ly-dị thành ra bắt buộc. Về trường-hợp sau cũng vậy, cũng có chỗ không phù-hợp giữa luật điều 108 và luật điều 284 cùng giữa các lời bàn và chú-thích của hai luật điều ấy. Điều 284 định rằng trong trường-hợp chồng đánh vợ đến triết thương, pháp quan sẽ hỏi xem chồng và vợ có muốn ly dị không, nếu họ muốn, sẽ định hình phạt và cho ly-dị, nếu họ không muốn, sẽ định hình phạt rồi cho nộp tiền chuộc, vợ chồng được phép đoàn tụ. Đến lời bàn lại

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nói rõ thêm, khi chồng đánh vợ đến trết thương, tuy chồng phạm lỗi làm cho nghĩa tuyệt, nhưng vợ không được bỏ chồng, vậy phải hỏi hai vợ chồng nếu họ muốn thì cho ly-dị nếu chỉ một người muốn, còn người kia không muốn thì không cho phép ly-dị, vậy thì ly dị lại không bắt buộc nữa. Ta thấy các điểm đó không rõ ràng nhưng đều có ý muốn dành ưu vị cho người chồng trong các trường-hợp ấy, và ý muốn của chồng là thắng thế.

Ở luật điều 306 trừng phạt những sự vi phạm giáo lệnh, còn có mấy trường-hợp nghĩa tuyệt: rể đi xa vắng mà cha mẹ vợ ở nhà đem gả vợ cho người khác, hay cha mẹ vợ đuổi rể đi mà cưới rể khác, khi đã có vợ chính lại nói dối là chưa có để đi lấy vợ chính khác và đem vợ chính xuống làm vợ thứ, khi đem cầm cố vợ, nói dối là chị em của mình.

Nếu đã gặp trường hợp nghĩa tuyệt mà vợ chồng vẫn cứ ở với nhau, là một việc bất hợp-pháp, và người chồng sẽ phải phạt 60 trượng.

Như vừa nhận xét trên, quan-niệm «*nghĩa tuyệt*» trong luật Gia-Long không được giải-thích rõ ràng, Luật Hồng-Đức lại xếp «*thất xuất*» vào với nghĩa tuyệt và quy-định trong điều 310 rằng: «*Vợ đã phạm phải điều nghĩa tuyệt, như thất xuất, mà chồng ẩn nhẫn không bỏ thì phải tội biếm tùy theo nặng nhẹ*». Thành thử, trong cả hai bộ luật, thật là khó mà minh định được khi nào ly-dị là tùy ý chồng, khi nào ly dị là bắt buộc.

Đến đây, phải hỏi rằng thế thì xuất thê có khác ly-dị ở chỗ nào không? Theo luật điều 108 luật Gia-Long thì nhà lập pháp xưa không phân biệt rõ hai sự trạng ấy. Vậy nên cũng khó mà nói rõ được là trong luật xưa, xuất thê và ly-dị là hai thể chế khác nhau hẳn, có diện mục riêng và thể thức riêng.

Theo luật điều 108 nói trên, thì có thể cho rằng việc xuất thê là tùy ở ý chí riêng của chồng, còn ly-dị thì phải do pháp quan tuyên cáo. Vì luật điều nói rằng: mỗi khi mà người vợ không ở vào trường-hợp nào để bị «*xuất*» và cũng không làm việc gì

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đến nỗi nghĩa tuyệt, thì chỉ vì tự ý mình mà xuất thê sẽ phải phạt 80 trượng, nên có thể hiểu rằng đấy là muốn nói đến việc xuất thê, theo ý muốn riêng của chồng, chứ không phải nói đến ly-dị. Nhưng nếu không phải một trong các trường-hợp thất xuất, và một trường-hợp nghĩa tuyệt, thì phải có pháp quan cho ly-dị mới được. Lại còn một câu hỏi nữa là nếu người vợ ở vào trong một trường hợp thất xuất và ở cả vào một trường-hợp tam-bất-khứ, thì chồng có thể đòi ly-dị vì những duyên cớ khác ngoài thất xuất không? Ta có thể trả lời là có, nhưng khi ấy chồng không thể tự ý xuất thê được mà phải xin ly-dị để pháp quan xử cho. Câu trả lời đó căn cứ vào điều lệ 1 của luật điều 108 : « *Khi vợ ở vào một trường hợp thất xuất, và lại có một trường hợp tam-bất-khứ, thì vợ không thể bị bỏ (xuất) do tự ý chồng được* ». Lại căn cứ cả vào lời bàn cũng của luật điều ấy : « *Nếu vợ không ở vào trường-hợp thất xuất, thì không có lý do gì để chồng bỏ vợ, và nếu vợ không làm gì đến nỗi nghĩa tuyệt, thì vợ không có lỗi gì để chồng phải bỏ, nếu khi ấy chỉ tự ý mình mà chồng bỏ vợ thì phải phạt trượng 80* ».

Phân tích các điều khoản ấy, có thể kết luận là nhà lập pháp xưa nhận có một sự khác nhau giữa các lý do và các thể thức của sự xuất thê và sự ly-dị. Khác với ly-dị, phải cần có pháp quan can-thiệp đến, khi xuất thê thì chồng trao cho vợ một tờ giấy trong đó nói chồng bỏ vợ và giao trả về gia-đình nhà vợ, thể thức thật là giản-dị.

3) *Các trường-hợp ly-dị khác.* — Ngoài các trường-hợp đã kể trên, nhà lập pháp còn dự liệu mấy trường-hợp ly-dị nữa.

*a) Ly-dị vì lỗi của rể.* — Riêng luật Hồng-Đức có dự liệu đến một trường hợp ly-dị khá đặc-biệt, là khi còn rể lấy chuyện phi lý mà mắng nhiếc cha mẹ vợ, việc đem thưa quan sẽ cho ly-dị (điều 333).

*b) Ly-dị thuận tình* — Luật Gia-Long định rằng nếu chồng và vợ không hòa hợp với nhau và cả hai muốn chia lìa nhau, thì không phải tội. « *Khi họ tình tình không hợp nhau thì không thể cưỡng bách họ đoàn tụ được* ». Lời chú thích còn nói rõ thêm là :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không thể hòa hợp được với nhau, chỉ có nghĩa là tính nết không hợp nhau ; thế là tuyệt tình, chứ không phải tuyệt nghĩa. Trong trường hợp ấy, ly-dị được để tùy ý, theo ý muốn của hai vợ chồng, chỉ cần hai vợ chồng đều đồng ý muốn chia rẽ nhau, không cần phải có quan nha nào can-thiệp. Theo thói thường thì hai vợ chồng làm giấy tờ trong đó khai rõ ràng rằng họ ưng ly-dị cùng nhau. Tờ đó làm thành hai bản, mỗi bên giữ một bản, cũng không bắt buộc hai vợ chồng phải nói trong tờ giấy họ ký kết đó, những nguyên do khiến họ thuận tình ly-dị.

c) — *Ly-dị vì chồng bỏ đi* — Ở đây, hai bộ luật xưa quy định có khác nhau. Luật Hồng-Đức, trong điều 308, định rằng : « *Phàm chồng bỏ lửng vợ (sơ thê) năm tháng không đi lại thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì hạn một năm, vợ được trình với quan sở tại và xã quan làm chứng* ». Bỏ lửng vợ là thế nào ? Là chỉ bỏ vợ ở một nơi, không ngó tới hay người chồng đi xa biệt tích ? Luật không nói rõ nhưng thêm rằng : Nếu chồng vì việc quan phải đi xa thì không theo luật này. Vậy sơ thê có thể hiểu là chồng bỏ đi xa, mà không tin tức gì cho vợ biết cả. Còn luật Gia-long lại định rằng chồng bỏ vợ và trốn đi mất tích, nếu trong hạn ba năm, mà vợ cũng lại bỏ nhà chồng mà không xin phép quan, phải 80 trượng ; nếu vợ tự ý cải giá thì phải phạt trượng 100 (luật điều 108). Bỏ đi mất tích có nghĩa là người chồng bỏ hương quán mà đi sau khi phạm tội, hay là sau thời loạn lạc vì chiến chinh, giặc dã, hay vì vốn quen sống nay đây mai đó. Còn trong những trường-hợp khác, thí dụ chồng đi buôn bán, hay đi tìm kiếm thân nhân đi vắng, hay « *những nguyên do giống thế* thì không thể nói là chồng đã đi mất tích. *Trong trường-hợp ấy, dù người chồng không trở lại, sau khi đi bất cứ bao nhiêu năm, cũng không kể vào lệ này* ». Còn khi chồng trốn đi mất tích, vợ không còn ai để nương tựa, nếu cứ bắt người vợ đợi mãi, thì như thế là không hợp với nhân tình. Đó là lời chú thích của luật điều 108 về trường hợp người chồng thất trung. Cứ lời văn của luật điều 108, ta thấy rằng người vợ chỉ bị tội nếu chính mình bỏ nhà chồng đi, và trong thời hạn ba năm, sau khi chồng đi mất. Vậy thì có thể kết luận rằng người vợ không bị tội nếu đã trình quan để quan định đoạt cho,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mà cho phép về ở nhà mình hay đi lấy chồng khác. Ta có thể tin như thế là đúng luật vì lời chú thích thêm rằng : « *Nếu người chồng trốn đi và đã mất tích quá ba năm rồi, người vợ được đến trình quan để xin phép đi lấy chồng. Trong trường hợp ấy, người vợ đã làm đúng theo luật* ». Ý lời chú thích còn tiếp : « *Nếu khi người chồng đã trốn đi mất tích không còn tin tức gì*, người vợ còn phải đợi ba năm đã rồi phải trình quan để quan quyết định cho ».

*d) Ly-dị vì người vợ trốn đi.* — Luật Hồng-Đức có dự liệu trường-hợp này trong điều 321 : Vợ thiện tiện bỏ nhà chồng đi, thì phải tội đồ làm xuy thất tỳ, đi lấy chồng khác, phải đề làm thung thất tỳ, người và điền sản phải trả về nhà chồng cũ. Luật Gia-long trong luật điều 108, định khác : Nếu chồng không có ý muốn chia rẽ mà vợ thiện tiện bỏ chồng mà đi sẽ bị phạt 100 trượng, và tùy ý chồng được gả vợ hay bán vợ đi. Nếu đi trốn mà lại tự ý lấy chồng khác thì bị giảo giam hậu. Ta thấy nhà lập pháp xưa, triều Lê cũng như triều Nguyễn đã tỏ ra rất nghiêm khắc đối với đàn bà hơn là đối với đàn ông, khi vợ hay chồng bỏ đi. Điều đó cũng không lấy gì làm lạ. Đàn bà có bổn phận tòng phu, khi khiếm khuyết bổn phận ấy, tất là bị phong tục cũng như pháp luật kết-án nặng nề.

**II) Hậu quả của sự giải trừ hôn-nhân.**— Người vợ bị bỏ hay ly-dị được chồng hay quan tùy trường-hợp, cấp cho giấy tờ chứng minh rằng hôn-nhân đã giải trừ, người đàn bà trở về nhà mình và không còn liên quan gì đến chồng và gia-đình nhà chồng nữa. Vợ chồng ly-dị có quyền tái thú, tái giá, kể cả người vợ bị bỏ (xuất). Luật xưa không nói gì đến thời gian sau khi ly-dị trong đó người đàn bà chưa thể đi lấy chồng được để tránh khi sinh con ra không rõ là con của ai. Hôn-nhân đã giải trừ tất nhiên là sẽ thủ tiêu cả chế độ phu phụ tài sản. Luật xưa không có quy định nào rõ ràng về điểm này, thành thử ta không nói được đích xác những quyền lợi của người vợ ly-dị. Vả lại vấn đề này tùy thuộc vào một vấn đề

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

to rộng hơn, mà ta phải giải quyết trước, đó là vấn đề người đàn bà có chồng có của riêng không và có được hưởng một phần của chung vợ chồng làm ra trong thời-gian hôn-nhân không, như đoạn trên đã nói tới. Căn-cứ vào các điều 374 trong luật Hồng-Đức ấn định việc chia tài sản của người vợ tái giá, người chồng tái thú và các điều 375, 376 cũng luật ấy về việc chia điền-sản của vợ chồng chết không con, thì ta thấy rằng cứ luật triều Lê, người vợ có của riêng. Cũng trong luật ấy, riêng về trường hợp người vợ cả hay lẽ ngoại tình, có quy định rằng vợ bị tội lưu, điền-sản để cho người chồng. Quy định ấy bao hàm một ý trừng phạt đối với người vợ phạm lỗi. Nếu khi hôn-nhân giải trừ người vợ không có lỗi, mà toàn thể tài-sản lại giao cả cho chồng thì thật là bất công. Theo phong-tục thì ta thấy trong trường hợp xuất thê, nếu vợ chồng đã có con, người vợ không được đem về các tài sản riêng nghĩa là tài sản người vợ có lúc cưới hay được hưởng trong lúc hôn-nhân. Các tài sản ấy lẫn vào trong khối tài-sản chung mà người chồng có quyền quản trị, vì tài sản là để cho con. Người vợ được lấy về đồ nữ trang, quần áo, vật dụng riêng của mình, và người chồng thường trao cho một số tiền nhiều ít tùy theo của riêng của vợ nhiều ít và tùy theo người vợ đã góp phần vào sự tạo lập tài sản chung nhiều hay ít, số tiền ấy lại còn tùy cả lỗi nặng hay nhẹ của người vợ nữa. Nếu vợ chồng chia con, thì có thể chia cả tài sản nữa. Nếu không có con, thì chồng trả lại của riêng của vợ và một nữa tài sản chung. Khi ly-dị, chứ không phải xuất thê thì hậu quả về phương-diện tài sản của vợ cũng giống như thế. Tuy nhiên, cứ các điều khoản trong luật Hồng-Đức nói trên thì trong các trường-hợp ly-dị mà vợ không có lỗi, chắc chắn là ít nhất người vợ cũng lấy lại được điền sản riêng của mình. Còn về các con, ta cũng nhận thấy là luật xưa không nói gì đến cả. Thường thường theo phong-tục thì vợ chồng có thể thỏa thuận chia con, còn theo nguyên-tắc thì các con phải ở lại với cha. Sự kiện ấy phù hợp với những nguyên-tắc thiết yếu của tổ-chức gia-đình ngày xưa. Con tuy ở với cha, nhưng không phải là không còn liên-lạc gì với người mẹ đã

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ly-dị hay bị bỏ (xuất mẫu). Thật vậy, luật xưa bắt con để tang người mẹ bị bỏ (xuất mẫu) cũng như để tang người mẹ tái giá (giá mẫu) là ti thôi một năm. Sự giáng phục ấy bao hàm ý có chút sơ tình giữa mẹ và con.

*
* *

Trên đây đã khảo-sát một cách rất sơ lược về chế-độ hôn-nhân ngày trước. Cũng như mọi thể thức khác trong xã-hội, hôn-nhân đã trải qua nhiều biến thái để có diện mục ngày nay. Thể chế đó có tiến hóa thế nào đi nữa, câu : « *Có trời đất rồi mới có vạn vật, có vạn vật rồi mới có nam nữ, có nam nữ rồi mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi mới có cha con, vua tôi* », trong sách Chu Dịch vẫn là chân-lý vĩnh-cửu.

NGUYỄN - TOẠI

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# ĐỜI SỐNG VIỆN ĐẠI-HỌC

## VẤN-ĐỀ DỰ-ÁN QUI-CHẾ VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

*NGÀY 14-4-1958 vừa qua, lúc 15 giờ tại Phòng Hội-đồng Tòa Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế, Hội-đồng Tư-vấn Lâm-thời của Viện đã họp một phiên họp đặc-biệt để thảo-luận về dự án qui-chế Viện Đại-học Huế.*

*Buổi họp do Linh-mục Viện-trưởng Cao-văn-Luận chủ-tọa. Ngoài các giáo-sư của Viện Đại-học, người ta còn nhận thấy sự hiện-diện của quý-vị: Đổng lý Văn Phòng Tòa Đại-biểu Chính-phủ tại T. N. T. P., Tỉnh-trưởng Thừa-thiên, Chưởng-Lý Tòa Thượng-thẩm Huế và một số lớn nhân-sĩ cùng công-chức cao-cấp, hội-viên của Hội-đồng Tư-vấn.*

*Linh-mục Viện-trưởng đã trình trước Hội-đồng bản dự-án qui-chế của Viện Đại-học Huế do một tiểu-ban soạn thảo gồm có các giáo-sư và nhân-viên hành-chánh nghiên-cứu trong mấy tháng nay.*

*Bản dự-án gồm có 168 điều, chia làm 3 mục:*

— Mục mở đầu: Mục-đích và nguyên-tắc học vấn. (Điều 1 — Điều 5)

— Mục II: Các cơ-quan điều hành. (Điều 6 — Điều 109)

— Mục III: Cách tổ-chức học-vấn. (Điều 110 Điều 168)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Linh-mục Viện-trưởng yêu cầu Hội-đồng thảo-luận để :*

1) Chấp thuận những nguyên-tắc chung của bản dự-án.

2) Sửa đổi, chấp-thuận các điều khoản sau một thời gian nghiên-cứu kỹ càng.

*Trong phiên họp đầu tiên này, ngoài sự chấp-thuận các nguyên tắc chung của bản dự-án, Hội-đồng Tư-vấn đã thảo-luận, sửa đổi và chấp-thuận 28 điều trong số 168 điều do Ủy-ban soạn thảo đã đưa ra.*

*Trong số các điều đã được chấp-thuận, chúng tôi nhận thấy có một vài điểm, mang một sắc thái đặc biệt phản-ảnh tinh-thần văn hóa, ý chí xây-dựng của Viện Đại-học Huế. Trong Mục I, điều 2, chúng ta nhận rõ ngay rằng : Viện Đại-học Huế là một nơi :*

— Nghiên-cứu và phổ-biến các ngành khoa-học và phát-huy nền văn-hóa Việt-nam ;

— Giúp vào việc đào-tạo các công-dân có khả-năng phục-vụ quốc-gia.

*Thành-thử Viện Đại-học đã tự đặt cho mình một sứ-mệnh xây-dựng trên nhiều phương-diện : phổ-biến khoa-học, phát-huy văn-hóa Việt-nam, đào-tạo các công-dân có khả-năng phục-vụ nước nhà — Muốn đạt cứu-cánh đó, Viện cần thấy phải* « có tư-cách pháp-nhân và có quy-chế riêng » *(Điều 4, mục I) hai điều cần thiết để có thể hoàn thành sứ-mệnh xây-dựng và phục-vụ.*

*Tuy là một cơ-quan thuộc Bộ Quốc-gia Giáo-dục, nhưng vì* « có tư-cách pháp nhân và có qui-chế riêng » *cho nên Viện yêu cầu* « về phương-diện tài chính, Viện-trưởng là Thanh-toán-viên Ngân-sách Quốc-gia, và chuẩn-chi ngân-sách Đại-học » *(Điều 20 — Mục II, chương I — Tòa Viện-trưởng). Lẽ tất nhiên quyền hạn ấy của Viện-trưởng sẽ được ấn-định rõ ràng, và bản dự-án qui-chế đã đưa ra trong chương IV của mục III mà Hội-đồng chưa thảo-luận.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Sau khi đã chấp thuận 28 điều gồm mục I và chương I trong mục II về cơ-quan điều hành, Hội-đồng đã bế-mạc lúc 18 giờ 30 sau khi đã chấp-thuận đề-nghị của Viện-trưởng.*

*— Các hội-viên của H. Đ. T. V. L. T. sẽ tiếp-tục nghiên-cứu bản dự-án Qui-chế và sẽ tiếp-tục thảo luận, sửa đổi, chấp-thuận trong những phiên họp khác sau khi Linh-mục Viện trưởng công xuất ở ngoại quốc về.*

## MÙA THI CỬ

*Hôm 16-5-1958, Hội-đồng giáo-sư đã họp để ấn-định ngày và thể-thức thi-cử cuối năm của các trường thuộc Viện Đại-học Huế.*

*Ban Văn-khoa và Toán bắt đầu thi ngày 23-6-1958*

*Ban Luật và Khả-năng luật-khoa thi ngày 26-6-1958.*

*Trường Cao-đẳng Sư-phạm sẽ thi từng tuần kể từ đầu tháng 6.*

## THỂ-THỨC KỲ THI CUỐI NĂM DỰ-BỊ VĂN-KHOA

*Kỳ thi gồm có thi viết và thi vấn-đáp. Thi viết gồm có bốn môn thi trong 2 ngày liên tiếp*

| Môn thi | Thời hạn | Hệ số |
|---|---|---|
| 1.— Triết-học (luận) | 4 giờ | 4 |
| 2.— Việt-văn (luận) | 4 giờ | 4 |
| 3.— Một ngại-ngữ Anh Pháp (luận) hoặc Hán (2 bài dịch) | 3 giờ | 3 |
| 4.— Một ngoại-ngữ thứ hai (dịch) hay Sử-địa (khảo-luận). | 2 giờ | 2 |

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Thi vấn-đáp cũng gồm 4 môn kể trên và cùng một hệ-số. Sinh-viên đã chọn môn nào để thi viết, thì phải thi luôn cả môn ấy về vấn-đáp.*

*Trong kỳ thi viết cũng như vấn-đáp, số điểm sẽ cho từ 0 đến 20.*

*Thí-sinh nào có điểm số trung-bình các bài thi viết dưới 6/20 vào khóa thứ Nhất, sẽ không được thi lại khóa thứ 2.*

*Thí-sinh nào được điểm trung bình trở lên về các bài thi viết, sẽ được vào vấn-đáp.*

*Nếu hỏng vấn đáp khóa thứ Nhất, sinh-viên được thi lại vấn đáp khóa thứ 2. Tuy nhiên quyền lợi nầy chỉ có hiệu lực trong phạm-vi một niên-khóa mà thôi.*

*Các sinh-viên có bổn phận phải theo dỏi kết-quả kỳ thi viết để lâm-thời vào vấn-đáp tổ chức ngay sau đó.*

*Được điểm số trung-bình 10/20 về tất cả các bài thi viết và vấn đáp, thí sinh được coi là trúng-tuyển và được xếp hạng theo thứ-tự sau đây :*

| | | | |
|---|---|---|---|
| — Thứ hạng : | điểm số trung-bình từ | 10/20 | trở lên |
| — Bình thứ : | nt | 12/20 | — |
| — Bình hạng : | nt | 14/20 | — |
| — Ưu hạng : | nt | 16/20 | — |

*Trong khi thi viết cũng như vấn-đáp, Hội-đồng Giám-khảo sẽ để ý đến sự chuyên-cần của mỗi sinh-viên cũng như điểm số các bài sinh-viên đã làm ở lớp trong toàn niên-khóa.*

**THỂ-THỨC THI CỬ CUỐI NĂM THỨ NHẤT CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.**

*Kỳ thi gồm có thi viết và thi vấn-đáp.*

**Thi viết.** — *Thi viết gồm có hai môn. Mỗi môn thi*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trong 3 giờ và cùng trong một ngày. Môn thứ nhất là Dân-luật. Môn thứ hai là một trong ba môn (Hiến-pháp, Kinh-tế, Pháp-chế-sử) luật-khoa, học bằng tiếng Việt, chỉ định bằng cách bốc thăm. Cuộc bốc thăm này được tổ-thức 3 ngày trước kỳ thi viết mỗi khóa, có đại-diện sinh-viên Luật-khoa tham dự. Trong lúc bốc thăm, những môn toàn-niên sẽ có hai phiếu, môn bán niên một phiếu.

Các đầu-đề thi viết do Hội-đồng Giám-khảo, gồm các giáo-sư Luật-khoa Viện Đại-học Huế, chọn lựa. Các sinh-viên được quyền chọn một trong hai đề thi đối với mỗi môn thi viết.

Điểm số các bài thi viết, sẽ cho từ 0 đến 20. Muốn được vào vấn-đáp phải có điểm trung bình trở lên. Tuy nhiên nếu trong 2 bài thi viết có một bài thi chỉ có điểm số dưới 5 thì sinh-viên có thể bị loại bởi quyết định đặc-biệt của Hội-đồng Giám-khảo.

Sinh-viên được vào vấn-đáp khóa thứ nhất, sẽ khỏi thi viết lại khóa hai nếu hỏng vấn đáp. Nếu sinh-viên đậu kỳ thi viết khóa thứ 2 nhưng hỏng vấn-đáp thì qua năm sau phải thi lại kỳ thi viết và vấn-đáp.

Sinh-viên nào có điểm trung-bình thi viết dưới 6/20 ở khóa thứ nhất sẽ không được dự thi khóa thứ hai.

Sinh-viên nào không dự thi khóa thứ nhất, hoặc vì đau ốm, hoặc vì lý do chánh đáng khác, phải xuất trình chứng-từ hợp-lệ, nếu không sẽ không được dự thi khóa thứ hai.

**Thi vấn-đáp** — Sinh-viên đã đậu kỳ thi viết phải vào vấn-đáp tất cả các môn đã học kể cả môn quốc-tế công-pháp bằng tiếng Pháp, và ngoại trừ môn thứ hai đã được chỉ định để thi viết.

Sau khi thi viết sinh-viên có bổn phận phải theo dõi kết-quả để vào vấn-đáp được tổ-chức liền sau đó. Nếu sinh-viên không vào vấn-đáp khóa thứ nhất và không có lý do chính đáng sẽ không được vào vấn-đáp khóa hai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Trong lúc thi viết cũng như vấn đáp, Hội-đồng Giám-khảo sẽ để ý đến sự chuyên cần của mỗi sinh-viên cũng như điểm số của họ trong các kỳ thực tập.*

*Các sinh-viên trúng tuyển sẽ được xếp hạng như sau tùy theo điểm số trung-bình cả kỳ thi viết lẫn vấn đáp.*

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Thứ hạng** | **: Điểm số trung-bình** | **:** | **10, 11, 12** |
| **Bình thứ** | **: —** | **:** | **13 ; 14** |
| **Bình hạng** | **: —** | **:** | **15, 16** |
| **Ưu hạng** | **: —** | **:** | **17 trở lên** |

## THỂ-THỨC THI-CỬ CUỐI NĂM THỨ NHẤT NĂNG-LỰC LUẬT-HỌC

*Kỳ thi gồm có thi viết và thi vấn-đáp*

**Thi viết.** — *Thi viết gồm có hai môn. Mỗi môn thi trong 2 giờ. Môn thứ nhất là Dân-luật. Môn thứ hai là một trong ba môn luật Hình-chính, luật Hiến-pháp và Kinh-tế-học, chỉ định bằng cách bốc thăm. Cuộc bốc thăm này được tổ chức 3 ngày trước kỳ thi viết mỗi khóa, có đại-diện sinh-viên Năng-lực Luật học tham dự. Trong lúc bốc thăm những môn toàn niên sẽ có hai phiếu, môn bán niên một phiếu.*

*Các đầu đề thi viết do Hội-đồng Giám khảo gồm các giáo-sư Năng-lực Luật-học Viện Đại-học Huế chọn lựa. Các sinh-viên được quyền chọn một trong hai đề thi đối với mỗi môn thi viết.*

*Trong lúc thi, mọi biện-pháp ngăn ngừa sự gian lận đều được thi-hành ; sinh-viên không được dùng bất cứ một tài liệu sưu-tập gì cả Viện Đại-Học sẽ cung-cấp tất cả mọi thứ giấy thi.*

*Điểm số các bài thi viết sẽ cho từ 0 đến 20. Muốn được vào vấn-đáp thí-sinh phải có điểm trung-bình trở lên. Tuy-nhiên nếu trong 2 bài thi viết có một bài thi chỉ có điểm số dưới 5 thì sinh-viên có thể bị loại bởi quyết-định đặc-biệt của Hội-đồng Giám-khảo.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Sinh-viên hỏng vấn-đáp khóa thứ nhất, được phép thi lại vấn-đáp khóa thứ hai, khỏi phải thi viết trong khóa này. Nếu sinh-viên đậu kỳ thi viết khóa thứ hai nhưng hỏng vấn-đáp, thì qua niên khóa khác sẽ phải thi lại kỳ thi viết và vấn-đáp.*

*Sinh-viên nào có điểm trung-bình thi viết dưới 6/20 ở khóa thứ nhất sẽ không được dự thi khóa thứ 2.*

**Thi vấn-đáp.** — *Sinh-viên đã đậu kỳ thi viết, phải vào vấn đáp về tất cả các môn ngoại trừ môn đã được bốc thăm để thi viết.*

*Sinh-viên có điểm số « KHÔNG » vào một môn vấn đáp sẽ đương-nhiên bị loại.*

*Sau khi thi viết, sinh-viên có bổn phận phải theo dõi kết quả để vào vấn-đáp được tổ-chức liền sau đó. Nếu sinh-viên không vào vấn-đáp khóa nhất và không có lý do chính đáng sẽ không được vào vấn-đáp khóa 2.*

*Trong lúc thi viết cũng như vấn-đáp, Hội-đồng Giám-khảo sẽ để ý đến sự chuyên-cần của mỗi sinh-viên.*

*Các sinh-viên trúng tuyển sẽ được xếp hạng như sau tùy theo điểm số trung bình cả kỳ thi viết lẫn vấn-đáp:*

| | | | |
|---|---|---|---|
| Thứ hạng | : điểm số trung-bình | : | 10, 11, 12 |
| Bình thứ | : — | : | 13, 14 |
| Bình hạng | : — | : | 15, 16 |
| Ưu hạng | : — | : | 17 trở lên |

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

## NHÂN ĐỌC

# "ĐI TÌM MỘT CĂN-BẢN TƯ-TƯỞNG"

## *CỦA NGHIÊM-XUÂN-HỒNG,*

### ĐẶT VẤN-ĐỀ GIAI-CẤP LÃNH-ĐẠO

GẦN đây, Ông Nghiêm-xuân-Hồng có xuất-bản một cuốn khảo luận : *« Đi tìm một căn-bản tư-tưởng »*, ở dưới chua thêm « *nhận thức-luận* ». (1) Đọc xong tôi nhận thấy trước khi phê-bình cần phải thành-thực khen ngợi những nỗ-lực và thiện-chí của ông Hồng dù không đồng ý với ông. Ở cái thời có những người còn là học-sinh đã viết sách khảo-luận hằng hai ba trăm trang, bằng cách ăn cắp gần toàn bộ tư-tưởng trong sách người khác, như trường-hợp cuốn khảo-luận Kim-vân-Kiều mà một độc-giả đã tố-cáo trong báo Tự-do, hay những người không chuyên, không dạy triết-lý, viết triết-lý vài chục trang như viết tiểu-thuyết ba xu ngày xưa để kiếm ăn, có những cuốn sách như sách của ông Nghiêm-xuân-Hồng thật là hiếm hoi, và đáng khâm phục.

Qua những tác-phẩm của ông, tôi nhận thấy ông Hồng có một tham vọng thật lớn lao : muốn nhìn bao quát tư-tưởng nhân-loại, từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây, để xác định một căn bản tư-tưởng, đồng thời cũng nhằm một chủ-đích rõ rệt : coi căn-bản tư-tưởng đó như một lý-thuyết tranh-đấu chính-trị, xã-hội cho thời đại ta, nghĩa là áp-dụng chung cho toàn thế-giới và riêng cho Việt-nam.

Đó là một việc làm hết sức quan trọng và cấp bách vì liên hệ đến sự sống còn của mỗi người chúng ta, của dân tộc, nhân-loại. Nhưng chính vì tính-cách quan-trọng đó mà chúng ta cần thận trọng khi nhận định, tìm một hướng đi...

---

(1) Ông Hồng đã xuất-bản cuốn thứ hai : Lịch-trình-diễn-tiến của Phong trào quốc-gia Việt-nam. Tôi chưa được đọc, sẽ xin đề-cập sau.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mọi quả quyết thiển cận, vội vã có thể đưa lịch-sử vào những con đường bế-tắc, bại vong. Muốn tránh những sai nhầm lịch sử, cần gây một bầu không khí thảo-luận tự-do và sâu rộng về vấn-đề trên. Vấn-đề đó là: *Trong tình thế hiện tại, trước cuộc tranh-chấp Tư-bản Cộng-sản, đâu là con đường thoát và con đường thoát đó phải đặt trên một cơ sở lý-thuyết nào. Trong hoàn-cảnh Việt nam vừa thoát khỏi chế-độ phong-kiến và hiện nay một nữa là Cộng-sản, nếu không muốn trở lại phong-kiến và theo Cộng-sản, phải có một đường lối tranh-đấu gì và đặt trên một căn-bản tư-lưởng nào* ».

Ông Hồng đã đưa ra một lập-trường. Tôi không đồng ý với lập trường đó, nhưng tôi rất phân vân, khi có ý-định phê-bình quan điểm của ông Hồng vì tôi chưa có dịp trình-bày lập-trường riêng, nên e rằng lời phê-bình của mình sẽ có tính-cách tiêu-cực, chỉ trích suông. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy mình có thể, nhân đọc một cuốn sách, đặt vấn-đề sẽ đưa đến những phân tách lập trường của mình sau này. Ngoài ra tôi mong rằng những nhận xét của tôi sau đây sẽ được ông Nghiêm-xuân-Hồng trả lời lại và được các bạn độc giả tham gia góp ý kiến để gây thành một bầu không khí thảo-luận đứng đắn, xây-dựng.

*
* *

Trước khi đưa ra những nhận xét phê-bình, tôi xin trình-bày quan điểm của tác-giả về vấn-đề trên.

Chủ đích của ông Hồng là tìm một căn-bản tư-tưởng cho hoạt-động xã-hội bằng cách phê-bình tư-tưởng người xưa.

Theo tác-giả, tất cả tư-tưởng nhân-loại từ xưa đến nay, từ Đông sang Tây đều có thể xếp vào trong hai chủ.nghĩa Duy-tâm và Duy-vật, thêm vào đó, có chủ-nghĩa hiện sinh (existentialisme) ở Âu-châu hiện nay.

Sau khi đã trình-bày một cách so-lược mấy học-thuyết đó, tác-giả phê-bình quan-niệm duy-tâm, duy-vật là nhất-nguyên (monisme), « *lối lập luận đôi khi tương tự, chỉ khác nhau ở một điểm là một đằng lấy Tâm, một đằng lấy Vật làm thực-thể tuyệt-đối* » và chủ-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nghĩa hiện-sinh là nhị-nguyên (dualisme). Về duy-vật, duy-tâm, căn-cứ vào những kết-quả khoa-học hiện-đại đã thu lượm được, ông trách hai chủ-nghĩa đó có tính-cách phản khoa-học vì chỉ là quả-quyết hàm-hồ, không căn-cứ vào thực-nghiệm, và tính-cách phản biện-chứng vì biện-chứng mâu-thuẫn với mọi quan-niệm nhất-nguyên về nguồn-gốc về cách diễn-tiến của sự vật.

Về chủ-nghĩa hiện-sinh, ông xác-nhận giá-trị những nỗ-lực của khuynh-hướng này đã muốn vượt quan-niệm thô-thiển của duy-tâm duy-vật, đề ra một quan-niệm nhị-nguyên về người và vạn vật, nhưng ông chê phái hiện.sinh đã « *làm lẫn ở chỗ chỉ chú trọng tới thành phần phi-lý trong chủ-quan con người và phế bỏ gần như hoàn-toàn thành phần duy-lý* », do đó, không thể mặc một giá-trị phổ biến làm căn-bản chung cho mọi người.

Sau đó, tác-giả trình-bày thái-độ nhận thức của mình.

Thái độ đó là chỉ căn-cứ vào khoa-học, nghĩa là vào sự vật hiện-hữu có thể quan sát, chứng nghiệm được để tìm hiểu những « *thành phần cấu tạo và ấn định những luật tắc biến chuyển của các sự-vật* », mà không đặt vấn-đề bản-chất và cứu-cánh.

Nói cách khác, đó là thái-độ của nhà bác học, chỉ căn-cứ vào sự kiện (des faits), không phải thái-độ triết-lý, đặt vấn-đề nguồn gốc, cứu cánh sự-vật, sự kiện. Ví dụ : Nước là một sự kiện, nhà khoa-học chỉ tìm hiểu cách cấu tạo, biến thể của nó thôi và không đặt câu hỏi : Nước tự nó có hay do ai tạo nên ; nước để làm gì v.v...

Tại sao chỉ phải căn-cứ vào khoa-học, vì khoa-học đặt trên lý-trí, nghĩa là bao hàm một cơ-sở phổ-biến, ai ai cũng có thể chấp nhận được.

Vậy căn-cứ vào những kết-quả của khoa-học hiện đại, và đứng trên lập-trường của nhà khoa-học, tác-giả rút ra được hai nhận xét căn-bản làm nguyên-lý cho thái-độ nhận-thức của ông.

A. — « *Khoa-học và nền nhận thức nhân loại ngày nay đã tiến tới*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*chỗ công nhận quan-niệm nhị-nguyên làm tách-cảnh thiết-yếu của mọi sự-vật »* trang 135.

B. — « *Quan-niệm nhị-nguyên thiết-yếu không phải là một triết-trung chủ-nghĩa (éclectisme) mà trái lại, là một quan-niệm triết-học gắn liền với tư-tưởng biện-chứng* » trang 167.

Từ hai nhận xét căn-bản đó, ông Hồng chứng-minh rằng những khái-niệm về vật-chất, tinh-lực, lượng-tử, ba-động, liên-tục và gián-đoạn, duy-lý và phi-lý, tất định và vô-định v.v... đều là những ý-niệm vừa đối lập vừa bổ xung cho nhau, xác định cách cấu-tạo, vận-chuyển của sự vật. « *Nói cách khác, khoa-học đã phát-huy thành một quan niệm Nhị-nguyên làm tánh cách thiết-yếu cho mọi sự-vật* ». Trang 142.

Quan-niệm nhị-nguyên đó được chứng nghiệm trong phạm-vi khoa-học thiên-nhiên như vật-lý-hóa, đồng thời trong phạm-vi khoa-học nhân văn, về con người như sinh, tâm lý học... và sau cùng ngay cả trong phạm-vi lịch-sử, lãnh-vực xã-hội...

Sau khi đã chứng-minh rằng Quan-niệm nhị-nguyên là căn bản nhận-thức và hơn nữa, quan-niệm nhị-nguyên đó sẽ là biện chứng, ông Hồng sang phần thứ hai của cuốn sách. Trong phần này, ông Hồng trình-bày biện-chứng pháp theo Hegel, Marx, rồi phê-bình những điểm sai nhầm của Marx khi áp-dụng biện-chứng vào việc nghiên-cứu diễn tiến lịch-sử. Trước hết, biện chứng, theo ông Hồng, không thể phù hợp với một quan-niệm nhất nguyên như duy-vật, nhưng chỉ phù hợp với một quan-niệm nhị-nguyên thôi. Sau đó ông Hồng chỉ-trích Marx không « *ý-thức được rõ rệt quan-niệm về « Chu-kỳ biện-chứng » nên không thể xác-định được đứng đắn thực chất và vai trò của mỗi thời-kỳ, mỗi giai-cấp trong một chu-kỳ biện-chứng.* » Theo ông Hồng, « *có hai chu-kỳ biện-chứng, một chu-kỳ siêu-hình phát-triển theo đời sống thô-sơ hoặc du-mục đời thượng cổ, hay nông nghiệp thời trung cổ được mầu sắc thần bí và tôn-giáo ; còn chu-kỳ duy-lý phát-sinh từ đời sống, kỹ-nghệ thương-mãi cận-đại và hiện-đại phản ảnh rõ-rệt của nền khoa-học duy-lý do Descartes khởi xướng* ».

Marx nhầm lẫn ở chỗ đã lấy những nhận xét về chu-kỳ duy-lý để cắt nghĩa những vật đã xảy ra trong chu-kỳ siêu-hình.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vì không nhận-định được sự-kiện chu-kỳ, nên Marx đã « *tiến tới chỗ kết-luận chủ-quan và gán làm cho giai-cấp vô sản nhiệm-vụ xây-dựng tổng-hợp về lịch-sử* » trang. 199. Vì theo ông Hồng, trong chu-kỳ duy-lý, Tư-bản là chính đề, vô-sản là phản đề, nên vô-sản không thể thực-hiện được nhiệm-vụ ở tổng-hợp-đề ; giai-cấp đảm nhận việc xây dựng tổng-hợp-đề lịch-sử tất nhiên phải là tầng lớp tiểu-tư-sản.

Đó là một kết-luận thứ nhất : Trong quá trình diễn tiến của lịch-sử thế-giới, tầng lớp tiểu tư-sản sẽ đảm nhận vai trò tổng hợp đề lịch-sử mà vô-sản đã tự gán cho mình.

Kết-luận thứ hai : Nhìn quá trình diễn tiến lịch-sử trong hoàn-cảnh Việt-nam, ông Hồng cũng thấy rằng trong chu-kỳ duy-lý, chính đề là sự thống trị của tư-bản đế-quốc Pháp, phản đề là chính-quyền Cộng-sản miền Bắc, và hợp đề sẽ là « *Chính-quyền do trí-thức tiểu-tư-sản lãnh-đạo !* »

Tại sao lại trí-thức tiểu - tư-sản. Vì theo ông Hồng, đứng về phương-diện nhận-thức, họ là tầng lớp độc nhất có thể hiểu được « *một quan-niệm triết-học nhị-nguyên về con người để đảm đang nhiệm-vụ kiến tạo xã-hội tổng hợp đề* » trang 209 ; còn đứng về phương-diện những yếu-tố nội tại của con người, « *con người tiểu-tư-sản có đủ khả-năng hơn cả để lãnh-đạo một công-cuộc kiến-tạo có giá-trị* », vì họ không giàu quá, không nghèo quá, nên dễ dàng thực hiện một phân phối quân bình, hơn nữa, họ là tầng lớp đông đảo nhất, chiếm đại đa số trong xã-hội (80% đến 90% !!), rồi họ còn là những người chuyên-môn lãnh-đạo các cuộc cách-mạng kể cả cách-mạng vô-sản, sau cùng họ là những người có thể đồng hóa quyền lợi của mình với quyền-lợi của dân-tộc. Đó là những lý-do biện-chứng cho chủ trương giai-cấp lãnh-đạo do trí-thức tiểu-tư-sản theo ông Nghiêm-xuân-Hồng, được đặt trên một căn-bản tư-tưởng vững chắc là quan-niệm nhị-nguyên biện-chứng !

*
* *

Những nhận-xét sau đây không nhằm vào những chi tiết nhỏ mà tác-giả đã nhầm lẫn vì vô-ý hay chưa đủ rõ ràng (sans nuances) để tránh cái cảm-tưởng về một thái-độ phê-bình « *bởi lông*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*tìm vết, bới bèo ra bọ».* Tôi chỉ nhằm phê-bình những nét lớn những nhận-định căn-bản của tác-giả về vấn đề lập-trường, phương pháp nghiên-cứu và nội dung cuốn sách.

Hai cảm-tưởng lớn của tôi sau khi đọc sách là sự dùng danh-từ hỗn độn (confusion des mots) như danh-từ duy-tâm và nhị nguyên và nhất là thiếu hệ-thống mạch-lạc. Hai thiếu sót lớn lao đó làm mất hết giá-trị chứng minh của một cuốn sách viết ra để trình bày và thuyết phục người đọc.

Đầu đề cuốn sách là *« Đi tìm một căn-bản tư-tưởng »* và đó sẽ là một nhận-thức luận. Vậy ý-định của tác-giả thật rõ rệt : phê-bình những thái-độ nhận-thức về người, vũ-trụ của người xưa, để đặt một căn-bản mới vượt những khó khăn, thiếu sót, những thái-độ cũ. Theo ông Hồng, căn-bản đó là khoa-học. Được lắm, nhưng đáng lẽ sách của ông Hồng phải dừng lại ở đó mới hợp lý ; nhưng ông Hồng đã chuyển sang vấn-đề khác không có liên-lạc gì với căn-bản nhận-thức của ông Hồng đưa ra, là vấn-đề trí-thức tiểu-tư-sản. Dưới đây, tôi sẽ chứng minh rằng không có một liên-lạc luận-lý (liaison logique) nào cả giữa một căn-bản tư-tưởng đặt trên khoa học và một giai-cấp xã-hội.

Ở trang 130, tác-giả xác-định phương-pháp nghiên-cứu của mình là *« một phương pháp lấy ngay xuất phát điểm ở những sự vật hiện-hữu, căn-cứ ngay trên những sự vật đó để quan sát, để tìm rõ những trạng-thái, những thành-phần cấu-tạo, và ấn-định những luật tắc biến chuyển cái sự-vật. Như thế nó chỉ là muốn đề-cập tới vấn-đề thành-phần và luật tắc tiến-hóa của sự-vật, và gạt bỏ ra ngoài vấn-đề bản chất và cứu cánh ».*

Nói cách khác, Ông Hồng chỉ công nhận thái-độ của nhà khoa-học, căn-cứ vào sự kiện có thực để quan-sát nghiên-cứu và chỉ công-nhận một chân-lý khoa-học khi có thể chứng nghiệm được.

Nhưng sau khi trình bầy những kết quả thu lượm được của khoa-học hiện đại về cách cấu-tạo và vận chuyển sự-vật, đứng trên quan-điểm của nhà khoa-học, ông đã chuyển sang thái-độ triết-lý khi ông coi những kết quả đó như một cắt nghĩa bản tính

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sự-vật và hơn nữa làm ý-thức-hệ (idéologie) cho một giai-cấp xã-hội. Trong phần thứ hai, trình bày biện chứng pháp và nhận-định về lịch-trình diễn tiến của lịch-sử, ông đã đi đến những kết luận về sự lãnh-đạo của giai-cấp trí thức tiểu-tư sản là đông đảo nhất và quyền lợi phù-hợp với quyền lợi dân-tộc v. v.. Vậy tác-giả đã căn cứ vào sự kiện gì để chứng minh những quả quyết vu vơ đó?.

Thái độ quả quyết không căn-cứ vào chứng nghiệm có còn phải là một thái độ khoa-học không?

Bây giờ ta trở lại phần thứ nhất, phần trình bầy và phê bình các chủ-nghĩa duy-tâm, duy-vật, hiện-sinh để đi tới một nhận-thức luận căn-cứ vào khoa-học.

Trong phần này, tác-giả đã lẫn-lộn khi dùng những danh-từ duy-tâm và nhị-nguyên.

Trước hết là danh từ Duy-tâm, một danh-từ thành phổ-biến, nhưng lại rất mơ-hồ, nên cần phải xác định đúng nội-dung của nó và nhất là cần nêu lên *vấn-đề gì đặt ra để có một giải pháp là Duy-tâm.*

Ông Hồng đã chia lịch-sử tư-tưởng thế-giới làm hai phe: duy-tâm và duy-vật. Bên duy-tâm, ông xếp tất cả những học-thuyết lớn Đông phương (Phật, Lão, Khổng) và những triết-lý từ Platon đến Hegel. Thiết tưởng chia lịch-sử theo lối Mác-xít như vậy là quá đơn-giản vì một học-thuyết Thomas thoát thai từ Kitô giáo không giống triết-lý một Platon hay một Hegel.

Ông Hồng định-nghĩa Duy-tâm là những triết-học coi « *uyên nguyên vũ-trụ này là do một thực-thể duy-nhất, vô-hình vô-ảnh, không sinh không diệt, ở ngoài không-thời-gian, không thể thức-giác được bằng ngũ-quan con người, có ngoài và có trước vật-chất, và phát sinh ra vật-chất cùng muôn vàn hiện-tượng trong cõi đời này. Thực-thể đó, Phật-học gọi là Tâm, Châu-như hoặc Như-lai tạng-tánh, Balamôn giáo gọi là Brahma, Khổng-học gọi là Thái-cực, Lão-học gọi là Đạo, cơ-đốc giáo gọi là Chúa Trời, Platon gọi là Ý-niệm, Schopenhauer gọi là*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*Nghị-lực sinh-tồn, Hegel gọi là Ý tưởng tuyệt-đối, Bergson gọi là Đà sống. » trang 18.*

Như thế là giản-dị nhưng lại lẫn lộn hết. Qua định-nghĩa của ông Hồng, người ta nhận thấy hai vấn-đề khác nhau mà ông Hồng đã ghép vào làm một : vấn-đề nguồn-gốc sự-vật, hay bản thể, và vấn-đề nhận-thức, nghĩa là lãnh-hội nguồn-gốc đó. Vậy mà những thuyết ông Hồng gán cho danh-từ Duy-tâm, không đồng ý nhau về hai vấn đề đó ; có thuyết coi bản-thể có thể lãnh-hội bằng lý-trí, có thuyết không công-nhận ngũ-quan có thể đạt tới được, mặt khác, có thuyết cho rằng có bản thể, vật-thể (l'être) dù có hay không có nhận-thức tư-tưởng lãnh-hội, thuyết đối lập lại chủ-trương chỉ có bản-thể, sự hiện-hữu của vật-thể nếu có tư-tưởng lãnh-hội...

Như thế, có lẽ phải xác-định lại những danh-từ vẫn thường dùng để chỉ định những học-thuyết trên.

Khi nói về vấn-đề nguồn-gốc sự-vật (problème de l'être), sẽ có hai thuyết, một thuyết coi tinh-thần là nguồn-gốc, thuyết đối-lập coi vật-chất. Ta gọi là duy-linh (spiritualisme) và duy-vật.

*Người ta gọi là Duy-linh, tất cả những học-thuyết công nhận tinh-thần độc-lập và cao hơn vật-chất, hay sâu hơn nữa, coi tinh-thần là nguồn gốc mọi sự ». (1)*

Bây giờ nếu hỏi: Làm thế nào để biết được vật thể (l'être) nguồn gốc sự vật đó ? Tức là đặt vấn đề nhận-thức. Ở đây có hai lập trường: duy-tâm và duy-thực (idéalisme et réalisme).

*Duy-tâm là khuynh hướng triết-lý chủ-trương giản lược mọi hiện-hữu vào tư-tưởng, chữ tư-tưởng hiểu theo nghĩa rất rộng của nó (như theo Descartes chẳng hạn). Như thế, duy-tâm đối lập với duy-thực, và tóm tắt, với Vật-thể-học (ontologie) vẫn công nhận một hiện-hữu độc-lập khỏi tư-tưởng. » (2)*

---

(1) Vocabulaire technique et critique de la philosophie. Lalande. 6e édition 1956 p. 1020.

(2) » id. » » p. 435-436.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vậy duy-tâm là học-thuyết coi rằng mọi sự chỉ có, *hiện-hữu* (exister) nhờ tư-tưởng. Ngoài tư-tưởng không có hiện-hữu nào biệt-lập. Nói cách khác, vạn-vật vũ-trụ chỉ có khi tôi biết nó, suy-tưởng nó. Trái lại duy-thực, tuy cũng công nhận rằng lý-trí, tư-tưởng có thể đạt tới vật-thể (être) nhưng vật-thể tồn-tại, độc-lập, nghĩa là dù ta có biết hay không, vũ-trụ, vạn-vật vẫn có, vẫn hiện-hữu, không lệ thuộc vào tư-tưởng.

Còn vấn-đề: sự hiểu biết của ta ở đâu mà ra, do suy-tưởng hay kinh nghiệm đời sống? Sẽ có hai lập trường gọi là duy-lý và duy-nghiệm. Duy-lý *« chủ trương mọi sự hiểu biết đều do những nguyên tắc không thể chối cãi tiên nghiệm, hiển nhiên »* (3) nghĩa là sự hiểu biết do suy-tưởng căn-cứ trên những nguyên-tắc tiên thiên không cần kinh nghiệm đời sống, trái lại duy-nghiệm cho rằng mọi hiểu biết đều do kinh nghiệm; ngay cả những nguyên-tắc cũng do kinh nghiệm tạo nên, không có gìcó trước kinh nghiệm cả (duy-nghiệm như thuyết của Hume, duy-lý như Descartes).

Nếu phân biệt như vậy, người ta nhận thấy có một tương-quan giữa duy-linh và duy-tâm, mà không phải là hoàn-toàn giống nhau. Ta có thể nói, mọi học thuyết duy-tâm bó buộc phải là duy-linh, nhưng ngược lại, mọi học-thuyết duy-linh không cốt yếu phải là duy-tâm, nếu duy-linh coi sự hiện-hữu của vật thể (l'être) biệt-lập với sự nhận-thức, với tư-tưởng.

Một học-thuyết như của Thánh Thomas là duy-linh nhưng không phải duy-tâm, trái lại là duy-thực về phạm vi nhận thức. Hegel vừa duy-linh vừa duy-tâm. Còn Platon, người ta vẫn gọi là duy-tâm (idéaliste) vì ông chỉ coi lý-giới là chân thực; nhưng như thế là hiểu lầm lớn; Platon thực ra là duy-thực (réalisme intellectualiste). Vì ông công nhận sự hiện-hữu của một lý-giới độc-lập, vẫn có đấy, mặc dầu không có tư-tưởng nhân loại nào đạt tới để chiêm-ngưỡng. Sự hiện-hữu *ở ngoài* tư-tưởng, không lệ thuộc vào tư-tưởng.

(3) Vocabulaire techique et critique de la philosophie. Lalande 6ème édition p. 889.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nói rõ hơn: Platon duy-linh vì đã coi nguồn gốc sự vật là lý-giới, nhưng trên phạm-vi nhận-thức, ông là duy-thực vì coi thực-tại lý-giới vẫn có hiện-hữu mà không lệ thuộc vào tư-tưởng con người.

Về duy-vật, rất tiếc là tác-giả đã không cho độc-giả thấy điều gì mới mẻ ngoài những điều đã được nghe nhiều rồi trong phần trình bày cũng như phê-bình. Nhưng có một điểm quan hệ mà tôi thiết-tưởng ông đã nhận định không đúng khi ông nói « *Đứng trên phương-diện triết-học nhận-thức mà nói, lãnh-vực duy-tâm càng huyền-ảo phong-phú bao nhiêu thì lãnh-vực của chủ-nghĩa duy-vật càng thiển cận và nghèo nàn ngần ấy* » trang 63. Ông Hồng cho rằng Marx không có một nhận-thức luận hay chỉ có một vài nhận xét sơ sài lập lại của Engels là một ngộ-nhận rất lớn làm cho ông không nhìn thấy cái đặc điểm của Marx về vấn đề nhận-thức

Theo Marx, tất cả triết-học từ xưa đến Marx đều là duy-tâm, (Ông Hồng cũng nhận như vậy); và duy-tâm nghĩa là đã *chỉ coi vấn-đề triết-học hoàn-toàn thuộc phạm-vi nhận-thức*. Triết-học là ý-hướng nhận-thức về cuộc đời nhưng lại coi cuộc đời đó như một ý-niệm trừu-tượng, tách khỏi nội dung đích thực của nó là lịch-sử. Triết-học bàn về con người, nhưng con người đó lại được quan niệm như một thực-thể bất-biến, phổ quát, không phải trong *hoàn-cảnh lịch-sử* thiết-thực của nó. Do đó triết-học cổ-điển, theo Marx, là một nỗ lực chỉ nhằm *cắt nghĩa* hay giải-quyết những vấn-đề triết-học bằng tư-tưởng, nghĩa là tách khỏi đời sống, và vì thế không giải-quyết được gì hết. Triết học ly-dị với đời sống. Vậy triển vọng của Marx là muốn giải-quyết những vấn đề cổ-điển triết-học bằng cách thực hiện nội dung đích thực của nó. Nói cách khác, *thực hiện triết-học bằng cách tiêu-diệt triết-học lý-thuyết ly-dị với đời sống hằng ngày.*

Như thế vấn đề triết-học không đặt ra hoàn-toàn trong lãnh-vực nhận-thức, nhưng trong lãnh vực thực tiễn, hoạt động xã-hội mà nhận-thức phải gắn liền với nó. Ý-tưởng căn-bản của Marx là khái niệm Tri-hành (Praxis)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Marx chỉ trích Hegel hoàn-toàn trừu tượng. Quá trình tiến triển của tinh thần mà Hegel trình bầy trong *« Phénoménologie de l' Esprit »* là một tư-tưởng được xây-dựng hoàn-toàn tách biệt khỏi những điều kiện kinh-tế, lịch-sử đích thực của nó.

Luận lý của Hegel *« hoàn toàn lãnh đạm với mọi điều kiện thiết-thực, do đó hoàn toàn huyền-ảo ; đó là một tư-tưởng phóng-thể (entaüsserte aliénée) trừu tượng hóa thiên-nhiên và con người cụ-thể, nghĩa là tư-tưởng trừu-tượng »* (1)

Đến Fuerbach mà Marx còn chê là duy-vật lý-thuyết. Cả hai cùng chủ-trương vô-thần. Nhưng theo Marx, nguồn gốc phóng-thể tôn-giáo (aliénation religieuse) là nghèo khổ kinh-tế do một chế độ gây nên, còn Fuerbach cho là một nguyên nhân tâm lý, do sự thèm khát hạnh phúc tuyệt đối.

Marx chỉ trích Fuerbach đã không nhìn thấy nguyên nhân căn bản của phóng-thể tôn-giáo nên cũng không thấy giải pháp chấm dứt hiệu quả phóng-thể tôn-giáo bằng cách lật đổ chế-độ xã-hội bóc-lột đã tạo ra tôn-giáo như một lối thoát-ly giả hiệu, như một an ủi.

Fuerbach và Marx khác nhau ở chỗ Fuerbach tin rằng chỉ cần chỉ trích tôn-giáo là có thể đả phá, *giải-quyết* được vấn đề tôn-giáo, Marx cho rằng chỉ cần lật đổ chế-độ kinh-tế đã sinh ra tôn-giáo, tức khắc tôn-giáo sẽ bị tiêu ma, không cần chỉ trích vô-ích. Fuerbach cũng duy-vật vô-thần, nhưng trừu-tượng cắt nghĩa tôn-giáo như một thái-độ tâm-lý siêu-hình, không dính-líu gì với điều kiện xã-hội. Trái lại Marx bảo phải đặt con người vào thực tại kinh-tế lịch-sử, hoàn cảnh xã-hội để hiểu nó và biến đổi nó.

Đó là ý nghĩa câu ; *Tất cả các triết-gia từ xưa đến nay chỉ cắt nghĩa vũ-trụ thôi, vấn-đề thực ra là phải biến đổi vũ-trụ.* »

*« Vấn đề tìm biết xem tư-tưởng nhân loại có thể đạt tới chân-lý khách quan không phải là một vấn đề thuộc phạm-vi lý-*

(1) Manuskripte, 1844. Mega ; I, III, p. 153-154.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*thuyết, nhưng là một vấn-đề thực-tiễn. Chính trong thực-tiễn mà con người phải chứng minh chân-lý, nghĩa là thực-tại và năng-lực, bên này tư-tưởng. Những cuộc tranh luận về tư-tưởng là thực-thể hay không phải là thực-thể, tách khỏi thực-tiễn, là hoàn-toàn có tính cách kinh-viện,* » nghĩa là cải nhau xuông. (1)

Như thế chân-lý không còn phải một thực-tại trừu-tượng, bất biến, tuyệt-đối, ta có thể đạt được bằng suy-luận, chiêm ngưỡng, nhưng là một Sáng-tạo do những nỗ-lực tranh-đấu xã-hội, do hành-động (Praxis). Triết-lý gắn liền với đời sống, bắt đầu từ đời sống và hướng dẫn đời sống.

Sự nhận thức gắn liền với đời sống là biện chứng, nghĩa là Tri-Hành phối hợp trong một vận chuyển tiến diễn bằng cách vượt mâu thuẫn — đưa đến những cấp-bậc cao hơn, tiến-bộ hơn. Tư tưởng đi từ thực-tế, cụ-thể đến cụ-thể *bằng* trừu-tượng Tư-tưởng biện-chứng vì chính thực-tại khách-quan cũng biện-chứng.

Do đó tư-tưởng biện-chứng giải-quyết những mâu-thuẫn đã sinh ra vì đã đặt trong lãnh-vực lý-thuyết trừu-tượng :

*«Chỉ ở trong tình-trạng xã-hội, thuyết chủ-quan cũng như thuyết khách-quan, duy-tinh cũng như duy-vật, hoạt-động và thụ-động đều mất tính cách đối-lập và không tồn-tại như những sự kiện đối-lập* » (2)

Không còn mâu-thuẫn tâm vật, ngoại-giới nội-giới, lý-thuyết và hành-động vì « *Xuất hiện như một chủ-nghĩa tự nhiên hoàn-toàn, Cộng-sản là một nhân-bản. Cộng-sản chấm-dứt mâu-thuẫn giữa người với người, giữa đời sống và bản-thể, giữa khách-thể và quyết-thể (affirmation de soi), giữa tự-do và tất yếu, giữa cá-nhân và đoàn thể. Cộng-sản giải-quyết mầu-nhiệm lịch-sử và biết mình giải-quyết được* ». (3)

(1) Thèses sur Fuerbach. Đề 2.

(2) Manuscrits de 1884. trad. Molitor, Œuves philosophiques VI, p. 34.

(3) Ở đây, không phải chỗ phê-bình quan-niệm về chân-lý của Marx, tôi chỉ trình bầy, nêu lên đặc-điểm của Marx mà không phê-bình, không có nghĩa là tôi đồng ý hoàn-toàn với Marx

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Về chủ-nghĩa hiện-sinh, ông Hồng cũng đưa ra một nhận-xét như vậy: « *Về phương-diện triết-lý nhận-thức, sự khiếm khuyết của quan-niệm hiện sinh đã quá rõ rệt, vì sự nghiên-cứu sơ lược về phần chủ-quan con người đã chứng tỏ rằng cuộc sống thường hằng của mỗi cá-nhân đều do thành-phần lý-trí quy-định.* » trang 127.

Tôi thú thật rất lấy làm ngạc-nhiên vì nhận xét đó. Những người quen thuộc với tư-tưởng chủ-nghĩa hiện-sinh đi từ Kierkegaard qua Heidegger, Jaspers, Sartre, Merleau-Ponty (không hiểu tại sao tác-giả lại chú-thích chỉ nói đến Sartre) đều nhận rằng vấn-đề nhận thức cũng vẫn là vấn-đề căn bản trong tư-tưởng hiện-sinh, chỉ khác một điều là phong-trào hiện-hữu đặt vấn-đề nhận thức trong một viễn-tượng hoàn-toàn mới mẻ. Căn cứ vào những khám phá của Hiện-tượng luận do Husserl sáng lập (qua những khái-niệm căn-bản như ý-hướng-tính, bản-thể trực-quan, đời sống sơ-khai (lebenswelt v.v.), phong-trào hiện-hữu đã trình-bày một quan niệm linh động, biện chứng, toàn diện về vấn-đề nhận-thức, (1) mà đặc điểm là nhấn mạnh vào tính cách lịch-sử, hay sử tính (historicité) của chân-lý, đồng thời coi con người toàn-diện (l' homme dans sa totalité) là khả năng nhận-thức, không phải chỉ có lý trí,

Do đó, ý-nghĩa phong-trào hiện-hữu là một phản-ứng lại các chủ-nghĩa duy-lý về vấn-đề chân-lý, coi việc nhận-thức là hoàn-toàn công-cuộc của lý-trí. Cái *khuyết-điểm lớn của duy-lý là đã giản lược cuộc đời toàn-diện vào cuộc đời nhận-thức.*

Vậy đã phủ nhận tính-cách chuyển biến sống động của đời sống. Trần gian chỉ còn là những tương quan luận lý, khô khan, bị bóc hết ý nghĩa một trần gian cho con người lo lắng, tự do, sáng tạo... Phong trào Hiện-hữu phủ nhận độc tài lý-trí trong công-cuộc nhận thức về ý-nghĩa cuộc đời, không phải chối bỏ hoàn toàn giá-trị lý-trí, nhưng đặt đúng chỗ của nó trong một viễn-tượng toàn diện. Duy lý nhầm không phải đã xử dụng lý-trí để tìm Chân-lý, nhưng là *dĩ chỉ dùng* lý-trí mà thôi. Nhưng đã rõ con người không

(1) Xin xem Chương IV về Hiện-tượng-luận và Chương V về phong-trào hiện-hữu mà tôi đã có dịp trình bày trong cuốn sách nhỏ « Triết-học tổng-quát » Vĩnh-bảo, 1957

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

phải chỉ là lý-trí, một khía cạnh hoạt động của con người toàn diện. Vậy muốn đạt tới chân-lý phải vận dụng mọi khả năng trong đó có lý-trí. Như thế, người ta hiểu tại sao phong trào hiện hữu đề cao cái phi-lý trong ý nghĩa chống lại cái lý hẹp hòi trừu-tượng của ý-niệm, để chỉ định những khía cạnh sống động khác không thể hệ-thống-hóa được. Có những thực tại vượt cái lý, nghĩa là không thể lãnh hội bằng ý-niệm được như cái thế-giới bản năng, cái siêu lý (tình cảm, Thượng đế v.v.).

Vậy ý-nghĩa lịch-sử của phong trào hiện hữu là một nỗ-lực khám phá cái phi-lý hiểu theo nghĩa tích-cực, trong triển vọng nhắm đạt tới Chân-lý toàn diện như Merleau-Ponty đã nói: « *Nhiệm-vụ thời đại ta là khai-thác cái phi-lý và đặt nó vào cái lý mở rộng* ».

(Il inaugure la tentative pour explorer l'irrationnel et l'intégrer à une raison élargie qui reste la tâche de notre siècle) (1).

Tôi còn rất thắc mắc về danh từ *Nhị nguyên* mà ông Hồng đã dùng. Nếu tôi không nhầm, thì ông Hồng muốn phê-bình những chủ-nghĩa duy-tâm (từ nay hiểu là duy-linh) và duy-vật mà ông coi là những thuyết nhất nguyên (monisme), nghĩa là sai nhầm, thiển cận để đi tới một quan niệm nhị nguyên (dualisme) về nguồn gốc sự vật.

Vậy chắc ở đây ông Hồng chấp nhận một thuyết nhị nguyên, như là một thái-độ siêu-hình. « *Nhị-nguyên là một học-thuyết, trong một vấn đề nhất định, công nhận hai nguyên-tắc không thể giản lược vào nhau được như Tự nhiên và Thánh sủng (nature et grâce), đam mê và tự-do..., và về siêu-hình, học-thuyết công nhận hai nguyên lý sự vật không thể giản lược vào nhau (irréductibles) như ý-tưởng, sự Thiện, và Vật trong Platon* ». (2)

Nhưng trong đoạn trình bầy thái-độ nhận-thức của mình, ta lại thấy tác-giả xác-định thái-độ nghiên-cứu là một thái-độ khoa-học thực nghiệm của nhà bác-học như tôi đã nói trên (trong sách trang

(1) Sens et Non-Sens, trang 125 trong bài L'Existentialisme de Hegel.
(2) Vocabulaire. .. Lalande· 254.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

130) đồng thời cũng căn cứ vào tinh thần thực nghiệm đó, tác-giả trình bầy những kết-quả của khoa-học hiện đại thu lượm được về vật lý-học.

Những kết-quả đó đưa đến một quan niệm động, biện chứng về vật lý đối lập với quan-niệm tĩnh của vật lý học cổ điển.

Ví-dụ: vật-chất gồm cả hai yếu-tố: làn sóng (onde) và phân tử (corpusculairè) và cách diễn tiến, vận chuyển của nó là một vận chuyển biện chứng phối hợp khía-cạnh lượng gián-đoạn với lượng liên-tục (quanta discontinus, continus) khía-cạnh tất yếu và cố định, hữu-lý và phi-lý v.v...

Trong quan-niệm biện chứng đó, không một yếu-tố nào tự lập tự mãn nhưng trái lại đòi hỏi trao đổi, được bổ túc. Tính cách đối thoại, bổ-túc bao hàm tính-cách tạm thời, không bao giờ hoàn-toàn, luôn luôn cần phải tiến lên cái hoàn toàn trong một quá trình hủy thể (négativité) và do đó cắt nghĩa sự tiến-bộ khoa học...

Nhưng theo thiển ý, đây là điều lầm lẫn của tác-giả. Khoa-học hiện đại, đứng ở quan điểm thực nghiệm, nghĩa là trong lãnh vực vật-chất, hiện-tượng, nhận thấy rằng vật-chất cấu-tạo và vận chuyển có tính cách biện chứng đối thoại, bổ xung, vì không một yếu-tố nào của thực tại vật-chất là tuyệt đối, tự-tại trái lại phải ở trong một toàn thể (totalité) như một yếu tố cần được bổ túc. Tính cách bổ xung, biện chứng của những yếu-tố cấu tạo vật chất đó gọi là tính cách nhị-nguyên (dualité).

*Ông Hồng đã nhầm tính cách nhị-nguyên với thuyết nhị-nguyên* (dualisme). Nhị-nguyên thuyết là một thái-độ siêu-hình, nghĩa là không thể chứng nghiệm được, thuộc về vấn-đề bản thể, nguồn-gốc sự vật, và chủ trương bản thể đó là gồm hai nguyên lý đối lập nhau. Còn tính cách nhị-nguyên là sự đối lập bổ xung những yếu-tố của *một sự vật*, về phạm vi khoa-học ở đây, là vật-chất, nghĩa là tính cách bổ túc *ở trong chính vật-chất* chứ không phải sự đối lập bổ túc của hai thực-thể (như Tinh-thần và Vật-chất) Khi Khoa-học nói: khía cạnh phần-tử bổ-túc cho khía cạnh làn sóng, có nghĩa là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hai yếu-tố đó đối-lập và bổ-túc nhau ở trong *vật-chất*, do đó có thể gọi là có tính-cách nhị-nguyên; nhưng khoa-học không đặt vấn đề bản tính của sự vật (thuộc siêu hình) và cũng không xét đến những thực tại khác (tinh-thần) vì chỉ giới hạn việc nghiên cứu ở trong phạm vi vật-chất thôi.

Tuy không phải bảo nhà khoa-học chối không có những thực tại khác ngoài vật-chất. Nhưng một phương pháp-luận (méthodologie) lành-mạnh đòi hỏi ý-hướng khoa-học chỉ có thể hoạt động hiệu quả trong phạm vi vật-chất mà không bao hàm một thái-độ triết-lý khi nói: Chỉ có cái gì « quan sát thí nghiệm mới là chân thật ».

Vậy đã rõ, với nhà khoa-học, không thể đặt vấn đề nhị-nguyên thuyết được, nghĩa là nhà khoa-học không xét đến vấn đề nguồn gốc sự vật là do hai thực-tại đối-lập bổ-túc hay do một thực tại độc nhất, vì với ông, ông chỉ biết có vật-chất (dĩ nhiên là theo phương pháp luận thôi) và rõ hơn nữa, về vật-chất, ông cũng không đi tìm hiểu bản thể vật-chất, nhưng chỉ quan-sát cách cấu tạo và vận chuyển của nó, và do sự quan sát đó, khoa-học hiện đại *nhận thấy* sự cấu tạo và vận-chuyển của vật-chất có tính-cách đối-lập bổ xung, nghĩa là nhị-nguyên tính.

*
* *

Sự chuyển dịch từ thái-độ triết-lý sang thái-độ Khoa-học, rồi lại trở về thái-độ triết-lý làm cho lập luận của tác giả mất hết mạch lạc. Sau khi trình bày duy-tâm duy-vật, tác giả đứng trên quan điểm khoa-học phê bình hai triết-lý đó, rồi tác giả lại coi những kết-quả của thái-độ khoa-học làm cơ sở cho thái-độ triết-lý của tác giả ở kết luận: *Tính cách nhị-nguyên của vật-chất trong khoa-học hiện đại, đã biến thành nhị-nguyên thuyết, căn bản tư-tưởng của tác giả và tri thức tiểu-tư-sản.*

Tôi thiết nghĩ rằng tác giả có thể dùng thái-độ khoa-học để phê-bình duy-tâm duy-vật, không phải chỉ vì đó là hai thái-độ triết-lý không được chứng nghiệm, vì Triết học không bao giờ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

có thể chứng nghiệm được, nhưng nhất là vì sự *tự phụ của họ coi thái-độ triết-lý đó là thái-độ khoa-học.* Marx và đồ đệ vẫn khoe rằng Duy-vật biện chứng và sử quan là khoa-học. Nhưng đó chỉ là một thần-thoại (un mythe) vì thực sự Duy-vật là một siêu hình học dấu mặt, nghĩa là một lựa chọn (option) không căn cứ hoàn toàn vào thực nghiệm.

Một khái niệm căn-bản duy-vật vẫn căn cứ vào để cắt nghĩa lịch trình diễn tiến của xã-hội là khái niệm nguyên nhân (notion de causalité) rút ở khoa-học ; nhưng khoa-học hiện-đại chứng minh khái-niệm nguyên-nhân không phải khoa học, vì một số lớn định-luật khoa-học chỉ biểu-lộ những tương-quan định chức (liaisons fonctionnelles) giữa các hiện tượng hay là những hàng số nhất định (constantes numérique) như tốc-độ ánh sáng là 300.000 cs/g)vv .. mà không thể gọi là vâng theo nguyên-tắc nhân quả được.

Vậy làm thế nào để cắt nghĩa được vật sinh-tâm, sinh-lý ra tâm-lý, hạ tầng cơ-sở quyết-định thượng tầng cơ-sở v.v..

Sự nhầm lẫn lớn lao nữa của Marx là đã đồng hóa khoa-học nhân-văn (Sciences humaines) như kinh-tế, sử-học, tâm-lý-học xã-hội học với khoa-học vật lý ; vậy chối bỏ những đặc-điểm xác-định con người không phải chỉ là một tổng hợp tế-bào hay một con vật kinh-tế, sống vì nhu-cầu (homoœconomecus) và do đó coi những định luật thuộc phạm-vi nhân văn cũng có tính cách chính xác, tất yếu, phổ-biến như định luật vật-lý-hóa.

Một phân tách những điều-kiện quá khứ và hiện tại, đưa đến một lý-thuyết về tương-lai, hướng-dẫn hành-động, tranh-đấu. Marx gọi là hướng lịch-sử (sens de l'histoire) hướng đó có tính cách tất yếu ; vậy nhiệm-vụ con người ở hiện tại là hòa mình vào hướng lịch-sử khách-quan đã vạch sẵn. Nhưng Marx đã phủ nhận cái bất ngờ, ngẫu nhiên ( le contingent) do Tự-do sáng tạo bên cái tất yếu trong đà tiến-triển của lịch-sử.

Cho nên cộng-sản ngày nay đã không đi đúng với những tiên đoán của Marx vì lịch-sử không phải tất yếu và vì họ phải « *thích-nghi* » với hiện tại linh-động. *Người ta tự hỏi : bao giờ*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*mới tiến tới triệt tiêu nhà nước, xã-hội không giai-cấp*, trong khi chỉ thấy các nước xã-hội chủ nghĩa càng ngày càng củng-cố bộ máy nhà nước thêm chặt chẽ, vững bền hơn, Marx đã không tiên đoán được Tư-bản có thể biến thể, không tiên đoán được sự thành-lập các nghiệp-đoàn, bom H, Spoutnik, là một sự kiện đảo lộn mọi ý-thức-hệ, đưa đến chính sách bắt tay chung sống với tư-bản nếu không muốn tự tiêu-diệt.. (1)

Do đó, bất cứ một quả-quyết nào không đặt trên cơ-sở thực-nghiệm, đều có tính cách siêu-hình, không thể gọi là khoa-học được.

Sự phân biệt triết-học và khoa-học thành hai tri-thức khác nhau, tương-đối biệt lập, và bổ túc nhau là một thành công của khoa-học và triết-lý hiện đại.

Ta có thể coi triết-học Âu-châu là một tranh-luận liên tiếp qua các thế-kỷ về ý-nghĩa và địa-vị của Triết-học và Khoa-học.

Một khuynh-hướng coi chỉ có triết-học, nghĩa là triết-học giải-quyết mọi vấn-đề kể cả những vấn-đề thuộc phạm-vi khoa-học ; khuynh-hướng đối-lập lại (phái khoa-học máy móc, Aug. Comte, Marx v.v...) lại coi chỉ có khoa-học và khoa-học giải-quyết cả những vấn-đề triết-học. Sự tranh chấp đó làm cho cả khoa-học lẫn triết-học đều đi vào chỗ bế-tắc vì đã lấn lộn phạm-vi hoạt-động. Khoa-học hiện đại và triết-lý hiện đại qua phong-trào hiện-tượng-luận và hiện-hữu đã đạt tới chỗ phân-biệt hai ý-hướng nhận-thức đó, khác nhau và bổ-túc cho nhau. Khoa-học hoạt-động trên phạm-vi vật chất, cái có thể quan-sát, đo-lường được, bằng phương-pháp thực-nghiệm. Khoa-học thành-công rực rỡ trong lãnh vực nghiên-cứu vật chất đồng thời sự thành công đó cũng đặt giới hạn cho khoa-học : chỉ hiệu-nghiệm trong lãnh-vực của mình.

(1) Về những mâu-thuẫn giữa duy-vật và khoa-học, độc giả có thể đọc một phê-bình của J. P. Sartre chẳng hạn, rất sâu sắc trong Matérialisme et Révolution. Tạp chí Temps Modernes Juin, Juillet 1946, trích lại trong Situation III, trang 135. Gallimard.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vậy còn có những phạm-vi khác không thể dùng phương-pháp thực-nghiệm để nghiên-cứu và do đó không thể bị giản lược vào phạm-vi vật chất. Khoa-học đưa đến triết-học, ý-hướng nhận thức về ý-nghĩa sau cùng người đời và đời người, thuộc phạm vi chủ thể, (subjectivité) tự-do, không thể chứng-nghiệm được. Thái-độ khoa-học đưa đến thái-độ triết-lý định nghĩa như một tra hỏi về nền tảng sau cùng của thái-độ khoa-học. Nhưng bởi-vì thái-độ triết-lý thuộc lãnh-vực tin-tưởng (croyance, option) không còn phải chứng minh thực-nghiệm, nên có thể có nhiều lập-trường khác nhau về ý-nghĩa sau cùng cuộc đời và đòi hỏi một sự tôn trọng quyền tự-do lựa chọn đó như thiết yếu liên-hệ đến bản tính con người.

Một suy nghĩ về khoa-học và triết-học đưa đến nhận định căn-bản này : khoa-học là phổ-biến khách-quan, vì ai cũng có thể kiểm-soát, chứng nghiệm được, còn triết-học thuộc phạm-vi chủ-quan, không bó buộc ai ai cũng phải công nhận vì một lẽ giản-dị là không bao giờ có một triết-lý ; nhưng chỉ có những triết-lý (des philosophies) hay triết-lý *của* tôi, *của* ông.

Vậy một nhân bản căn-cứ vào sự nhận-định đó sẽ là : 1) Lấy khoa-học làm cơ-sở phổ-biến của mọi người, vì ai cũng có thể đồng ý trong lãnh-vực khoa-học, 2) Tôn trọng con người trong những quyền tối cao tự-do lựa chọn một thái-độ sống phù-hợp với lòng tin-tưởng của mình, chủ-trương một khoan dung (tolérance) về lập trường triết-lý, tôn-giáo...

Hai nguyên-tắc đó sẽ hướng-dẫn một lý-thuyết hành-động nhằm tổ-chức một xã-hội hợp-lý theo ánh sáng khoa-học, để tạo những điều-kiện thuận tiện cho con người được phát-huy và chu toàn sứ mệnh riêng của mình.

Tôi thiết nghĩ rằng việc đi tìm một « *căn-bản tư-tưởng* », căn cứ vào khoa học ở thời đại ta, cái thời mà người ta nhân danh khoa học để chà đạp những quyền tự-do thiết yếu của con người về tư-tưởng, triết-lý, tôn-giáo, văn-nghệ, cái thời mà người ta chém giết nhau vì sự chia rẽ trên lập-trường triết-lý, chỉ có thể đưa đến một sự phân biệt khoa-học, triết-học, và một nhân bản

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

khoa học (humanisme scientifique) trong đó con người đồng ý nhau trên phạm-vi nhận thức khoa-học và tổ-chức một xã-hội nhờ những áp-dụng kỹ-thuật của nhận-thức đó, tạo những điều-kiện cho cuộc sống tự-do về tinh-thần, văn-hóa, tôn-giáo trong sự tôn-trọng, lòng khoan-dung, không ai tự phụ mình nắm được chân-lý tuyệt-đối, vì lòng tự phụ đó tất nhiên đưa đến độc-tài và độc-tài là phủ-nhận quyền tự-do đi tìm chân-lý của người khác-nghĩa là phi nhân-vị, vô nhân đạo.

Tôi chắc rằng tác-giả trong khi trình bày thái-độ nhận thức của ông, cũng muốn một căn-bản phổ biến như vậy.

Nhưng nếu nhận-thức khoa-học và nhân-bản khoa-học là phổ-biến, ai ai cũng có thể chấp nhận được, vì nó ở phạm-vi hợp-lý, *tại sao ông Hồng lại gán nó vào một giai-cấp xã-hội.* Nếu đã là một căn-bản phổ-biến, có nghĩa là cho mọi người, tại sao chỉ có « *tầng lớp tiểu-tư-sản mới có thể giác-ngộ một quan-niệm triết-học nhị-nguyên về con người* » trang 209.

Trước hết, tôi thấy tác-giả đã nhầm lẫn tính cách nhị-nguyên-của sự vật với thuyết nhị-nguyên, như đã nói ở trên. Nếu khoa học hiện đại có tính-cách biện-chứng nhị-nguyên, thì chỉ là đối-lập với một quan niệm của khoa học cổ-điển. Đó là một tiến-bộ trong quá trình nhận thức khoa-học, là một tiến-bộ *ở trong chính khoa-học,* và hơn nữa nhận thức của khoa-học hiện đại có giá trị phổ-biến, không phải là một ý thức hệ (Idéologie de classe) của một giai-cấp xã-hội nào.

Vậy tôi không hiểu ông Nghiêm-xuân-Hồng muốn đi tìm một căn-bản tư-tưởng phổ-biến cho mọi người, nghĩa là cho cả những giai-cấp khác không phải là tiểu-tư-sản hay là chỉ tìm một ý thức hệ cho giai-cấp Tiểu-tư-sản, nếu giả-thuyết thứ hai là dự-định của ông, thì đó là một sự « *chiếm-đoạt* » phi lý, vì nhận-thức khoa-học ở ngoài mọi giai-cấp, hay là của mọi giai-cấp, của nhân-loại.

Marx cũng đã làm như vậy. Marx đã ràng buộc vấn-đề triết-học, chân-lý với một giai-cấp xã-hội.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Theo Marx, chế-độ tư-bản hoàn-toàn phóng thể (aliéné) về phạm-vi kinh-tế cũng như tư-tưởng; vậy phải thiết-lập một chế-độ mới. Công cuộc cách-mạng đó do vô sản lãnh-đạo? Tại sao vô sản có nhiệm-vụ lịch-sử đó? Vì vô sản là những người hoàn-toàn bị bóc lột về kinh-tế, văn-hóa, tình-cảm trong chế-độ tư-bản. Họ là những nạn nhân khổ cực nhất và tình-trạng lầm than đó lại giúp họ hiểu hơn ai hết thế nào là công bằng, tình nhân-loại, cần lao, nghĩa là những giá-trị phổ-biến đã bị mai một trong tư-bản. Cho nên giai-cấp vô sản, *hiện thân một nhân-loại phóng-thể*, vì trong xã-hội tư-bản, cả người bóc lột lẫn người bị bóc lột đều bị phóng thể, có nhiệm-vụ tự giải-phóng đồng thời giải-phóng cả nhân-loại. Theo Marx *« con người hoàn-toàn diệt-vong »* trong chế-độ củ, nên cách-mạng vô sản phải giải phóng hoàn-toàn con người. Vậy cách-mạng thành công, nghĩa là tiêu-diệt được những phóng thể kinh-tế, chính-trị, đồng thời cũng thực-hiện những giá-trị phổ-biến mà vô sản mang sẵn trong lòng.

*« Vô sản không thể tự giải-phóng, nếu không tiêu-diệt được hoàn-cảnh sinh sống khốn cực của mình. Vô sản không thể tiêu-diệt được hoàn-cảnh khổ cực của mình nếu đồng thời không tiêu-diệt hoàn-cảnh vô nhân đạo của xã-hội hiện đại »* (Marx). Trong viễn-tượng đó, nếu cuộc đấu-tranh chính-trị của vô sản đi đúng hướng lịch-sử, một tư-tưởng triết-học chân chính cũng phải lệ thuộc tiến theo, *Vô sản với Triết-học là một*. Marx nói : *« Triết-học đứng đầu cuộc giải-phóng nhân-loại vô sản như con tim. Triết-học không thể thực-hiện nếu chưa tiêu-diệt được tình-trạng vô sản, và vô sản không thể chấm dứt, nếu chưa thực-hiện được triết-học »*. Nghĩa là người vô sản nhận ở triết-học *ý-thức nhiệm-vụ lịch-sử của mình* cũng như triết-học nhận ở vô sản *điều-kiện tìm thấy chân lý* đích thực.

Nhưng tham-vọng đồng hóa triết-học với vô sản của Marx vấp phải khó khăn này : Nếu chân-lý là một, có giá-trị phổ-biến, tất nhiên cũng ở ngoài mọi giai-cấp xã-hội. Theo Marx, nếu chân lý là *« làm hoà với vũ-trụ, và người công nhận người »*, chân-lý đó có giá-trị phổ-biến, vĩnh-viễn, Vậy nhiệm-vụ lịch-sử của vô sản sẽ là trung gian (médiation) để *khám-phá* và *thực-hiện* chân-lý đó hay hoàn-toàn *tạo ra*? Nếu chỉ là khám phá, chân lý đó vẫn có đấy, không phải do cách-mạng vô sản tạo ra, hơn nữa biện-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

chính cho giá-trị cách-mệnh vô sản khi nó trung-thành với chân-lý ấy ; do đó, bất cứ một cách-mạng nào thực-hiện được chân-lý phổ biến « *người công nhận người* » dù không phải là cách-mạng vô sản, cũng chính đáng và phải được thừa nhận, nghĩa là vô sản không *độc quyền* thực-hiện chân lý phổ biến. Trái lại, nếu chân lý chỉ là *sản phẩm* của cách-mạng vô sản tạo ra, nghĩa là chân lý của một giai đoạn lịch sử, một giai - cấp xã-hội, không còn giá-trị phổ biến nữa. Vậy Marxit căn cứ vào đâu để biện chính mình có chân lý và phán đoán kết án các triết-lý, chế độ xã-hội khác, như tư-bản chẳng hạn ? Người ta chỉ được quyền phê-bình, khen chê nhân danh một tôn-chỉ, một giá-trị phổ-biến. Vậy đã rõ chân-lý, giá-trị phổ-biến không thể là độc quyền của một giai-cấp nào ; còn nếu chủ-trương chân-lý giai-cấp và hơn nữa của giai-cấp lãnh-đạo, thì tất-nhiên sẽ đi đến độc tài, áp bức và chiến-tranh, vì giai-cấp đấu tranh.

Thực sự khi đọc Marx, người ta thấy Marx còn nuôi triển-vọng đạt tới phổ-biến, tuy đã nhầm lẫn tự mâu-thuẫn khi đồng hóa triết-học với một giai-cấp, còn đọc ông Nghiêm-xuân-Hồng, tôi không thấy một triển-vọng nhân bản gì cả.

*
* *

Đến đây tôi có thể tạm kết-luận những phân tách trên : thái độ nhận-thức của khoa-học hiện-đại mà tác-giả muốn coi là căn-bản tư-tưởng, có một giá trị phổ biến, không phải là một thái độ triết-lý, và cũng không phải là một ý-thức-hệ của một giai cấp xã-hội. Sự ràng buộc căn-bản nhận-thức khoa-học đó với giai-cấp trí-thức tiểu-tư-sản là thất sách, không hợp-lý, vì không có một liên-lạc luận-lý nào giữa hai sự kiện đó.

Sang phần thứ hai cuốn sách, tác-giả bắt chước Marx đem áp dụng biện chứng vào lịch-sử để chứng-minh rằng tiểu-tư-sản là tổng-hợp-đề của giai-đoạn hiện-tại có nhiệm-vụ xây dựng xã-hội trên căn-bản Nhị-Nguyên biện-chứng !

Một quả quyết quan trọng như thế mà tác-giả chỉ trình

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

bày trong hơn mười trang giấy về cuối cuốn sách, thành thử người đọc có cảm-tưởng là một quả-quyết vô bằng (affirmation gratuite).

Tác-giả nói giai cấp tiểu-tư-sản lãnh-đạo cuộc Cách mạng ở hợp đề hiện tại, nhưng tại sao ông không định nghĩa thế nào là một giai cấp (classe sociale) và thế nào là giai-cấp tiểu-tư-sản, hơn nữa tại sao trí-thức phải là tiểu-tư-sản. Vậy mà vấn-đề định-nghĩa và phân chia giai-cấp là một vấn-đề quan trọng không thể bỏ qua trước khi lấy một lập trường giai-cấp. Nhưng vấn-đề đó thực sự rất khó vì từ Marx đến nay, các nhà xã-hội học Mác xít như Engels, Bernstein, Kautsky, đến Lénine, Boukarine, Lukacs, và không Marxít như Pareto, Max Weber, Schumpeter, Halbwachs, Sorokin, Gurvitch v.v. vẫn không đồng ý nhau về vấn-đề định-nghĩa nội dung danh từ giai-cấp xã-hội. Những tiêu-chuẩn nào xác định một giai-cấp? Theo Marx, đó là yếu-tố sản-xuất, ý-thức giai-cấp, và ý-thức-hệ. Hiện nay, Gurvitch từ chối một định-nghĩa nhất định về giai-cấp, theo quan-điểm xã-hội-học sai biệt của ông (Sociologie différentielle), nghĩa là một người có thể tham dự vào nhiều giai-cấp như một người lao-động có thể có ý-thức-hệ trưởng-giả và trưởng-giả có ý-thức lao-động v.v. (1)

Tác-giả đã không xác-định những tiêu-chuẩn cấu-tạo một giai-cấp nói chung, và của giai-cấp tiểu tư sản nói riêng, vậy tác-giả căn-cứ vào đâu để quả-quyết là 80% hay 90% dân số Việt-Nam là tiểu tư sản.

Thiết-tưởng muốn đặt vấn-đề giai-cấp lãnh-đạo, phải đặt vấn đề cơ-sở giai-cấp. *Cơ-sở này là sự chiếm-hữu công-cụ sản-xuất.* Phương-tiện xản-xuất này là ruộng đất ở thời phong-kiến và là tư bản ở xã-hội trưởng-giả. Một giai-cấp chỉ nắm được vai trò lãnh đạo khi nắm được công cụ sản-xuất chính-yếu trong xã-hội thời đó. Như thế, tiểu tư sản xuất hiện như một giai-cấp không có

(1) Xem Le concept de classes sociales de Marx à nos jours, Cours ronéotypé, hay Chương le Concept de classes sociales trong Vocation actuelle de la sociologie của Gurvitch P. U. P. 1957. Qu'est-ce-qu'une classe sociale? của P. Sorokin. Cahiers internationaux de sociologie vol. II, p. 57.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cơ-sở sản-xuất nhất định ; nó chỉ là giai-cấp lưng chừng hoặc vươn lên giai-cấp phong-kiến trưởng-giả hay tụt xuống giai-cấp nông dân thợ thuyền. Trong lịch-sử, chưa bao-giờ tiểu tư sản nắm được chính quyền và thống trị lâu dài là vì thiếu cơ-sở kinh-tế sản-xuất; nó chỉ đứng vững nếu được những giai-cấp khác, tư-bản, hay thợ thuyền ủng hộ.

Còn nói đến trí-thức tiểu tư sản, tôi thấy rằng trí-thức *không thiết-yếu là* tiểu tư sản, tuy trí-thức có thể là tiểu tư sản. Trí-thức bao giờ cũng phải phản-ảnh giai-cấp mới nắm được vai trò lãnh-đạo. Trí-thức không phải là một giai-cấp nếu ta coi yếu-tố chính của khái-niệm giai-cấp là yếu-tố sản-xuất, và do đó trí-thức có thể đi với hết mọi giai-cấp trong một xã-hội... đồng thời có thể đứng ngoài giai-cấp hay phủ-nhận giai-cấp của mình. Vậy chỉ khi nào hòa mình với một giai-cấp, trí-thức mới nắm được vai trò lãnh đạo. Như thế, nếu tiểu tư sản không có triển vọng lãnh-đạo, thì trí-thức tiểu tư-sản sẽ không bao giờ nắm được vai trò lãnh-đạo. Còn nói rằng trí-thức lãnh đạo *chỉ vì là trí-thức* là chuyện không tưởng. Ví-dụ: Khổng giáo là một lý-thuyết chính trị nhằm giữ vai trò lãnh đạo cho trí-thức, nhưng qua lịch-sử, sĩ-phu chỉ đạt được chủ-đích ấy khi hòa mình với địa-chủ phong-kiến ; do đó mà có hiện-tượng thoái-hóa của Nho học trong lịch-sử Trung-hoa và Việt-Nam.

Vì thế, muốn nói trí-thức lãnh-đạo, phải nói trí-thức tiểu tư-sản, trí-thức tư-bản hay trí-thức vô-sản, nghĩa là trí-thức hòa mình vào một giai-cấp. Còn trí-thức thuần-túy, không bao giờ nắm được vai trò lãnh-đạo và cũng không muốn, vì nhiệm-vụ và sứ-mệnh của họ ở chỗ khác... Nói cách khác, xã-hội xây trên cơ-sở kinh-tế. Thống trị xã-hội là nắm được vấn-đề sản-xuất. Chính quyền căn-cứ trên kinh-tế không phải trên tư-tưởng thuần-tuý.

Vấn-đề lãnh-đạo cũng lệ thuộc vào triển vọng cách-mạng của một giai-cấp nào đó. Ở thời kinh-tế nông-nghiệp, vai trò lãnh đạo là giai-cấp địa chủ phong-kiến vì đất đai là dụng-cụ sản-xuất chính-yếu. Ở kinh-tế kỹ-nghệ, lãnh-đạo do trưởng-giả tư-bản. Ở các nước kinh-tế đang từ trình-độ nông nghiệp tiến lên trình-độ kỹ-nghệ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

máy móc như nước ta, thì vai trò lãnh đạo là trong tay tư-bản hay lao-động. Tiểu tư-sản cách-mạng ở đây chỉ là ỷ-chí vươn tới tư-bản của một giai-cấp giữa chừng trước kia bị tư-bản ngoại bang kiềm chế. Vậy nói như ông Nghiêm-xuân-Hồng, tiểu tư-sản cách-mạng là hợp-đề của tư-bản, Cộng-sản, có lẽ là một quả-quyết không vững chắc, căn bản. Thành ra vấn-đề chính là: Tiểu-tư-sản trong các nước chậm tiến về kinh-tế như nước ta có thể cạnh tranh với tư-bản quốc-tế hiện tại để đi tới vai trò lãnh-đạo nhà nước nghĩa là để xây một nền kinh-tế kỷ-nghệ máy móc không?

Lịch-sử gần đây chưa cho ta thấy kinh-nghiệm nào thành-công cả. Hiện giờ Tiểu-tư-sản ở các nước đó có hai thái-độ: một là liên-kết với tư-bản, kết-quả, là bị tư-bản chi phối, kiềm-chế không tiến được, dù có độc-lập chính-trị; hai là thái-độ trung-lập, nghĩa là đứng giữa hai khối, lợi dụng cả hai để xây-dựng tư-bản kinh-tế trong nước. Cả hai lối tiểu-tư-sản liên-kết cũng như trung lập đều muốn vươn tới tư-bản và hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn...

Vậy thiết-tưởng, trong tình trạng thế-giới và nước nhà hiện tại, không nên đặt vấn-đề giai-cấp lãnh đạo vì một giai-cấp lãnh-đạo tất nhiên đưa đến giai-cấp thống-trị; mà giai-cấp thống-trị bao-hàm đấu tranh giai-cấp, vì giai-cấp thống-trị chỉ có thể là một bênh vực quyền lợi của giai-cấp mình. Sự vươn tới chính quyền của tư-bản hay cộng-sản là gì, nếu không phải là để bảo-vệ quyền-lợi của giai-cấp mình, mà không xét đến quyền-lợi các giai-cấp khác.

Tác-giả đã theo biện chứng duy-vật khi đi tìm một căn-bản tư-tưởng *cho* giai-cấp của ông; vậy tham vọng vươn tới lãnh-đạo, chính-quyền của tiểu-tư-sản cũng sẽ đưa đến sự đặt quyền lợi của giai-cấp lên trên hết. Tác-giả căn-cứ vào đâu khi quả-quyết quyền lợi của giai-cấp tiểu-tư-sản hòa hợp với quyền lợi của các giai cấp khác nghĩa là của toàn dân tộc trong khi tiểu-tư-sản cũng vẫn bước theo cái lối cũ của tư-bản và cộng-sản.

Vậy phải đi tìm một lối đi mới.

Tôi nghĩ rằng ngày nay thế-giới đang tiến tới một nền văn

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

minh cần lao (civilisation du travail). Những biến đổi vĩ-đại đảolộn xã-hội từ thế kỷ XIX khi khoa-học xuất-hiện và được đem áp-dụng vào kỹ-thuật máy móc đã nâng yếu-tố kinh-tế lên một địa-vị quan trọng nhất, kết-quả là đưa đến việc thiết-lập nền kinh-tế tư-bản, và tập sản qua những cuộc cách-mạng, thế-giới đại-chiến như chúng ta đã thấy. Qua những chuyển biến đó, **ý-niệm cần-lao đã xuất-hiện như một thực tại mới mẽ, một điều-kiện căn-bản định-đoạt thái độ sống, thay đổi cơ cấu xã-hội thành một trật-tự áp-bức hay giải-phóng con người tùy theo cách chúng ta quan niệm và tổ-chức cần-lao.**

Một sự kiện quan-hệ mà đến nay có lẽ người ta không để ý đến khi đặt vấn-đề xã-hội là cuộc cách-mạng kỹ-thuật (révolution technique) đưa tới một nền văn minh kỹ-thuật hoàn toàn khác hẳn với những văn minh cũ. Chính cuộc cách-mạng kỹ-thuật đó mới là căn-bản mà tư-bản, cộng-sản có lẽ chỉ là hai nỗ-lực tổ-chức kinh-tế theo những đòi hỏi đặc biệt của một văn-minh xây trên kỹ-thuật máy móc. Tôi cho rằng những khuyết điểm sai-nhầm, bế tắc của tư-bản, Cộng-sản như hai giải pháp xã-hội của cuộc cách mạng kỹ thuật có lẽ cũng chỉ vì chưa lãnh hội được hết yếu tính (essence) của một văn-minh kỹ-thuật, nghĩa là những khía cạnh phức-tạp, hoàn toàn mới mẽ của nó. Do đó, một lý-thuyết xã-hội mới phải được xây-dựng trên phân tách những yếu-tố đặc-biệt nội tại của một nền văn-minh kỹ thuật và những lý do thực sự đưa đến bế tắt trong chủ-nghĩa tư-bản, cộng-sản trước vấn-đề kỹ-thuật.

Tôi nghĩ rằng cuộc cách-mạng cơ-khí và những kinh-nghiệm tư-bản, cộng-sản làm cho khái niệm cần-lao xuất-hiện như một cơ-sở chính đáng của việc sản-xuất và phân phối lợi tức, nghĩa là như căn-bản của một chế-độ xã-hội hợp-lý. Sự phân-tách cần-lao cũng làm cho ta thấy rằng, hoạt-động kinh-tế, sản-xuất không phải là cứu-cánh đời người, nhưng chỉ là một *phương-tiện* cho một cuộc giải-phóng con người toàn-diện. Vậy một triết-lý cần-lao đưa đến một luân-lý cần lao nghĩa là đòi hỏi một sự *tôn trọng con người* trong những khát vọng sâu-xa, thiêng liêng mà cần-lao kinh-tế chỉ là phương-tiện, điều kiện thực-hiện. Cần lao bao hàm một quan-điểm *nhân-vị* về con người.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu một cuộc cách-mạng thứ ba phải thoát thai từ trình trạng tranh chấp giữa hai khối tư-bản cộng-sản, có lẽ cuộc cách-mạng đó sẽ là một cách-mạng đặt cơ-sở trên *Cần-lao và Nhân-vị* trong triển vọng giải-phóng toàn thể nhân loại, đông đảo nhân-dân, nghĩa là mặc một giá-trị phổ-biến, siêu giai-cấp.

Trong công cuộc đó, người trí-thức sẽ có một sứ-mệnh và nhiệm-vụ đặc biệt của mình, không phải là lãnh-đạo thống-trị, nhưng là *ý-thức nhận định và phê-bình* của một đoàn thể cần-lao muốn xây dựng một xã-hội hợp-lý, tạo điều kiện cho một cuộc đời có ý-nghĩa sống và đáng sống.

**NGUYỄN-VĂN-TRUNG.**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# BURKHARD HEIM VÀ THUYẾT TRỌNG - LỰC

Từ lâu, người ta đã đặt hai câu hỏi : trọng-lực là gì và làm sao tạo ra được trọng-lực ? Biết đâu một ngày gần đây trả lời sẽ được đưa ra ánh-sáng và do đó cuộc đi viếng cung trăng sẽ chỉ là câu chuyện thường ngày !

Nhà bác học trẻ tuổi Đức, Burkhard Heim, trong cuộc hội-nghị *« Vãng lai các hành-tinh »* vào khoảng đầu năm qua ở Frankfurt đã được tiếng tăm vang lừng vì ông đã chịu để *« hở »* ra ít nhiều công cuộc tìm tòi của ông về trọng-lực và việc áp-dụng trong chiếc xe đi du-lịch các hành-tinh.

Cách đây 50 năm, thuyết tương-đối suy rộng của Einstein ra đời và chứng-minh sự chuyển-hoán giữa vật-chất và năng-lực ; áp dụng thuyết ấy là bom nguyên-tử và các máy phản-động hạch. Sau đó, phương-trình trường qui-nhất đề-nghị sự chuyển-hoán giữa điện-lực, từ-lực và trọng-hấp-lực. Như vậy nghĩa là một điện-từ-trường có thể đổi thành trọng-hấp-trường, và ngược lại. Đi xa hơn nữa, người ta có thể thay đổi hay nghịch đảo trọng-lượng một vật ; với điện-từ-lực người ta có thể tạo ra một trọng-hấp-trường *âm* ở trong ấy những khối-lượng không còn hút nhau nữa mà lại đẩy nhau ra ; và ngược lại, người ta cũng có thể đổi trọng-hấp-trường ra điện-lực.

Muốn áp-dụng thuyết ấy phải hiểu rộng ra thế nào ? Đồng ý với các nhà bác-học khác, Heim giả-thiết rằng trọng-hấp-lực cũng như điện-lực và từ-lực phát nguồn từ trong nguyên-tử ; và nếu người ta đã tìm ra được những điện-tử âm và dương thì cũng có thể có những vi-thể trọng-hấp âm và dương. Những trọng-hấp-tử ấy phải chăng là những mê-dông gắn hàn những thành phần của nguyên-tử ? Heim tin rằng người ta có thể dùng một điện-từ-trường để thay đổi, làm mạnh thêm hay giảm bớt lại mê-dông-trường và như thế có thể tạo ra hoặc trọng-hấp-lực biến thành năng-lực hoặc điện-lực, ánh sáng hay phản-trọng-hấp-lực.

Heim đã đi xa hơn nữa : người phụ-tá trẻ tuổi của ông ta, Haus Goslich, đã làm cho ông một cái máy nhắm mục đích có thể đổi một luồng sóng điện thành một luồng sóng trọng-hấp ; luồng sóng nầy sẽ phát-biểu bằng một sức đẩy cơ-khí nghĩa là sự thay đổi trọng-lượng một vật dùng làm tiêu-chuẩn. Nếu thành công được thì Heim đã đi một bước dài trên đường xây dựng chiếc xe đi du-lịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

các hành-tinh. Theo cách tính của Heim thì chiếc xe ấy sẽ là một cái trứng khổng-lồ, cao 22, 5 thước, biến-chuyển dần những điện-từ-lực của vũ-trụ ra trọng-hấp-lực. Như vậy, với 250 ki-lô nhiên-liệu, ông ta có thể lên cung trăng trong 3 tiếng rưỡi đồng-hồ!

Heim còn trẻ lắm, năm nay mới 32 tuổi, tương lai của ông còn dài. Năm 16 tuổi, ông ta làm ở phòng chất nổ Viện hóa-học kỹ-thuật Berlin. 2 năm sau, ngày 19-5-1944, đang làm dở một chất nổ thì có báo động; ông vội chạy xuống hầm, quên mình đang nắm bình chất nổ trong tay... Năm 20 tuổi, ở nhà thương ra, ông bị mù cả hai mắt, cụt hai tay và gần điếc. Trở về nhà, ông nhờ bà mẹ hiền ngày đêm đọc cho nghe hằng đống sách về vật-lý và toán học. Nhờ trí thông-minh, nghe một, hai lần ông thuộc hết các bài. Ông đi học tiếp ở Viện Max Planck ở Gœttingen. Ở đấy, ông gặp được một cô sinh-viên, Gerda Straube, cảm phục ông, nay vừa là vợ, vừa là thư ký và nữ khán-hộ của ông.

Heim hiện nay không phải là người độc nhất ở hoàn cầu đang khảo-sát về trọng-lực. ở Đức còn có giáo-sư Pascual Jordan, hai nhà tấn-sĩ Eugen và Irene Sänger. Ở Mỹ, những hãng máy bay Gelun Martin, Sperry Rand và Convair đều có phòng thí-nghiệm riêng; ở các trường đại-học Californie, Princeton và ở Viện kỹ-thuật Massachuetts, các vật-lý gia có tiếng như Edward Teller và Ernest O. Lawrence cũng dành một phần lớn trong công việc học hỏi về trọng-lực.

Thế nào trong một ngày gần đây chúng ta lại còn có dịp bàn tới thuyết trọng-lực với cuộc viễn-du các hành-tinh và Burkhard Heim mà người ta đã tặng biệt danh « *nhà Einstein mới* ».

## Danh từ

Thuyết tương-đối suy rộng: la théorie de relativité généralisée
Sự chuyển-hoán: la permutabilité
Máy phản-động hạch: le réacteur nucléaire
Phương trình trường qui nhất: l'équation du champ unifié
Trọng-hấp-lực: la force gravitionnelle.
Trọng-hấp-trường: le champ de gravité
Điện-tử âm và dương: l'électron et le positron.
Mê-dông: méson.
Trọng-hấp-tử: le gravitron.
Mê-dông-trường: le champ mésonique.
Phản-trọng-hấp-lực: la force antigravitionnelle.
Sức đẩy cơ-khí: la poussée mécanique.

VÕ-QUANG-YẾN

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*VÀI NHẬN XÉT VỀ CUỐN PHIM*

# ĐỒNG RUỘNG MIỀN NAM

(Mort en Fraude)

CÙNG với phong-trào hướng về Á-đông nhất là hướng về Việt-Nam của giới văn-nghệ Âu-Mỹ, phim « *Đồng ruộng Miền Nam* » ra đời. Phim của Marcel Camus, rút tích truyện tự cuốn tiểu-thuyết « *Mort en fraude* » của văn sĩ Hougron.

## Cốt-truyện.

Cốt truyện phim đã xa rất nhiều tiểu-thuyết, vì nếu tiểu-thuyết của Hougron là một truyện phiêu-lưu, mạo-hiểm, chỉ mục-đích kích-thích trí tò mò, lòng ham-chuộng những mới lạ của ngoại-quốc, thì phim đã chỉ mượn một vài tiểu-tiết cùng khung-cốt để vượt tới một mục-đích sâu-xa hơn : xã-hội và tư-tưởng.

Đây là chuyện một người Pháp, vô tình mà buôn lậu, vì mất gói « *hàng* » bị bọn buôn lậu săn đuổi, phải chạy trốn. Người đó gặp cô Anh, một cô gái Việt. Cô Anh đưa người Pháp về trốn nơi làng cô : làng Vĩnh-Bảo. Tại làng này, người Pháp sống chung-đụng với ông ngoại cô, bà mẹ và người em trai nhỏ của cô. Người Pháp giúp vào đời sống gia đình cũng như đời sống trong làng, quên những hèn nhát của mình để chỉ nghĩ tới những đời sống khổ-sở chung quanh. Kết-cục phim là người Pháp đó đã phá đê của làng Vĩnh-Bảo để đem lại an-ninh trong làng. Vì phá đê mà anh đã chết . không tên tuổi.

## Dàn-cảnh, hình-ảnh và các tài-tử.

Dàn-cảnh, tổng-quát đã đi tới mục-đích : hấp-dẫn khán-giả và đôi khi đã đưa được khán-giả đến chỗ quên rằng mình là khán-giả mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

*VÀI NHẬN XÉT VỀ CUỐN PHIM*

# ĐỒNG RUỘNG MIỀN NAM

(Mort en Fraude)

CÙNG với phong-trào hướng về Á-đông nhất là hướng về Việt-Nam của giới văn-nghệ Âu-Mỹ, phim « *Đồng ruộng Miền Nam* » ra đời. Phim của Marcel Camus, rút tích truyện tự cuốn tiểu-thuyết « *Mort en fraude* » của văn sĩ Hougron.

## Cốt-truyện.

Cốt truyện phim đã xa rất nhiều tiểu-thuyết, vì nếu tiểu-thuyết của Hougron là một truyện phiêu-lưu, mạo-hiểm, chỉ mục-đích kích-thích trí tò mò, lòng ham-chuộng những mới lạ của ngoại-quốc, thì phim đã chỉ mượn một vài tiểu-tiết cùng khung-cốt để vượt tới một mục-đích sâu-xa hơn : xã-hội và tư-tưởng.

Đây là chuyện một người Pháp, vô tình mà buôn lậu, vì mất gói « *hàng* » bị bọn buôn lậu săn đuổi, phải chạy trốn. Người đó gặp cô Anh, một cô gái Việt. Cô Anh đưa người Pháp về trốn nơi làng cô : làng Vĩnh-Bảo. Tại làng này, người Pháp sống chung-động với ông ngoại cô, bà mẹ và người em trai nhỏ của cô. Người Pháp giúp vào đời sống gia đình cũng như đời sống trong làng, quên những hèn nhát của mình để chỉ nghĩ tới những đời sống khổ-sở chung quanh. Kết-cục phim là người Pháp đó đã phá đê của làng Vĩnh-Bảo để đem lại an-ninh trong làng. Vì phá đê mà anh đã chết . không tên tuổi.

## Dàn-cảnh, hình-ảnh và các tài-tử.

Dàn-cảnh, tổng-quát đã đi tới mục-đích : hấp-dẫn khán-giả và đôi khi đã đưa được khán-giả đến chỗ quên rằng mình là khán-giả mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

hồi-hộp cùng chung sống với cảnh trong phim. Nhưng còn một vài thiếu sót. nói cho đúng hơn một vài điểm vụng-về khiến cho ta khó tin sự-kiện có thể xảy ra được. Tỉ-dụ như lần đầu tiên gặp một người Pháp, cô Anh đã nhận ngay lời đưa người đó đi trốn. Tỉ dụ khác: người Pháp đi trốn một cách mù quáng, không suy-xét, không rõ sự đi trốn đó sẽ đưa tới đâu. Một vài điểm như thế làm cho người xem phim bực-tức, khó chịu.

Về phần hình-ảnh, có nhiều cảnh rất đẹp, khêu gợi được cái nhớ, cái yêu đất nước Việt-nam, dù người khán-giả không quên rằng nơi đây, chiến-tranh tàn-khốc đương xảy ra. Một vài con thuyền trên sông, vài ba câu hò, những cánh đồng ngập nước, một vài mái tranh... tất cả những cái đó có một sức quyến-rũ lạ lùng (có lẽ vì tôi là một khán-giả Việt-nam chăng ?)

Về phần tài-tử, vai chính bên trai là Daniel Gélin. Không phụ danh, Daniel Gélin đã tả được phần rất lớn tình-tiết của vai mình đóng. Ta cần hiểu rằng vai đó rất khó ở chỗ phải qua hai tâm-trạng hoàn-toàn trái-ngược: tự một anh làm công tới Việt-nam, « *vô-tình* » buôn lậu, hèn-nhát và vô trách-nhiệm, Gélin phải đột-ngột trở thành một kẻ anh hùng, can-đảm, chịu hy-sinh, biết trách-nhiệm của con người. Chính vì phải đột-ngột qua hai tâm-trạng trái ngược đó nên có lúc Gélin làm cho ta, khán-giả, khó chịu. Nhưng đó không phải lỗi tại Gélin.

Vai chính phía nữ là Anh Méchard. Chưa từng là một tài-tử có kinh-nghiệm, Anh Méchard đã không làm ta thất vọng; trái lại, có khi còn làm cho ta cảm-động. Cũng lâm vào trường-hợp như Gélin, Anh Méchard phải qua 2 tâm-trạng trái-ngược: từ một cô gái khô-khan, ham tiền, Anh phải trở nên giầu tình-cảm, hào-phóng, biết hi-sinh đồng tiền cho ích lợi chung.

Các vai khác đều lột tả được hết tình-tiết: ông già, bà mẹ, đứa em trai (lối đóng hồn nhiên của em nhỏ đã thu-hấp rất mạnh), ông lý trong làng...

## Ý-nghĩa sâu-xa.

Nếu coi phim « *Đồng ruộng Miền Nam* » như một phim khác mà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhìn một cách thờ-ơ thì phim này không khác gì những phim ta đã thường xem : có phần ưu-điểm, có phần khuyết-điểm. Xem cho qua thời-giờ, giải-trí.

Nhưng nếu đi sâu vào ý muốn của nhà dàn cảnh, ta cần nhận định rằng trình bày một phim không ý-nghĩa không phải là mục-đích của nhà dàn-cảnh. Mục-đích của ông là tiến tới một tư tưởng sâu xa hơn, giàu ý-nghĩa hơn. Đạt được mục-đích hay không lại là một vấn-đề khác.

Muốn tiến tới chỗ hiểu rõ thâm ý của nhà dàn cảnh, trước hết ta phải hoàn-toàn khách-quan mà nhận định : ta cần quên rằng ta là một khán giả Việt-nam ; quên vai chính là một người Pháp quên khung-cảnh là đất-nước Việt-nam. Sau đó, ta cũng cần bỏ hết óc quốc gia thiển-cận, tránh lòng tự-kiêu, bỏ hết óc bài-ngoại.

Như thế ta sẽ không « *đau đớn* » khi nhìn thấy nhiều cảnh khốn-nạn làm cho ta phẫn-nộ, cảnh đói khổ, cảnh ăn thịt cắc-kè, cảnh ăn củ, ăn rễ cây, cảnh thiếu gạo, cảnh thiếu thuốc, cảnh trẻ con nheo nhóc... Vì những cảnh đó là cảnh thực. Dù ta muốn hay không, những cảnh đó vẫn có. Mà cảnh đó không riêng trong nước ta. Cảnh đó xảy ra và có thể xảy ra trong tất cả các nước khác. Nhớ lại hồi Đức chiếm đóng nước Pháp, dân chúng, con trẻ đói khổ có kém gì ta trong thời kháng-chiến đâu ?

Với tâm trạng hoàn-cảnh khách-quan như trên đã nói, ta nhận thấy rằng bản-năng hướng-thiện vẫn là vĩnh viễn trong con người. Bản năng đó chỉ cần có hoàn-cảnh thích-hợp là có thể phát-hiện.

Nói bản năng hướng-thiện vĩnh-viễn vì ta thử đặt truyện phim vào những khung cảnh khác, ta thấy vẫn đúng. Cụ thể hơn, ta thử tưởng-tượng truyện xảy ra trong hồi Pháp bị Đức chiếm đóng : một người Đức buôn lậu, phải chạy trốn vào một làng Pháp, gặp một cô gái Pháp, có những cử-chỉ hào-hiệp, cũng như cô gái Pháp có những hành-động vượt bực... Hoặc ta cũng có thể đặt truyện vào khung cảnh Mỹ đóng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

quân tại Nhật : vai chính sẽ là một người Mỹ và một cô gái Nhật. Trong hai trường-hợp tỉ dụ trên, ta có thể kết-luận rằng những hành-vi của những vai tuồng có thể xảy ra như truyện được không ? Và ta kết-luận là có thể.

Và tự đó, khi ta thấy cử-chỉ của cô Anh khi cô không bỏ rơi người Pháp, khi cô Anh bỏ tiền riêng ra mua thóc cho dân làng có lúa vãi, khi người Pháp liều mạng để đi lấy thuốc chữa bệnh sốt rét, khi người Pháp khuyến-khích dân trong làng trồng lúa, khi người đó hy-sinh tính-mạng để phá đê, ta cũng nhận thấy đó chỉ là những cử-chỉ của người, người không tên tuổi, người vĩnh-viễn, người của nhân-loại.

Chính cái triết-lý sâu xa, có tính-cách vượt mức đó khiến cho ta tin-tưởng vào tiền-đồ nhân-loại Vì khi hai người ngoại-quốc gặp nhau, không bó buộc hai người đó phải là thù địch. Có thù địch chăng chỉ là những hoàn-cảnh, những sự-kiện ngoại-lai đưa tới. Khi hai người sống gần nhau, ta chỉ thấy cái giây liên-lạc giữa người và người, người không có tên một quốc-gia nào, Việt-nam, Pháp, Đức, Mỹ, Ý...

Ý-nghĩa sâu xa của cuốn phim là như thế, nhưng nhà dàn-cảnh đã không đạt được mục-đích về phương-diện này khiến ta không nhận thấy rõ ràng. Cũng vì đó mà nhiều người đã chê cuốn phim lẽ ra phải làm cho ta vô cùng cảm-động.

PHÙNG-BÁ-HUY

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

## HỘP THƯ TÒA - SOẠN

**Ô. Lê-xuân-Nhuận** (Huế).— Đã nhận được bài Thơ của ông, nhưng rất tiếc không đăng được vì Đại-Học chỉ là một tạp-chí nghiên-cứu thôi. Thành-thật cám ơn thiện-chí của ông.

**Ô. Huỳnh hữu-Hiến** (Huế).— Đã nhận được thư và bài báo của ông Ngô-đức-Kế và Huỳnh-thúc-Kháng về truyện Kiều. Xin cám ơn tấm lòng nhiệt-thành của ông đã giúp chúng tôi có những tài liệu quý báu đó để tiện việc tra cứu về sau.

## CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC - GIẢ

*Tạp-chí Nghiên cứu ĐẠI-HỌC Huế đã nhận được những số tiền gởi về ủng-hộ hoặc bưu-phiếu mua báo của Quý-vị độc-giả sau đây, Tạp-chí ĐẠI-HỌC xin trân-trọng có lời cảm tạ :*

*(tiếp theo kỳ trước)*

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn-Trân Tỉnh-Trưởng Định-tường Nam-Việt | | 200$00 |
| — Phạm-văn-Lắm Thanh-tra Tiểu-học Định-tường | | 100$00 |
| — Thân-trọng-Hoằng Nha Đại-diện Thông-tin Huế | | 100$00 |
| — Nguyễn-văn-Ngọc - nt - | Huế | 90$00 |
| L.M. Nguyễn-định-Tường Giám-đốc Chủng-viện Blao | | 200$00 |
| Quý-vị Giáo-sư trường Trung-học Võ-Tánh Nha-trang | | 745$00 |
| Bạn Lâm-hữu-Đức sinh-viên Chợlớn | | 100$00 |
| Ông Cao-xuân-Thiệu Đổng-lý Văn-phòng Tòa Đại-biểu | Đàlạt | 90$00 |
| — Đồng-phúc-Trường | Đalạt | 90$00 |
| — Nguyễn-bá-Long | Đàlạt | 100$00 |
| Trường Trung-học Thực-nghiệp Nhatrang | | 100$00 |
| Ông Tỉnh-trưởng tỉnh Quảng-ngãi | | 1.000$00 |
| — Trần-đình-Trọng Kbc. 4 838 | | 90$00 |
| Ty Công-an tỉnh Phú-yên | | 678$00 |
| L.M. Nguyễn-văn-Trọng Huế | | 100$00 |
| — Phan-văn-Bố Huế | | 100$00 |
| — Trần-văn-Hưng Huế | | 100$00 |
| Trường Trung-học Bồ-đề Huế | | 360$00 |

*(còn nữa)*

**Tạp-chí Nghiên-cứu Đại-Học Huế**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

# TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

## ĐẠI-HỌC TRONG NHỮNG SỐ SAU SẼ ĐỀ-CẬP VỀ :

### TRIẾT-LÝ CHÍNH-TRỊ XÃ-HỘI

- Sứ mệnh người trí-thức
- Thiết lập một lý-thuyết về nhà nước
- Cần-lao và Nhân-vị
- Tự-do và Nhân-vị
- Tiến tới một văn-minh Cần-lao
- Nhân-vị trong « Hồn bướm mơ Tiên »

### PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

- Nhận xét về phê-bình Văn-chương ngoại-quốc
- Những quan-niệm hiện đại về phê-bình văn-học ở Âu-châu
- Tình hình phê-bình văn-học hiện nay ở V. N.
- Những tác-phẩm giá-trị trong văn-chương Thái-Lan.

### KHOA-HỌC

- Vài nhận xét về bệnh Câu-trùng ở Huế
- Nấm độc
- Những quan-niệm hiện-đại về vật-lý

### KHOA-HỌC NHÂN-VĂN

- Tương-quan giữa khoa-học thực-nghiệm và khoa học nhân-văn
- Hướng lịch-sử theo Karl Jaspers
- Những triết-sử-quan theo Berdiaeff, Raymond Aron, H. Marrou ...
- Những khuynh-hướng lớn của Tâm-lý-học hiện-đại
- Ý-nghĩa và giới hạn Xã-hội-học trong việc tìm hiểu con người
- Hiện-tượng-luận và khoa-học nhân-văn...

*GIÁ* **15$00**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục